

Số: 17 /GCN-UBCK

Hà Nội, ngày 25 tháng 04 năm 2016

SỐ GIAO DỊCH CHỨNG KHOÁN TP. HỒ CHÍ MINH	
Số: 15658	ĐẾN
Ngày: 27/4/16	
Chuyển: N70	
Lưu hồ sơ số:	

GIẤY CHỨNG NHẬN

Đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi

CHỦ TỊCH ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC

Căn cứ Luật Chứng khoán ngày 29 tháng 06 năm 2006;

Căn cứ Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán ngày 24 tháng 11 năm 2010;

Căn cứ Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26 tháng 06 năm 2015 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP ngày 20 tháng 07 năm 2012 của Chính phủ quy định chi tiết và hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Chứng khoán và Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Chứng khoán;

Căn cứ Quyết định số 48/2015/QĐ-TTg ngày 08 tháng 10 năm 2015 của Thủ tướng Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Ủy ban Chứng khoán Nhà nước trực thuộc Bộ Tài chính;

Căn cứ Thông tư số 162/2015/TT-BTC ngày 26/10/2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn việc chào bán chứng khoán ra công chúng, chào bán cổ phiếu để hoán đổi, phát hành thêm cổ phiếu, mua lại cổ phiếu, bán cổ phiếu quỹ và chào mua công khai cổ phiếu;

Xét Hồ sơ đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân;

Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ Quản lý Chào bán chứng khoán,

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Cấp Giấy chứng nhận đăng ký chào bán cổ phiếu để hoán đổi cho:

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

- Tên giao dịch bằng tiếng Anh: VICEM HAI VAN CEMENT JOINT STOCK COMPANT;
- Tên viết tắt: VICEM HAI VAN;
- Địa chỉ trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ, Phường Hòa Hiệp Bắc, Quận Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng, Việt Nam;



- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0400101235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP. Đà Nẵng cấp đăng ký lần đầu ngày 01 tháng 04 năm 2008; đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 01 năm 2015.

- Vốn điều lệ : 399.600.000.000 đồng (ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng);

Điều 2. Cổ phiếu Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân được đăng ký phát hành để hoán đổi cổ phiếu của Công ty cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát theo các nội dung sau:

1. Loại chứng khoán: cổ phiếu phổ thông;
2. Mệnh giá cổ phiếu: 10.000 đồng (Mười nghìn đồng);
3. Tỷ lệ hoán đổi: 1:1;
4. Tổng số lượng cổ phiếu chào bán để hoán đổi: 1.565.250 cổ phiếu (một triệu năm trăm sáu mươi lăm nghìn hai trăm năm mươi cổ phiếu) cho cổ đông hiện hữu của Công ty cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát;
5. Tổng giá trị chào bán tính theo mệnh giá: 15.652.500.000 đồng (mười lăm tỷ sáu trăm năm mươi hai triệu năm trăm nghìn đồng);
6. Thời gian phân phối: Trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực;
7. Phương thức phân phối: Theo phương án nêu trong Bản cáo bạch;
8. Tổ chức tư vấn phát hành: Công ty cổ phần Chứng khoán Bản Việt.

Điều 3. Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân phải tuân thủ pháp luật Việt Nam, các quy định về chứng khoán và thị trường chứng khoán và nội dung trong Giấy chứng nhận này.

Điều 4. Giấy chứng nhận này có hiệu lực kể từ ngày ký.

Điều 5. Giấy chứng nhận này được lập thành năm (05) bản chính: Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân giữ 01 bản, Công ty cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát giữ 01 bản, Ủy ban Chứng khoán Nhà nước giữ 01 bản, 01 bản gửi cho Sở Giao dịch Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh và 01 bản gửi cho Trung tâm Lưu ký Chứng khoán Việt Nam./.

CHỦ TỊCH



Vũ Bằng

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI CHỈ CÓ NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP.

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN



(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 04 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 01 năm 2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

(Giấy chứng nhận chào bán số/GCN-UBCK do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày 25 tháng 04 năm 2016)

Bản cáo bạch này và tài liệu bổ sung sẽ được cung cấp tại:

Công ty cổ phần Xi Măng Vicem Hải Vân

Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ, Quận Liên Chiểu, Tp. Đà Nẵng, Việt Nam

Điện thoại: (0511) 3842172 Fax: (0511) 3842441

Website: www.haivancement.vn Email: Info@haivancement.vn

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 3914 3588 Fax: (08) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 6262 6999 Fax: (04) 6278 2688

Phụ trách công bố thông tin

Họ tên: Ông Đinh Ngọc Châu Chức vụ: Kế Toán Trưởng

Số điện thoại: (0511) 3842529

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0400101235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01 tháng 04 năm 2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 14 tháng 01 năm 2015)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐỂ HOÁN ĐỔI

Tên cổ phiếu: CỔ PHIẾU CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN
Mệnh giá: 10.000 đồng
Giá bán: 10.000 đồng / cổ phần
(Mười ngàn đồng một cổ phần)
Tổng số lượng phát hành: 1.565.250 cổ phần
Tổng giá trị phát hành theo mệnh giá: 15.652.500.000 đồng

TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Công ty TNHH ENRST & YOUNG Việt Nam

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội
Điện thoại: 84-4 3831 5100 **Fax:** 84-4 3831 5090

TỔ CHỨC TƯ VẤN

Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP HCM
Điện thoại: 84-8 3914 3588 **Fax:** 84-8 3914 3209
Chi nhánh Hà Nội: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội
Điện thoại: 84-4 6262 6999 **Fax:** 84-4 6278 2688

MỤC LỤC

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO	4
1. Rủi ro về kinh tế.....	4
2. Rủi ro về luật pháp.....	6
3. Rủi ro đặc thù.....	7
4. Rủi ro của đợt chào bán	8
<i>Nguồn: Căn cứ BCTC kiểm toán năm 2015 của HVX.....</i>	<i>8</i>
5. Rủi ro khác	8
II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH	10
1. Tổ chức chào bán	10
2. Tổ chức tư vấn	10
III. CÁC KHÁI NIỆM	11
IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH	13
1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển.....	13
1.1. Giới thiệu về Công ty.....	13
1.2. Quá trình hình thành và phát triển	14
1.3. Quá trình thay đổi Vốn điều lệ của Công ty	16
2. Cơ cấu tổ chức Công ty.....	16
3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty.....	17
3.1. Đại hội đồng cổ đông.....	18
3.2. Hội đồng quản trị	18
3.3. Ban kiểm soát.....	18
3.4. Ban Tổng Giám Đốc	18
3.5. Phòng Hành chính -Quản trị (HC-QT)	18
3.6. Phòng Tổ chức – Lao động (TC-LĐ).....	19
3.7. Phòng Kế toán -Thống kê-Tài chính (KT-TK-TC).....	20
3.8. Phòng kế hoạch cung ứng (KH-CU).....	21
3.9. Xí Nghiệp tiêu thụ :	22
3.10. Phòng thí nghiệm KCS (TN-KCS)	23
3.11. Phòng kỹ thuật	24
3.12. Phân xưởng 1	25
3.13. Phân xưởng 2	26
4. Cơ cấu tổ chức chi nhánh Công ty – Nhà máy xi măng Vạn Ninh.....	27
5. Danh sách cổ đông	29
5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:	29
5.2. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 14/05/2015:	29
6. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán.....	29
6.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối HVX	30
6.2. Danh sách các Công ty mà HVX đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.	30
7. Hoạt động kinh doanh.....	30
7.1. Thông tin chung	30
7.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm.....	30
7.3. Hoạt động marketing.....	36
7.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền.....	39
7.5. Các hợp đồng lớn đang thực hiện	40
8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	41

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2013-2015	41
8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua.	41
9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành	43
9.1. Thực trạng hoạt động ngành xi măng việt nam	43
9.2. Vị thế của Công ty trong ngành	43
9.3. Triển vọng phát triển của ngành	44
9.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước	45
10. Chính sách đối với người lao động	46
10.1. Cơ cấu lao động trong Công ty	46
10.2. Chính sách đối với người lao động	46
11. Chính sách cổ tức	49
12. Tình hình hoạt động tài chính	50
12.1. Các chỉ tiêu cơ bản	50
12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu	52
13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng	53
13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị	53
13.2. Ban kiểm soát	60
13.3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng	63
14. Tài sản	68
15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016-2017	70
15.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2016-2017	70
15.2. Cơ sở đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	71
16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức	74
17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành	74
18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán	74
V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI	75
Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối HPS	81
Danh sách các Công ty mà HPS đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.	81
VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN	97
1. Loại cổ phiếu	97
2. Mệnh giá	97
3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán	97
4. Tỷ lệ chuyển đổi	97
5. Đối tượng chuyển đổi:	98
HVX sẽ phát hành 1.565.250 cổ phần để đổi lấy 1.565.250 cổ phần HPS sở hữu bởi các cổ đông HPS.	98
6. Thời gian dự kiến chào bán	98
7. Phương thức phân phối	99
8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài	99
9. Các loại thuế có liên quan	99
VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH	101
1. TỔ CHỨC TƯ VẤN	101
2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN	101
VIII. PHỤ LỤC	101

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

1. Rủi ro về kinh tế

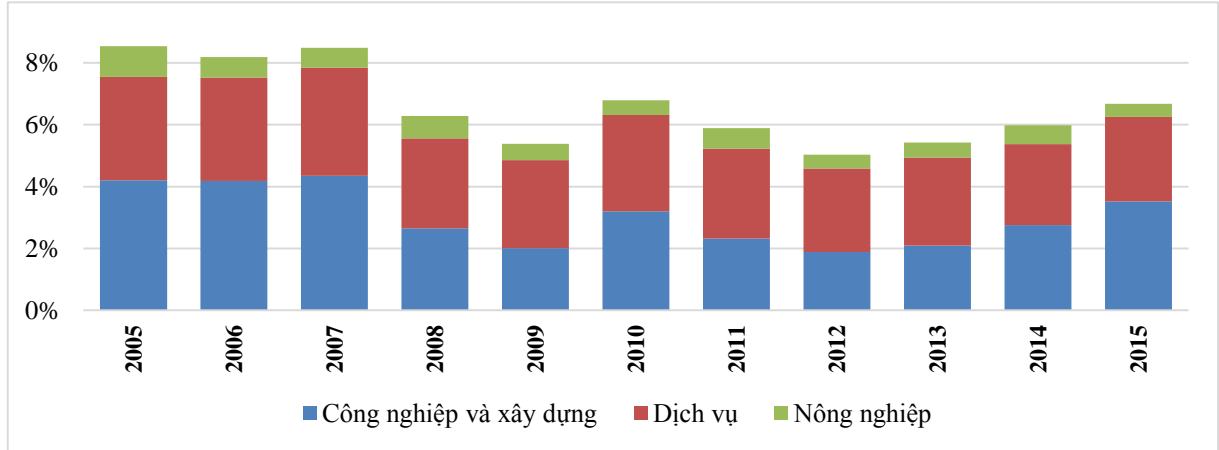
Yếu tố vĩ mô của nền kinh tế đóng vai trò quan trọng trong quá trình tăng trưởng của doanh nghiệp. Hiệu quả hoạt động và triển vọng kinh doanh đặt ra yêu cầu doanh nghiệp phải thích nghi kịp thời với sự biến động của các yếu tố từ môi trường kinh doanh. Rủi ro về kinh tế được xác định là loại rủi ro hệ thống tạo ra từ yếu tố vĩ mô, trong đó các yếu tố cơ bản tác động đến hoạt động kinh doanh là *i*) tốc độ tăng trưởng kinh tế; *ii*) tỷ lệ lạm phát và *iii*) tỷ lệ lãi suất. Phân tích môi trường vĩ mô nền kinh tế nhằm dự phòng mức độ tác động của yếu tố rủi ro đến chiến lược tăng trưởng và đảm bảo sự vận hành mô hình kinh doanh.

- **Tăng trưởng kinh tế**

Là một bộ phận của nền kinh tế nên hoạt động kinh doanh của Công ty luôn gắn liền với tốc độ tăng trưởng kinh tế. Theo số liệu từ Tổng cục Thống kê, tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2015 tăng 6,68% so với năm 2014, trong đó quý I tăng 6,12%; quý II tăng 6,47%; quý III tăng 6,87% và quý IV tăng 7,01%. Mức tăng trưởng năm 2015 cao hơn mục tiêu 6,2% Quốc hội đề ra, và là mức tăng trưởng cao nhất trong vòng 5 năm qua. Công nghiệp và xây dựng với mức tăng trưởng 9,64% tiếp tục dẫn dắt tăng trưởng kinh tế, trong đó ngành công nghiệp chế biến – chế tạo đóng vai trò chủ chốt nhờ vào dòng vốn đầu tư ổn định từ các tập đoàn đa quốc gia. Giải ngân FDI tổng cộng lên đến 14,5 tỷ USD trong năm 2015, tăng 17,4% so với năm 2014, là mức tăng trưởng hai con số lần đầu tiên kể từ năm 2008. Việc Việt Nam đã hoàn tất thương lượng một số hiệp định thương mại tự do quan trọng, trong đó có dự thảo TPP và Hiệp định thương mại tự do Việt Nam-EU, dòng vốn FDI được kỳ vọng sẽ tiếp tục được rót vào thị trường Việt Nam.

Tăng trưởng GDP năm 2016 tiếp tục được Quốc hội đề ra ở mức cao là 6,7%, thể hiện quyết tâm của Chính phủ từng bước xây dựng nền kinh tế tăng trưởng bền vững, tạo nền tảng vững chắc cho sự phát triển của các thành phần trong nền kinh tế và tác động tích cực đến hoạt động kinh doanh của tổ chức niêm yết. Tuy nhiên, triển vọng kinh tế dài hạn thường có nhiều yếu tố biến động khó xác định. Khi có những biến động trong chỉ số kinh tế vĩ mô sẽ ảnh hưởng ngay đến tốc độ đầu tư của nền kinh tế và ảnh hưởng trực tiếp đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Tăng trưởng GDP của Việt Nam giai đoạn 2005 - 2015



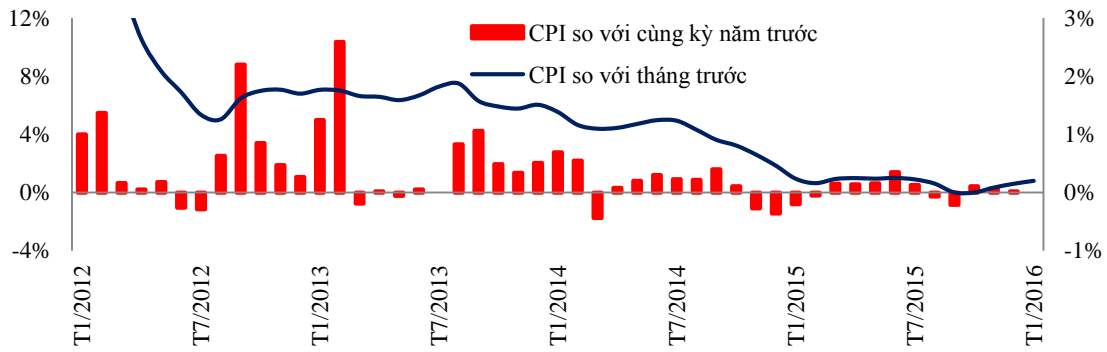
Nguồn: Tổng cục thống kê, VCSC

- **Lạm phát**

Lạm phát là yếu tố vĩ mô có tác động đến toàn bộ nền kinh tế, ảnh hưởng không nhỏ đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng. CPI bình quân năm 2015 tăng 0,63% so với bình quân năm 2014, là mức thấp nhất trong 14 năm trở lại đây và thấp hơn nhiều so với mục tiêu CPI tăng 5%. Các ban ngành điều hành chính sách thực thi kiểm chế lạm phát được triển khai quyết liệt và linh hoạt ứng phó với biến động lạm phát hàng tháng trong năm. Mức lạm phát được kiểm chế theo mục tiêu điều hành tổng hòa kinh tế vĩ mô là cơ sở cho chính sách tài chính tiền tệ nới lỏng trong năm, đồng thời kỳ vọng tỷ suất chi phí lãi suất vay, lãi suất trái phiếu thấp hơn và tăng khả năng tiếp cận nguồn tài chính cần thiết tài trợ cho hoạt động mở rộng qui mô kinh doanh. Với những dấu hiệu cải thiện vĩ mô rõ rệt từ cuối năm 2014 cho đến nay cũng như các định hướng tái cấu trúc kinh tế, thoái vốn đầu tư ngoài ngành kinh doanh chính hay chú trọng tăng hiệu quả đầu tư công đã mở ra triển vọng đạt được mục tiêu duy trì tăng trưởng ổn định và kiểm chế lạm phát duy trì đến hết năm 2016.

Quốc hội đã đặt mục tiêu duy trì chỉ số tăng giá tiêu dùng (CPI) ở mức thấp, dưới 5% cho năm 2016. Tuy nhiên, lạm phát luôn phụ thuộc vào nhiều yếu tố biến động khó xác định. Khi tỷ lệ lạm phát có sự biến động không thuận lợi thì sẽ ảnh hưởng đáng kể đến nền kinh tế nói chung và Công ty nói riêng.

Chỉ số giá tiêu dùng (CPI) theo tháng giai đoạn 2012 - 2015



Nguồn: Tổng cục thống kê, VCSC

• **Lãi suất**

Bên cạnh lạm phát, lãi suất cũng là một chỉ số tài chính vô cùng quan trọng mà Công ty phải luôn theo dõi và cập nhật hàng ngày nhằm đưa ra các chiến lược đầu tư hợp lý. Không phải bất kỳ một doanh nghiệp nào cũng đều có một lượng vốn đủ lớn để tiến hành tổ chức sản xuất kinh doanh mà phần lớn đều phải huy động thêm từ các nguồn bên ngoài, trong đó một kênh phổ biến là thông qua vay vốn và chịu lãi suất sử dụng đồng vốn vay. Khi lãi suất tăng lên sẽ ảnh hưởng trực tiếp đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp.

2. Rủi ro về luật pháp

Rủi ro luật pháp là rủi ro phát sinh do việc không áp dụng kịp thời, không phù hợp các văn bản pháp luật trong quá trình triển khai hoạt động kinh doanh của Công ty.

Là một công ty cổ phần đại chúng, hoạt động kinh doanh của Công ty bị chi phối bởi các văn bản pháp luật do Nhà nước quy định, trong đó trọng yếu là Luật Doanh nghiệp, Luật Chứng khoán và các văn bản pháp luật khác liên quan đến các ngành nghề hoạt động của Công ty.

Hiện nay hệ thống pháp luật của nước ta thiếu tính ổn định và không nhất quán, các văn bản hướng dẫn thi hành vẫn chưa hoàn chỉnh và đang trong giai đoạn hoàn thiện nên còn nhiều sửa đổi bổ sung dẫn đến có nhiều sự thay đổi và có thể phát sinh bất cập, ít nhiều sẽ ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty.

Do vậy, để hạn chế tối đa những rủi ro phát sinh liên quan đến yếu tố pháp lý trong quá trình hoạt động, Công ty luôn theo dõi, nghiên cứu và cập nhật các văn bản pháp luật có liên quan đến hoạt động của mình, đồng thời tham khảo và thuê tư vấn đối với những vấn đề pháp lý nằm ngoài khả năng của Công ty.

3. Rủi ro đặc thù

- ***Rủi ro cạnh tranh***

Hiện nay, thị trường bất động sản mặc dù có dấu hiệu phục hồi, nhưng vẫn chưa có tín hiệu rõ ràng về sự phát triển bền vững, nhiều dự án vẫn còn bị bỏ dở hoặc hoãn thực hiện, kéo theo ngành công nghiệp xi măng càng khó khăn thêm. Bên cạnh đó, số lượng các nhà máy xi măng trong những năm gần đây cũng tăng đáng kể dẫn đến cung xi măng đã vượt quá nhu cầu. Đồng thời, có nhiều công ty nhỏ lẻ, manh mún dẫn đến hiện tượng hàng tồn kho tăng, sản xuất cầm chừng, cạnh tranh không lành mạnh, bán phá giá v.v.. gây ra tình trạng giá cả thị trường xi măng trong toàn quốc không ổn định, ảnh hưởng đến tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên trong thời gian qua, tại khu vực miền trung, HVX là thương hiệu xi măng được người tiêu dùng ưa chuộng sử dụng, do đó mặc dù trong thời gian khủng hoảng thị trường bất động sản nhưng HVX vẫn luôn giữ là thương hiệu được lựa chọn trong khu vực này.

- ***Rủi ro biến động giá cả nguyên liệu đầu vào***

Nguyên liệu đầu vào quan trọng trong ngành sản xuất xi măng bao gồm: Đá vôi, đất sét, than, dầu, clinker, thạch cao, bazan, cước vận tải,... Trong khi đó, giá cả một số nguyên liệu đầu vào này thường biến động bất thường ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động kinh doanh của các Công ty sản xuất xi măng. Sau khi nhận chuyển nhượng vốn đầu tư nhà máy Xi măng Áng Sơn 2 tại Quảng Bình, CTCP xi măng Vicem Hải Vân có thuận lợi hơn khi chủ động được nguồn nguyên liệu chính chiếm tỷ trọng lớn trong giá thành sản phẩm, đó là Clinker. Công ty đã chủ động nguồn nguyên liệu chủ yếu như: đá vôi, đất sét với trữ lượng lớn, chất lượng cao và chi phí khai thác thấp; sản xuất được clinker chất lượng cao tại chi nhánh - Nhà máy Xi măng Vạn Ninh. Clinker được sản xuất tại nhà máy Xi măng Vạn Ninh của Công ty, được vận chuyển trực tiếp về nhà máy tại Đà Nẵng để sản xuất xi măng.

Đối với các nguyên liệu cần có sự cung cấp từ bên ngoài: một mặt, Công ty đã đầu tư phát triển công nghệ hiện đại nhằm nâng cao năng suất, giảm hao phí nguyên nhiên vật liệu, kiểm soát chặt chẽ hoạt động sản xuất kinh doanh nhằm tránh lãng phí, thất thoát nguyên nhiên vật liệu; mặt khác, Công ty luôn chú trọng xây dựng được kênh cung cấp nguyên liệu, tạo mối quan hệ bạn hàng lâu năm nhằm đảm bảo ổn định nguồn nguyên liệu cho sản xuất.

- **Rủi ro đặc thù của ngành**

Công nghiệp sản xuất và tiêu thụ xi măng là một ngành có mức độ phụ thuộc vào tình hình của mùa vụ xây dựng. Thông thường trong một năm tình hình tiêu thụ xi măng trong 6 tháng cuối năm có tốc độ tăng trưởng hơn 6 tháng đầu năm. Việc tiêu thụ xi măng hoàn toàn phụ thuộc vào sự thay đổi thời tiết, khí hậu và tiến độ các Công trình xây dựng đặc biệt là ở khu vực Miền trung.

Theo dự báo sắp tới sản lượng xi măng sẽ tiếp tục tăng từ việc đầu tư các dự án xi măng mới trên toàn quốc, do đó Công ty sẽ chịu nhiều sự cạnh tranh lớn từ các doanh nghiệp này. Đồng thời với việc Việt Nam gia nhập WTO, AFTA,... thuế nhập khẩu giảm chỉ còn từ 0% - 5%, khi đó Công ty sẽ phải đối mặt trực tiếp với sản phẩm nhập khẩu từ các quốc gia khác, gặp phải sự cạnh tranh gay gắt về giá.

4. Rủi ro của đợt chào bán

Công ty thực hiện phát hành thêm 1.565.250 cổ phần để hoán đổi 1.565.250 cổ phần của Công ty cổ phần Đá xây dựng Hòa Phát (HPS) và tăng vốn điều lệ từ 399.600.000.000 đồng lên 415.252.500.000 đồng, tương ứng 3,9% vốn điều lệ cho Cổ đông hiện hữu. Vì vậy, với phương án phát hành thêm cổ phiếu để hoán đổi cổ phiếu HPS như trên sẽ dẫn tới việc pha loãng cổ phiếu và ảnh hưởng đến tỷ lệ sở hữu hay quyền bỏ phiếu của các cổ đông hiện hữu giảm xuống.

Giá sổ sách bị pha loãng trước và sau khi phát hành:

STT	Khoản mục	Trước phát hành (đồng/ cổ phần)	Dự kiến sau phát hành (đồng/ cổ phần)
1	Giá trị sổ sách đến 31/12/2015	10.439	10.422

Nguồn: Căn cứ BCTC kiểm toán năm 2015 của HVX

5. Rủi ro khác

- **Rủi ro tài chính:**

Tình hình tài chính của hai doanh nghiệp nhận sáp nhập và được sáp nhập không tốt trong những năm vừa qua, do đó, bên cạnh các yếu tố thuận lợi thì việc sáp nhập hai doanh nghiệp cũng tiềm ẩn các yếu tố rủi ro về tài chính và rủi ro thanh toán các khoản nợ vay hiện tại của doanh nghiệp sau sáp nhập. Chúng tôi đã đề cập đến trong bản cáo bạch này để các nhà đầu tư được biết.

- **Các rủi ro khác**

Ngoài các rủi ro đã trình bày trên, hoạt động của Công ty có thể chịu ảnh hưởng của thiên tai như động đất, dịch bệnh, lũ lụt... mà khi xảy ra có thể gây thiệt hại tài sản của Công ty cũng như ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty. Đây là những rủi ro hiếm gặp trong thực tế, nhưng khi xảy ra thường gây thiệt hại rất lớn về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của Công ty.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức chào bán

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

- Bà Trần Thị Minh Anh - Chức vụ: Chủ tịch HĐQT
- Ông Trần Văn Khôi - Chức vụ: Tổng Giám đốc
- Ông Trịnh Ngọc Thắng - Chức vụ: Trưởng Ban kiểm soát
- Ông Đinh Ngọc Châu - Chức vụ: Kế toán trưởng

Chúng tôi đảm bảo rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là chính xác, trung thực và cam kết chịu trách nhiệm phù hợp với thực tế mà chúng tôi được biết, hoặc đã điều tra, thu thập một cách hợp lý.

2. Tổ chức tư vấn

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

- Ông Tô Hải - Chức vụ: Tổng Giám Đốc

Bản cáo bạch này là một phần của hồ sơ đăng ký phát hành do Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt tham gia lập trên cơ sở Hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân. Chúng tôi đảm bảo rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trong Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:


TỪ NGỮ, KHÁI NIỆM	DIỄN GIẢI
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp cho các nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau.
Cổ phiếu	Chứng khoán xác nhận quyền và lợi ích hợp pháp của người sở hữu đối với một phần vốn cổ phần.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu cổ phần đã phát hành của Công ty.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của Công ty sau khi thực hiện các nghĩa vụ về tài chính.
Người có liên quan	Là cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none">- Cha, cha nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của cá nhân.- Tổ chức mà trong đó có cá nhân là nhân viên, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, chủ sở hữu trên mười phần trăm số cổ phiếu lưu hành có quyền biểu quyết.- Thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát, Giám đốc hoặc Tổng giám đốc, Phó Giám đốc hoặc Phó Tổng giám đốc và các chức danh quản lý khác của tổ chức đó.- Người mà trong mối quan hệ với người khác trực tiếp, gián tiếp kiểm soát hoặc bị kiểm soát bởi người đó hoặc cùng với người đó chịu chung một sự kiểm soát.- Công ty mẹ, công ty con.- Quan hệ hợp đồng trong đó một người là đại diện cho người kia.
Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân thông qua.
Vốn điều lệ	Số vốn do tất cả các cổ đông góp và được ghi vào Điều lệ của

	Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân .
Sổ cổ đông	Chúng chi do Công ty Cổ phần Xi Măng Vicem Hải Vân phát hành nhằm xác nhận quyền sở hữu phần vốn góp trong Công ty.
Công ty, HVX, Tổ chức phát hành	Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân .
Tổ chức tư vấn, Bản Việt	Công ty Cổ phần chứng khoán Bản Việt.
Tổ chức kiểm toán	Công ty TNHH Tư vấn Kế toán và Kiểm toán Việt Nam – là tổ chức kiểm toán độc lập thực hiện việc kiểm toán báo cáo tài chính của Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân
UBCKNN	Ủy ban chứng khoán Nhà nước
VSD	Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam
TTCK	Thị trường chứng khoán
DHDCĐ	Đại hội đồng cổ đông
HĐQT	Hội đồng quản trị
BKS	Ban kiểm soát
BTGD	Ban Tổng Giám đốc
BCTC	Báo cáo tài chính.
CNĐKKD	Chứng nhận đăng ký kinh doanh
CBCNV	Cán bộ công nhân viên.

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

1.1. Giới thiệu về Công ty

- Tên công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN**
- Tên Tiếng Anh: **VICEM HAI VAN CEMENT JOINT STOCK COMPANY**
- Tên giao dịch viết tắt: **HVC**
- Trụ sở chính: 65 Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Đà Nẵng, tỉnh Đà Nẵng
- Điện thoại: 0511. 3842 172
- Fax: 0511. 3842441
- Email: info@haivancement.vn
- Website: www.haivancement.vn
- Logo: 
- Vốn điều lệ: 399.600.000.000 đồng
(Ba trăm chín mươi chín tỷ sáu trăm triệu đồng)
- Giấy chứng nhận
ĐKKD: Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân hoạt động theo giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0400101235 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Đà Nẵng cấp ngày 01/04/2008 và đăng ký thay đổi lần thứ 5 ngày 14/01/2015.
- Ngành nghề sản xuất
kinh doanh theo Giấy
CNDKKD
 - ✓ Công nghiệp sản xuất xi măng và clinker
 - ✓ Kinh doanh xi măng và clinker ;
 - ✓ Xuất nhập khẩu xi măng và clinker;
 - ✓ Xuất nhập khẩu vật tư, máy móc, thiết bị phục vụ cho ngành xi măng; xuất nhập khẩu xi lò cao các loại.
 - ✓ Sản xuất, kinh doanh các loại vật liệu xây dựng; sản xuất bê tông và các sản phẩm từ xi măng, thạch cao.
 - ✓ Khai thác khoáng sản, các loại phụ gia cho sản xi măng; khai thác đá vôi, đất sét, cao silic, quặng sắt.
 - ✓ Kinh doanh đầu tư bất động sản, nhà hàng, khách sạn ;
 - ✓ Kinh doanh cảng biển;
 - ✓ Cho thuê nhà xưởng , kho bãi, san lấp mặt bằng, Chè

tạo, sửa chữa phụ tùng, phụ kiện phục vụ ngành xi măng;

- ✓ Kinh doanh vận tải hàng bằng xe ô tô, đường thủy nội địa;
- ✓ Bốc xếp hàng hóa
- ✓ Kinh doanh các ngành nghề khác phù hợp với quy định của pháp luật.

Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân hoạt động theo hình thức Công ty cổ phần, hạch toán độc lập, được quyền sử dụng con dấu riêng theo quy định của pháp luật để giao dịch với các đơn vị trong và ngoài nước.

1.2. Quá trình hình thành và phát triển

Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân là doanh nghiệp nhà nước trực thuộc Tổng Công ty công nghiệp xi măng Việt Nam, tiền thân là Xí nghiệp Liên doanh Xi măng Hoàng Thạch với công suất 80.000 tấn/năm vào năm 1990 tại Khu Công nghiệp Liên Chiểu, Thành phố Đà Nẵng.

Đến tháng 04/1994, nhằm đáp ứng nhu cầu xây dựng một ngày một gia tăng của thị trường Quảng Nam - Đà Nẵng nói riêng và khu vực Miền Trung nói chung, Công ty được Chính phủ, Bộ Xây dựng và UBND Thành phố Đà Nẵng cho phép đầu tư thêm một nhà máy nghiền xi măng với công suất thiết kế 520.000 tấn/năm do Hãng KRUPP POLYSIUS của Cộng hòa Liên bang Đức cung cấp thiết bị, lắp đặt và chuyển giao công nghệ đưa vào sử dụng đầu năm 1999. Đây là dây chuyền sản xuất xi măng hiện đại nhất khu vực Miền trung và Tây nguyên được nhập khẩu từ Liên Bang Đức.

Công ty Xi măng Hải Vân luôn phấn đấu là một trong những nhà cung ứng vật liệu xây dựng hàng đầu ở khu vực Miền Trung và Tây Nguyên. Với đội ngũ cán bộ kỹ thuật trẻ, năng động và vận dụng những tiến bộ của khoa học công nghệ đã nâng công suất thiết kế từ 600.000 tấn/năm lên 900.000 tấn/năm đảm bảo chất lượng, đáp ứng nhu cầu của khách hàng. Công ty đã được Bộ Khoa học và Công nghệ tặng giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007 và 2009 cho loại hình doanh nghiệp sản xuất lớn. Sản phẩm xi măng Hải Vân đã cung cấp cho các công trình lớn trong khu vực như Hàm đường bộ Hải Vân, cầu Sông Hàn, cầu Thuận Phước, đê chắn sóng ở cảng Tiên Sa và nhiều công trình hạ tầng giao thông nông thôn khác.

Đã gần 20 năm qua, Công ty Xi măng Hải Vân đã đưa ra thị trường gần 10.000.000 tấn xi măng đạt chất lượng cao, ổn định phục vụ các công trình trọng điểm cấp Quốc gia, các công trình xây dựng công nghiệp và dân dụng.

Tháng 09/2000, Công ty Xi măng Hải Vân được cấp giấy chứng nhận *Hệ thống quản lý chất lượng* theo tiêu chuẩn ISO 9002:1994, đến tháng 03/2003 chuyển sang phiên bản ISO 9001:2001; và đến tháng 02/2009 thì chuyển sang phiên bản ISO 9001:2008 và được duy trì cho đến nay. Ngoài ra Công ty còn áp dụng *Hệ thống quản lý môi trường* theo ISO 14001:2004. Công ty Xi măng là đơn vị sản xuất xi măng duy nhất của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam tại khu vực Nam miền Trung và các tỉnh Tây nguyên. Vừa có lợi thế về vị trí địa lý, vừa là thành viên của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam, Công ty Xi măng Hải Vân có vai trò chiến lược trong việc phát triển ngành xi măng của Tổng Công ty Xi măng Việt Nam tại các tỉnh Nam miền trung và Tây nguyên.

Tháng 04/2006, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định về việc sắp xếp, đổi mới công ty Nhà nước trực thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam. Sau đó, đến tháng 03/2007 Bộ trưởng Bộ Xây dựng đã ban hành Quyết định số 367/QĐ-BXD về việc thực hiện cổ phần hóa các công ty thành viên hạch toán độc lập thuộc Tổng Công ty Xi măng Việt Nam. Trong đó, Công ty Xi măng Hải Vân là doanh nghiệp được thực hiện cổ phần hóa trong năm 2007.

Đến tháng 4 năm 2008, Công ty chính thức chuyển sang hoạt động với mô hình Công ty cổ phần.

Đến đầu năm 2013, HVX đã thực hiện mua lại nhà máy xi măng Áng Sơn 2 từ Công ty TNHH cơ khí Đúc Thắng Lợi và thành lập Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân – Nhà máy xi măng Vạn Ninh tại Quảng Bình.

Một số giải thưởng chính mà Công ty Đã đạt được

- Giải thưởng chất lượng Việt Nam năm 2007, 2008, 2009
- Giải thưởng chất lượng quốc tế năm 2009

1.3. Quá trình thay đổi Vốn điều lệ của Công ty

Từ thời điểm cổ phần hóa đến nay Công ty thực hiện tăng vốn điều lệ các lần sau. Vốn điều lệ hiện nay của Công ty như sau:

Thời điểm	Vốn điều lệ (VNĐ)	Giá trị tăng (VNĐ)	Phương thức
01/04/2008	185.000.000.000	-	Cổ phần hóa
14/01/2014	399.600.000.000	214.600.000.000	Phát hành cổ phiếu ra công chúng

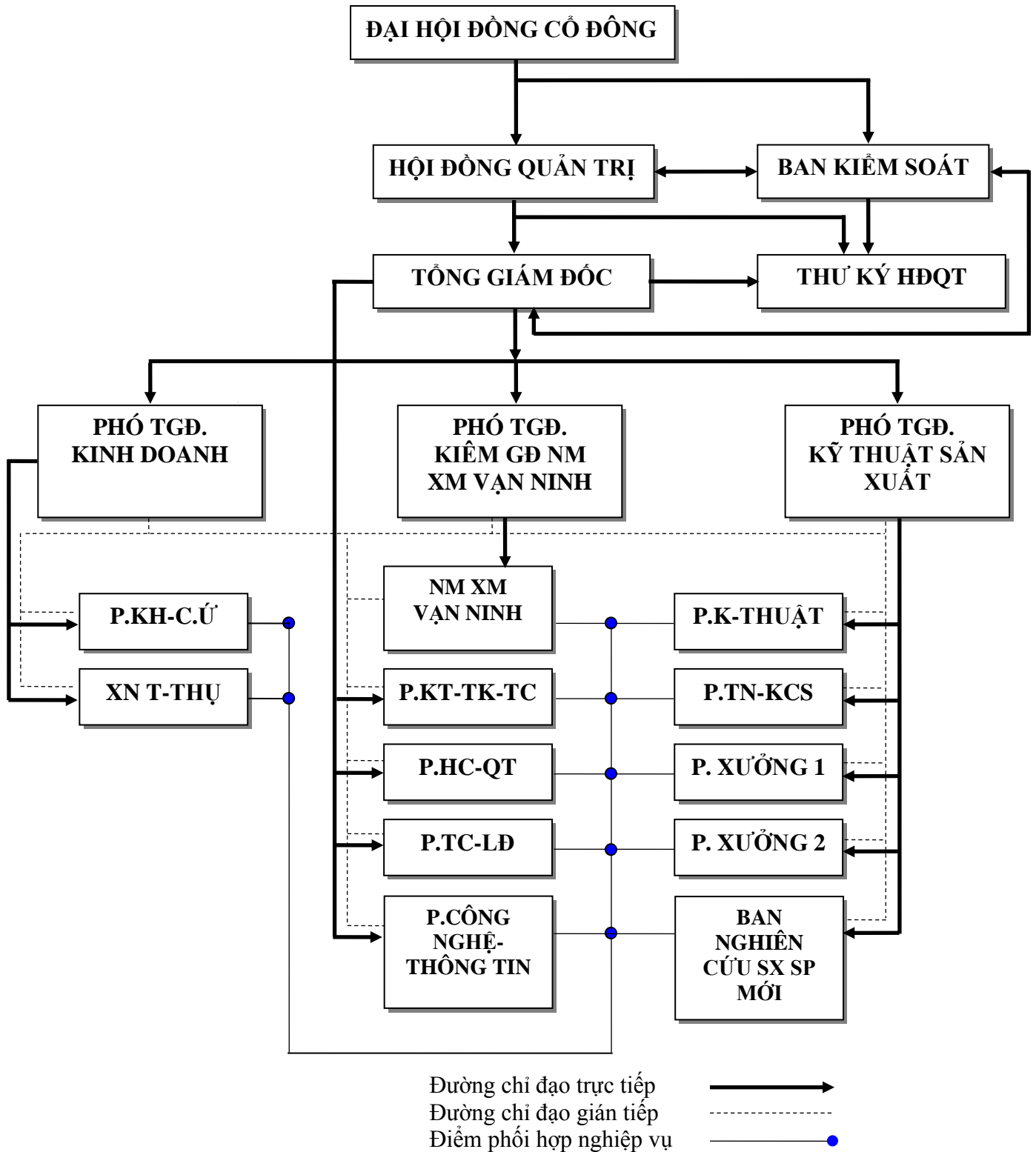
Nguồn: HVX

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân được tổ chức và hoạt động theo Luật doanh nghiệp số 68/2014/QH13 đã được Quốc hội nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam khóa XIII thông qua vào ngày 26/11/2014. Các hoạt động của HVX tuân thủ Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua.

Cơ cấu tổ chức của Công ty hiện tại bao gồm 01 trụ sở chính đặt tại 65 Nguyễn Văn Cừ, Thành phố Đà Nẵng và Chi nhánh Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải Vân – Nhà máy xi măng Vạn Ninh. Trụ sở chi nhánh đặt tại Thôn Áng Sơn – Xã Vạn Ninh – Huyện Quảng Ninh – Tỉnh Quảng Bình.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý Công ty



Bộ máy quản lý của Công ty nhanh nhạy trong khâu tổ chức, chặt chẽ trong quản lý, giám sát các bộ phận có sự phối hợp nhịp nhàng cùng nhau xây dựng doanh nghiệp phát triển vững mạnh.

3.1. Đại hội đồng cổ đông

Theo Luật Doanh nghiệp và Điều lệ Công ty, Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyền lực cao nhất của Công ty, Đại hội đồng cổ đông họp thường niên hoặc bất thường; ít nhất mỗi năm họp một lần. Đại hội đồng cổ đông quyết định cơ cấu tổ chức, giải thể, phá sản Công ty, quyết định các kế hoạch đầu tư dài hạn và chiến lược phát triển, cơ cấu vốn, bổ nhiệm hoặc bãi nhiệm các thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát.

3.2. Hội đồng quản trị

Là cơ quan quản lý Công ty do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề quan trọng liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng Cổ đông. Hội đồng Quản trị có quyền và nghĩa vụ giám sát Tổng Giám đốc và những người quản lý khác trong Công ty. Quyền và nghĩa vụ của Hội đồng Quản trị do Pháp luật và Điều lệ Công ty, các Quy chế nội bộ của Công ty và Nghị quyết Đại hội đồng Cổ đông quy định.

3.3. Ban kiểm soát

Là cơ quan do Đại hội đồng Cổ đông bầu ra, có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động quản lý của Hội đồng Quản trị, hoạt động điều hành kinh doanh của Tổng Giám đốc; trong ghi chép sổ kế toán và báo cáo tài chính. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng Quản trị và Ban Tổng Giám đốc.

3.4. Ban Tổng Giám Đốc

Ban Tổng Giám đốc bao gồm Giám đốc và các phó Giám đốc, do HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm. Giám đốc là người điều hành, quyết định các vấn đề liên quan đến hoạt động hàng ngày của Công ty, chịu trách nhiệm trước Hội đồng Quản trị về việc thực hiện các quyền và nghĩa vụ được giao. Các phó Giám đốc giúp việc cho Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Giám đốc về các nội dung công việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Giám đốc ủy quyền theo quy định của Pháp luật và Điều lệ Công ty.

3.5. Phòng Hành chính -Quản trị (HC-QT)

Chức năng

Là cơ quan giúp cho Tổng Giám đốc Công ty tổ chức chỉ đạo điều hành về lĩnh vực quản lý hành chính, quản trị văn phòng, giao tế- lễ tân, văn thư lưu trữ, thông tin tuyên truyền,

y tế, bảo vệ chính trị nội bộ, công tác bảo vệ.

Nhiệm vụ

- Quản lý con dấu, quản lý các văn bản tài liệu của Công ty đảm bảo nguyên tắc quản lý hành chính nhà nước quy định.
- Tổ chức phục vụ đón tiếp khách đến Công ty làm việc, công tác đối nội, đối ngoại, công tác phục vụ hội nghị, hội thảo.
- Quản lý và điều hành phương tiện đi lại phục vụ khách đến Công ty làm việc, phục vụ lãnh đạo và cán bộ các phòng ban, phân xưởng đi công tác.
- Quản lý trụ sở làm việc, đất đai, nhà cửa, điện nước sinh hoạt. Quản lý hệ thống thông tin liên lạc nội bộ.
- Mua sắm, sửa chữa, quản lý trang thiết bị văn phòng.
- Chăm sóc sức khỏe người lao động làm việc trong Công ty, bao gồm:
 - Sơ cứu, cấp cứu người lao động ốm đau, tai nạn lao động theo khả năng chuyên môn và phân cấp của ngành Y tế.
 - Thiết lập, quản lý hồ sơ sức khỏe người lao động, tổ chức kiểm tra sức khỏe định kỳ.
 - Phối hợp với các phòng chức năng để giải quyết chính sách cho người lao động bị ốm đau, tai nạn lao động.
 - Kiểm tra việc chấp hành quy định về ATVSTP đối với đơn vị hợp đồng nấu ăn ca tại các bếp ăn tập thể trong Công ty.
- Bảo vệ an ninh chính trị, tài sản, trật tự an toàn trong phạm vi toàn Công ty, bao gồm:
 - Tổ chức và thực hiện phương án, biện pháp bảo vệ, tuần tra canh gác. Phát hiện và ngăn chặn kịp thời những trường hợp xâm phạm hoặc phá hoại tài sản Công ty.
 - Kiểm soát việc ra vào Công ty, việc chấp hành các quy định về an ninh trật tự.
 - Tổ chức xây dựng lực lượng dân quân tự vệ và công tác quốc phòng toàn dân.

3.6. Phòng Tổ chức – Lao động (TC-LĐ)

Chức năng

Phòng Tổ chức- Lao động có chức năng tham mưu cho Tổng Giám đốc về cơ cấu tổ chức bộ máy, nhân sự, tuyển dụng, đào tạo, tiền lương, pháp chế, thi đua- khen thưởng và kỷ luật, thanh tra- phòng chống tham nhũng và các chế độ chính sách khác.

Nhiệm vụ

- Thực hiện chức năng bằng các quy chế, quy định, quy trình cụ thể, cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu Công ty và yêu cầu của pháp luật.
- Xây dựng các chương trình, biện pháp thực hiện, kiểm soát quá trình thực hiện và phân tích kết quả thực hiện các chức năng về tổ chức bao gồm: cơ cấu tổ chức - nhân sự, quản lý nhân sự, thi đua - khen thưởng - kỷ luật, thanh tra, pháp chế, phòng chống tham nhũng nhằm thực hiện mục tiêu ngắn hạn, dài hạn về tổ chức của Công ty.
- Xây dựng chính sách về tiền lương và các chế độ đãi ngộ đối với người lao động phù hợp quy định nhà nước và Tổng công ty.
- Xây dựng định mức lao động, đơn giá tiền lương cho đơn vị sản phẩm, cho từng công đoạn trong dây chuyền sản xuất, phân bổ và giao đơn giá tiền lương cho các đơn vị trong Công ty.
- Thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động theo quy định của Công ty, Tổng công ty và quy định hiện hành của Nhà nước.
- Xây dựng các chương trình đào tạo phát triển nguồn nhân lực ngắn hạn, trung hạn, dài hạn phù hợp với chiến lược phát triển của Công ty.
- Thực hiện thống kê thường xuyên và định kỳ về lao động tiền lương báo cáo cấp trên và các cơ quan hữu quan theo quy định hiện hành.

3.7. Phòng Kế toán -Thống kê-Tài chính (KT-TK-TC)

Chức năng

- Công tác Kế toán: Tổ chức bộ máy kế toán, kiểm soát, hạch toán chi phí, kết quả kinh doanh, tài sản, vật tư, vốn theo đúng quy định của nhà nước và Tổng công ty công nghiệp xi măng Việt Nam
- Công tác thống kê: Tổ chức thu thập, xử lý, phân tích các số liệu kế toán, lưu trữ chứng từ, tài liệu kế toán.
- Công tác tài chính: Sử dụng, huy động, đầu tư, luân chuyển vốn đáp ứng yêu cầu sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn.

Nhiệm vụ

- Tổ chức hoạt động kế toán, thống kê phù hợp với Luật kế toán hiện hành với phương thức quản trị tiên tiến, hiện đại và được cải tiến liên tục.
- Thực hiện chức năng bằng các quy chế, quy định, quy trình cụ thể, cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu Công ty và yêu cầu của pháp luật.
- Phổ biến và hướng dẫn thực hiện các chế độ, quy định của pháp luật và công ty về kế toán- thống kê- tài chính.

- Tổ chức chỉ đạo việc ghi chép, tính toán, phản ánh chính xác trung thực, kịp thời, đầy đủ toàn bộ tình hình tài chính, tài sản của Công ty. Tính toán trích nộp đúng, đủ, kịp thời các khoản trích nộp Ngân sách, nộp cấp trên (nếu có) và các quỹ từ lợi nhuận sau thuế của Công ty, thanh toán đúng hạn các khoản tiền vay, các khoản nợ phải trả.
- Kiểm soát chi phí sản xuất kinh doanh, phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến chi phí để tìm giải pháp giúp các đơn vị giảm chi phí sản xuất, hạ giá thành sản phẩm.
- Tổ chức phân tích giá thành sản phẩm, phân tích hoạt động kinh tế trong Công ty nhằm đánh giá đúng tình hình, kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Kiểm tra nội dung hợp đồng kinh tế, các điều kiện về giá cả, phương thức thanh toán và thực hiện thanh toán theo đúng nội dung của hợp đồng kinh tế.
- Xây dựng kế hoạch tài chính theo định hạn. Lập phương án huy động vốn, đầu tư, sử dụng vốn đảm bảo an toàn và phát triển nguồn vốn.
- Chủ trì xây dựng ngân sách và giám sát việc thực hiện ngân sách hàng năm.
- Kiểm soát vốn đầu tư vào các Doanh nghiệp khác, các dự án đầu tư phát triển Công ty.
- Lập báo cáo thống kê, quyết toán tài chính đúng hạn, đầy đủ, kịp thời gửi các cơ quan có liên quan.
- Cung cấp và báo cáo với cơ quan thuế, thanh tra theo quy định của pháp luật.
- Cung cấp và báo cáo thông tin kế toán quản trị cho HĐQT, Ban Kiểm soát Công ty, Tổng công ty theo quy định.
- Tổ chức lưu trữ có hệ thống các hồ sơ, tài liệu và số liệu kế toán của Công ty.

3.8. Phòng kế hoạch cung ứng (KH-CU)

Chức năng

- Lĩnh vực Kế hoạch: Tham mưu cho Giám đốc Công ty định hướng chiến lược phát triển; Xây dựng tổng hợp và cân đối kế hoạch dài hạn, trung hạn, ngắn hạn về sản xuất kinh doanh, về công tác quản lý, và các kế hoạch cung cấp thiết bị, vật tư, nguyên, nhiên vật liệu phục vụ cho sản xuất kinh doanh của Công ty.
- Lĩnh vực Cung ứng: Thực hiện cung ứng vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên liệu đáp ứng kịp thời phục vụ sản xuất và các nhu cầu khác liên quan đến sản xuất kinh doanh của Công ty. Nhập, cấp phát, bảo quản toàn bộ vật tư, thiết bị, phụ tùng, nguyên, nhiên liệu phục vụ yêu cầu sản xuất kinh doanh.

Nhiệm vụ

- Xây dựng các quy định, quy trình cụ thể, cập nhật thường xuyên phù hợp với yêu cầu Công ty và yêu cầu pháp luật để thực hiện tốt nhất chức năng của phòng trong hoạt động toàn Công ty.
- Thu thập, phân tích, dự báo và xây dựng chiến lược phát triển ngắn, trung, dài hạn của Công ty và phân bổ nguồn lực phù hợp.
- Xây dựng, theo dõi và kiểm soát việc triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh ngắn, trung và dài hạn.
- Xây dựng kế hoạch mua sắm hàng hoá, nguyên vật liệu theo Ngân sách hàng năm.
- Chủ trì thương thảo, thiết lập và thực hiện các hợp đồng kinh tế, quản lý hồ sơ hợp đồng. Xây dựng giá thành kế hoạch và giá bán sản phẩm.
- Cung ứng thiết bị, vật tư và hàng hoá cho toàn bộ hoạt động của Công ty trên cơ sở cân đối một cách khoa học và hiệu quả giữa cung - cầu và tồn kho hợp lý, tiết kiệm.
- Giao dịch, lập và kiểm soát tiến độ thực hiện các hợp đồng mua bán vật tư, nguyên, nhiên liệu một cách hiệu quả và khoa học.
- Tìm kiếm và xây dựng mối quan hệ tin cậy, hỗ trợ, cạnh tranh, hiệu quả và dài hạn với các nhà cung cấp và vận chuyển. Thực hiện đánh giá nhà cung cấp theo định kỳ.
- Chịu trách nhiệm trong việc kiểm tra, giám sát, tổ chức kiểm định, nghiệm thu, xác nhận khối lượng thực hiện theo quy định của hợp đồng. Chủ trì giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình thực hiện hợp đồng.
- Quản lý, bảo quản các loại vật tư, phụ tùng, nguyên, nhiên liệu trong quá trình lưu kho Công ty.
- Tham gia thanh lý, nhượng bán thiết bị, vật tư, phế liệu của Công ty theo đúng quy định của Pháp luật.
- Quản lý và khai thác sử dụng xe tải của Công ty. Tổng hợp báo cáo kết quả sản xuất hàng ngày.

3.9. Xí Nghiệp tiêu thụ :

Chức năng

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc hoạch định chính sách tiêu thụ sản phẩm, phát triển thị trường, phát triển thương hiệu.
- Tổ chức thực hiện nhiệm vụ tiêu thụ sản phẩm do Công ty giao.

Nhiệm vụ

- Xây dựng các quy định, quy trình cụ thể, cập nhật thường xuyên để thực hiện tốt nhất chức năng của phòng trong hoạt động toàn Công ty.

- Xây dựng kế hoạch phát triển mạng lưới nhà phân phối. Có chính sách bảo vệ và phát triển hệ thống các nhà phân phối cùng hệ thống.
- Xây dựng và phát triển hệ thống kênh phân phối, phân đoạn thị trường, lựa chọn thị trường mục tiêu. Kiểm soát và định hướng hoạt động của hệ thống phân phối, từng đoạn thị trường theo chính sách của công ty.
- Xác lập các mục tiêu ngắn hạn, trung hạn và dài hạn dựa trên chiến lược phát triển của công ty bằng các chương trình hành động cụ thể, bao gồm:
 - Kế hoạch tiêu thụ sản phẩm.
 - Kiểm soát quá trình thực hiện và phân tích kết quả thực hiện trong lĩnh vực tiêu thụ sản phẩm và phát triển thị trường.
 - Quảng cáo, tiếp thị, khuyến mại. Thu thập, phân tích, xử lý và phản hồi thông tin thị trường.
 - Thu thập thông tin về chính sách bán hàng, chất lượng, giá cả của đối thủ cạnh tranh. Phân tích, xử lý và đề xuất các giải pháp tối ưu nhằm đẩy mạnh tiêu thụ sản phẩm.
 - Dự báo cung- cầu xi măng trên thị trường khu vực Miền Trung - Tây Nguyên phục vụ điều hành hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty.
 - Tổ chức các hoạt động nhằm quảng bá thương hiệu, quảng bá hình ảnh của công ty.
 - Cung cấp dịch vụ kèm theo sản phẩm của Công ty như: Dịch vụ sau bán hàng, kỹ thuật, giao nhận.
- Quản lý và kiểm soát sản phẩm trong suốt quá trình lưu thông phân phối bao gồm các hoạt động giao nhận, vận chuyển, lưu kho, bảo quản và phân phối.
- Theo dõi và thực hiện việc thu hồi công nợ của khách hàng, các nhà phân phối.
- Xây dựng tổ chức bộ máy tiêu thụ gọn nhẹ, hiệu quả và năng động phù hợp với từng thời điểm phát triển Công ty.

3.10. Phòng thí nghiệm KCS (TN-KCS)

Chức năng

- Tổ chức, thực hiện công tác thí nghiệm và kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu phục vụ sản xuất kinh doanh và sản phẩm Công ty sản xuất đảm bảo phù hợp với tiêu chuẩn quy định.
- Quản lý và không ngừng nâng cao chất lượng hoạt động phòng thí nghiệm theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025. Hợp tác với phòng thí nghiệm khác để phục vụ tốt nhiệm vụ.

Nhiệm vụ

- Xây dựng các quy định, quy trình cụ thể liên quan đến chức năng của phòng và được cập nhật thường xuyên theo hướng quản lý với tiêu chuẩn tiên tiến nhất, phù hợp với yêu cầu Công ty và yêu cầu pháp luật để thực hiện tốt nhất chức năng của phòng trong hoạt động chung của toàn Công ty.
- Xây dựng phòng thí nghiệm hợp chuẩn có đủ thiết bị tiên tiến và đủ năng lực đáp ứng yêu cầu kiểm soát chất lượng nguyên vật liệu và sản phẩm.
- Kiểm tra, giám sát chất lượng sản phẩm từ giai đoạn cung ứng nguyên vật liệu, sản xuất, lưu kho cho đến khi xuất cho khách hàng, bảo đảm các tiêu chí thể hiện trong mục tiêu chất lượng của công ty.
- Chủ trì xây dựng, điều chỉnh đơn phối liệu sản xuất xi măng.

3.11. Phòng kỹ thuật

Chức năng

- Quản lý kỹ thuật và công nghệ sản xuất xi măng bao gồm: cơ khí, điện, điện tử và tự động, công nghệ sản xuất, kỹ thuật an toàn con người và thiết bị, đầu tư lắp đặt và sửa chữa thiết bị, ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật vào sản xuất.
- Quản lý đầu tư xây dựng bao gồm: cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, đầu tư xây dựng mới các hạng mục công trình.
- Tổ chức quản lý hệ thống chất lượng theo tiêu chuẩn ISO 9001: 2008 và hệ thống môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001:2004.
- Nghiên cứu đầu tư chiều sâu và mở rộng.

Nhiệm vụ

- Xây dựng các quy định, quy trình cụ thể liên quan đến chức năng của phòng và được cập nhật thường xuyên theo hướng quản lý với tiêu chuẩn tiên tiến nhất, phù hợp với yêu cầu Công ty và yêu cầu pháp luật để thực hiện tốt nhất chức năng của phòng trong hoạt động chung của toàn Công ty.
- Xây dựng kế hoạch SCL, sửa chữa thường xuyên, nhu cầu thiết bị phụ tùng, vật tư hàng năm và đầu tư XDCB.
- Nghiên cứu, ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật vào quá trình sản xuất nhằm đem lại hiệu quả kinh tế trong quá trình sản xuất và giảm thiểu các chất thải có hại đến môi trường.
- Kiểm tra, thẩm định các sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá trong sản xuất

- Chủ trì cùng các đơn vị liên quan lập kế hoạch về công tác sửa chữa lớn, đầu tư mới thiết bị, bảo dưỡng máy móc thiết bị, công trình kiến trúc. Kiểm tra, theo dõi việc thực hiện kế hoạch đã được duyệt về: Đầu tư, sửa chữa lớn, bảo dưỡng thiết bị, công trình kiến trúc.
- Chủ trì thực hiện các nghiên cứu tiền khả thi, khả thi và báo cáo đầu tư đối với các dự án. Triển khai thực hiện các dự án đầu tư đối với các dự án không cần phải thành lập Ban quản lý dự án.
- Thực hiện các thủ tục về đăng ký, quản lý về kiểu dáng công nghiệp, sở hữu công nghiệp, mẫu mã, bao bì, nhãn hiệu hàng hoá của Công ty. Bảo vệ tính hợp pháp và độc quyền của nhãn hiệu hàng hoá của Công ty.
- Kiểm tra đôn đốc thực hiện công tác an toàn vệ sinh lao động, vệ sinh môi trường, phòng chống cháy nổ.
- Xây dựng nội dung, chương trình và hướng dẫn đào tạo nâng bậc cho công nhân kỹ thuật, đào tạo huấn luyện an toàn - vệ sinh lao động
- Điều phối viên hệ thống, Thư ký ISO .

3.12. Phân xưởng 1

Chức năng

- Tổ chức quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất xi măng, từ khâu tiếp nhận nguyên liệu, gia công sơ bộ cho đến khi xuất xi măng, giao sản phẩm cho khách hàng.
- Quản lý và chịu trách nhiệm về bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn máy móc thiết bị, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng của dây chuyền sản xuất Phân xưởng 1 từ khâu nhập nguyên liệu gia công sơ bộ đến khâu xuất xi măng cho khách hàng

Nhiệm vụ

- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất theo chỉ tiêu sản lượng Công ty giao.
- Vận hành máy móc thiết bị trong dây chuyền theo đúng quy trình, quy phạm Công ty ban hành.
- Tổ chức hoạt động sản xuất đảm bảo an toàn lao động, thiết bị hoạt động ổn định, chất lượng sản phẩm đảm bảo, môi trường xanh- sạch- đẹp.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn máy móc thiết bị, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng trong dây chuyền sản xuất.
- Xử lý các sự cố, hư hỏng đột xuất xảy ra trong quá trình sản xuất.
- Gia công chế tạo các chi tiết, phụ tùng thay thế phục vụ công tác sửa chữa.
- ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá vào quá trình sản xuất.

- Theo dõi, kiểm tra, phân tích tình hình hoạt động của máy móc thiết bị, đảm bảo khai thác công suất thiết bị cao nhất và an toàn.
- Tổ chức bồi dưỡng, kèm cặp nâng cao tay nghề cho công nhân phân xưởng.
- Thực hiện công tác thống kê, báo cáo tình hình sản xuất, tiêu hao nguyên, nhiên liệu, lao động tiền lương.
- Chấp hành sự điều động lực lượng lao động ở phân xưởng để tăng cường thực hiện nhiệm vụ đột xuất khi Công ty yêu cầu.

3.13. Phân xưởng 2

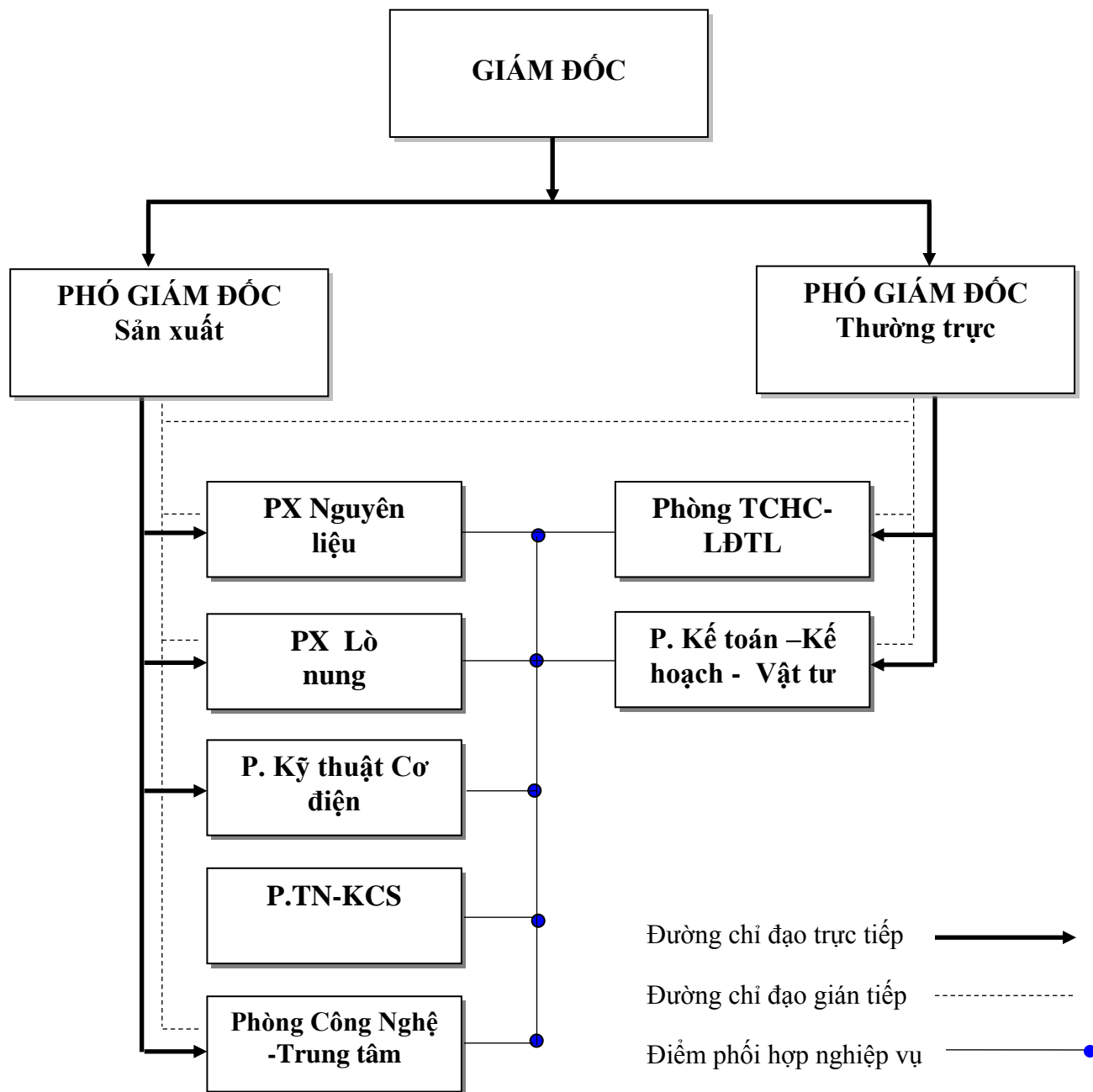
Chức năng

- Tổ chức quản lý toàn bộ hoạt động sản xuất xi măng, từ khâu tiếp nhận nguyên liệu cho đến khi xuất xi măng, giao sản phẩm cho khách hàng.
- Quản lý và chịu trách nhiệm về bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn máy móc thiết bị, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng của dây chuyền sản xuất Phân xưởng 2 từ khâu nhập nguyên liệu đến khâu xuất xi măng cho khách hàng.

Nhiệm vụ

- Triển khai thực hiện kế hoạch sản xuất theo chỉ tiêu sản lượng Công ty giao.
- Vận hành máy móc thiết bị trong dây chuyền theo đúng quy trình, quy phạm Công ty ban hành.
- Tổ chức hoạt động sản xuất đảm bảo an toàn lao động, thiết bị hoạt động ổn định, chất lượng sản phẩm đảm bảo, môi trường xanh- sạch- đẹp.
- Thực hiện công tác bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên, sửa chữa lớn máy móc thiết bị, nhà xưởng, cơ sở hạ tầng trong dây chuyền sản xuất.
- Xử lý các sự cố, hư hỏng đột xuất xảy ra trong quá trình sản xuất.
- Gia công chế tạo các chi tiết, phụ tùng thay thế phục vụ công tác sửa chữa.
- Ứng dụng các tiến bộ khoa học kỹ thuật, sáng kiến cải tiến kỹ thuật, hợp lý hoá vào quá trình sản xuất.
- Theo dõi, kiểm tra, phân tích tình hình hoạt động của máy móc thiết bị, đảm bảo khai thác công suất thiết bị cao nhất và an toàn.
- Tổ chức kèm bồi dưỡng, kèm cặp nâng cao tay nghề cho công nhân phân xưởng.
- Thực hiện công tác thống kê, báo cáo tình hình sản xuất, tiêu hao nguyên, nhiên liệu, lao động tiền lương.
- Chấp hành sự điều động lực lượng lao động ở phân xưởng để tăng cường thực hiện nhiệm vụ đột xuất khi Công ty yêu cầu.

4. Cơ cấu tổ chức chi nhánh Công ty – Nhà máy xi măng Vạn Ninh



Chức năng:

- Tổ chức sản xuất, kinh doanh clinker, xi măng theo phân cấp và kế hoạch tháng, quý, năm và kế hoạch dài hạn của Công ty.
- Tổ chức tiếp nhận, bảo quản nguyên, nhiên, vật liệu, vật tư, thiết bị kỹ thuật do Công ty cung cấp hoặc do các đơn vị cung cấp bên ngoài cung cấp theo các hợp đồng do Công ty ký kết.
- Quản lý, sử dụng một cách tối ưu các nguồn lực do Công ty cung cấp để thực hiện chức năng, nhiệm vụ được giao.

- Nhà máy có con dấu riêng và hoạt động như một đơn vị hạch toán báo sổ của Công ty.
- Thực hiện các hoạt động sản xuất kinh doanh khác của Công ty giao

Nhiệm vụ

- Tổ chức tiếp nhận, bảo quản nguyên, nhiên, vật liệu theo kế hoạch của Công ty.
- Triển khai thực hiện kế hoạch SXKD theo chỉ tiêu, kế hoạch Công ty giao.
- Tổ chức điều hành công tác sản xuất, phục vụ sản xuất, vận hành, sửa chữa máy móc thiết bị để đảm bảo thực hiện theo kế hoạch, tiến độ sản xuất của Công ty.
- Chịu trách nhiệm về chất lượng sản phẩm, vệ sinh môi trường và an toàn lao động trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Nhà máy.
- Thực hiện quản lý chất lượng, môi trường, an toàn và sức khỏe nghề nghiệp theo hệ thống quản lý của Công ty; tổ chức triển khai các mặt quản lý nhà máy theo quy định của Công ty.
- Theo dõi, kiểm tra, phân tích tình hình hoạt động của máy móc thiết bị, bảo đảm vận hành thiết bị an toàn và khai thác tối đa công suất thiết bị.
- Phối hợp với các đơn vị chức năng làm tốt công tác kỹ thuật an toàn, phòng cháy, chữa cháy. Lập biên bản sự cố kỹ thuật, biên bản tai nạn lao động trong đơn vị.
- Tổ chức bồi dưỡng, kèm cặp nâng cao tay nghề cho công nhân .
- Chấp hành sự điều động lực lượng lao động Nhà máy để thực hiện nhiệm vụ đột xuất khi Công ty yêu cầu.
- Tổ chức thực hiện công tác thi đua khen thưởng và kỷ luật theo quy định của Công ty.
- Thực hiện công tác kiểm kê và chế độ báo cáo thường kỳ và đột xuất theo quy định của Công ty.
- Xây dựng kế hoạch ngân sách về : sản xuất kinh doanh, đầu tư, sửa chữa thiết bị, vật kiến trúc, vật tư dự phòng, đào tạo... hàng năm của Nhà máy theo quy định của Công ty.
- Giữ gìn bí mật công nghệ và kinh doanh của Công ty.
- Tổ chức quản lý sản xuất, hạch toán nội bộ theo quy định của Công ty.
- Thực hiện các quy định về thủ tục tài chính theo quy định, phân cấp của Công ty.

5. Danh sách cổ đông

5.1. Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:

Tại thời điểm 14/05/2015, danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty và tỷ lệ nắm giữ như sau:

STT	Tổ chức	Địa chỉ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
01	Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Tp. Hà Nội	30.587.760	76.5%
Tổng cộng			30.587.760	76.55%

Nguồn: Danh sách cổ đông HVX tại ngày 14/05/2015 do VSD cung cấp

5.2. Cơ cấu cổ đông Công ty tại thời điểm ngày 14/05/2015:

Cổ Đông	Số Lượng Cổ Phần	Giá Trị Sở Hữu (Triệu đồng)	Tỷ Lệ Sở Hữu (%)
Tổ chức	31.852.008	318.520.080.000	79,7%
Trong nước	31.713.008	317.130.080.000	79,3%
Ngoài nước	139.000	1.390.000.000	0,04%
Cá nhân	8.107.999	81.079.990.000	20,3%
Trong nước	8.090.299	80.902.990.000	20,2%
Ngoài nước	17.700	177.000.000	0,1%
Tổng Cộng	39.960.000	399.600.000.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông HVX tại ngày 14/05/2015 do VSD cung cấp

6. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức chào bán

6.1. Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối HVX

STT	Tổ chức	Địa chỉ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
01	Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Tp. Hà Nội	30.587.760	76,5%

Nguồn: Danh sách cổ đông HVX tại ngày 14/05/2015 do VSD cung cấp

6.2. Danh sách các Công ty mà HVX đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.

Không có.

7. Hoạt động kinh doanh

7.1. Thông tin chung

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất và kinh doanh sản phẩm xi măng.

7.2. Sản lượng sản phẩm, giá trị dịch vụ qua các năm

Từ năm 2007 đến nay được sự cho phép của Tổng Công ty, Công ty Cổ phần xi măng Hải Vân bên cạnh việc gia công cho Hoàng Thạch đã từng bước sản xuất và đưa ra thị trường các sản phẩm xi măng mang nhãn hiệu Hải Vân nhằm quảng bá phục hồi thương hiệu Hải Vân vốn đã có thương hiệu mạnh trên địa bàn Miền Trung và Tây nguyên trước đây. Từ năm 2008 sản phẩm xi măng Hải Vân (xi măng PCB30, PCB40, PC40 mang nhãn hiệu Hải Vân và xi măng Hải Vân sản xuất theo Hợp đồng li xăng với Công ty Xi măng Hoàng Thạch). Công ty cũng thực hiện gia công cho Công ty xi măng Hoàng Thạch, Công ty Cổ phần xi măng Bim Sơn và Công ty Cổ phần xi măng Hà Tiên 1. Các sản phẩm xi măng mang thương hiệu Hải Vân được Công ty tiêu thụ qua các Nhà phân phối tại miền Trung và Tây nguyên.



Hình ảnh về nhà máy sản xuất xi măng



Sản phẩm sản xuất chính của Công ty

Các sản phẩm chính mà Công ty xi măng Hải Vân đang được sản xuất dưới hình thức đóng bao 50 kg và xi măng rời bao gồm

- Xi măng poocăng hỗn hợp PCB30 theo TCVN 6260:2009
- Xi măng poocăng hỗn hợp PCB40 theo TCVN 6260:2009
- Xi măng poocăng hỗn hợp PC40 theo TCVN 2682:2009
- Xi măng poocăng hỗn hợp PC50 theo TCVN 2682:2009
- Xi măng poocăng bèn Sunfat theo TCVN 6067:2004

Công ty CP xi măng Hải Vân là đơn vị sản xuất xi măng lớn nằm trong khu vực Quảng Nam - Đà Nẵng - Quảng Ngãi, vùng kinh tế trọng điểm của Miền trung, nhu cầu xây dựng đang rất lớn. Vị trí của Công ty gần ga Kim Liên, nằm sát trục quốc lộ và có cầu cảng cho tàu biển 4.000 tấn ra vào dễ dàng, thuận lợi cho việc nhập nguyên vật liệu phục vụ sản xuất cũng như phân phối sản phẩm bằng đường bộ, đường sắt và đặc biệt là đường thủy cho các thị trường trong khu vực miền Trung và Tây nguyên. Đây cũng là một lợi thế của Công ty trong việc giảm chi phí trong hoạt động sản xuất - kinh doanh.

Kết quả về sản lượng qua các năm 2013 - 2015

TT	Diễn giải	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	Tăng giảm của năm 2015 so với 2014	
		(tấn)	(tấn)	(tấn)	Giá trị	Tỷ lệ
I	Sản lượng sản xuất	1.103.087	1.276.625	1.252.790	-23.835	-1,9%
1	Xi măng	631.330	732.172	756.749	24.577	3,4%
2	Clinker	471.757	544.453	496.041	-48.412	-8,9%
II	Xi măng xuất kho tiêu thụ	837.688	747.234	788.058	40.824	5,5%
1	XM Hải Vân	699.700	719.159	715.789	-3.370	-0,5%
2	XM Gia công	34.809	28.075	41.659	13.584	48,4%
3	Clinker	103.179	109.397	30.610	-78.787	-72,0%

Nguồn: HVX

Cơ cấu doanh thu thuần về hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Doanh thu thuần	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)	Số tiền	Tỷ trọng (%)
1	Xi măng sản xuất	730.472	94,8%	878.102	95,9%	787.152	94,7%
2	Xi măng gia công	13.121	1,7%	6.834	0,7%	16.146	1,9%
3	Bán xi măng gia công	19.388	2,5%	24.160	2,6%	25.135	3,0%
5	Hoạt động khác	7.575	1,0%	6.631	0,7%	2.951	0,4%
	Tổng cộng	770.556	100%	915.727	100%	831.384	100%

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015

Mặc dù trong những năm 2012-2014 thị trường bất động sản trải qua giai đoạn khó khăn, nhu cầu xây dựng thấp nhưng HVX vẫn giữ vững mức tăng trưởng doanh thu trong năm qua. Đặc biệt, doanh thu ghi nhận mức tăng trưởng khá tốt, trên 8% trong năm 2013, nhờ sản lượng clinker tiêu thụ tăng mạnh do mua lại nhà máy Áng Sơn 2.

Trong năm 2015, tình hình tiêu thụ xi măng cả nước tăng trưởng không đáng kể, ước đạt 72 triệu tấn, tăng 4% so với năm 2014. Theo đó, tỷ trọng xi măng sản xuất và gia công của Công ty cũng ổn định ở mức 95-97% tổng doanh thu qua các năm.

7.1.1 Nguyên vật liệu

Công ty tổ chức tiếp nhận nguyên vật liệu theo nhà cung ứng đã được xác lập. Nguồn nguyên liệu chính gồm: clinker, thạch cao, phụ gia được Công ty tổ chức nhập về theo đúng tiến độ và kế hoạch thông qua dịch vụ vận chuyển, đảm bảo các yêu cầu về chất lượng đã được ký kết, chất lượng nguyên vật liệu phù hợp với các qui định của TCVN và của Công ty. Các dịch vụ vận chuyển, kiểm hoá, trung chuyển được thống nhất và qui rõ trách nhiệm trong các hợp đồng ký kết.

Nguồn cung cấp nguyên liệu phục vụ cho các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xi măng Hải Vân được cung cấp bởi các công ty lớn, uy tín trên thị trường nhằm đảm bảo các hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo sự ổn định lâu dài, bền vững cho hoạt động kinh doanh của Công ty. Chi tiết các nhà cung cấp nguyên liệu chính được tổng hợp theo bảng dưới đây:

STT	Loại nguyên liệu / Tên Công ty cung cấp	Quốc gia
I.	Clinker hạt, xi măng bột	Việt Nam
1	Cty HH xi măng LUKS Việt Nam (LCVL)	Việt Nam
2	Công ty CP xi măng Bim Sơn	Việt Nam
3	Công ty xi măng Hoàng Thạch	Việt Nam
4	Trung tâm tiêu thụ xi măng Bút Sơn	Việt Nam
5	Công ty cổ phần xi măng Hà Tiên 1	Việt Nam
II	Thạch cao	
1	Công ty cổ phần thạch cao xi măng	Việt Nam
III	Giấy kraft :	
1	Xí nghiệp sản xuất vỏ bao Xi măng Đà Nẵng	Việt Nam
IV	Các vật tư – phương tiện – thiết bị khác	
1	Công ty TNHH Thiết bị vật t & DV KT Trường An	Việt Nam
2	Công ty TNHH cơ khí đúc Trường Giang	Việt Nam
3	Công ty 27 Bộ Quốc Phòng	Việt Nam
4	Cty TNHH nhà nớc 1 thành viên Cơ khí Đông Anh	Việt Nam
5	Điện Lực Liên Chiểu Đà Nẵng	Việt Nam
6	Công ty TNHH Xương Thịnh	Việt Nam
7	Công ty CP Công Nghiệp Hoa Nam	Việt Nam
8	Công Ty TNHH TM&TV Nghệ Giang	Việt Nam
9	Công ty CP kinh doanh tổng hợp Hải Châu	Việt Nam
10	Công ty cổ phần Long Thọ	Việt Nam

Nguồn: HVX

7.1.2 Chi phí sản xuất

Hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty phụ thuộc vào sự biến động giá cả các nguyên vật liệu và chi phí sản xuất đầu vào. Các bộ phận chức năng của Công ty thực hiện việc kiểm soát chi phí bằng việc xây dựng hệ thống kiểm soát chặt chẽ các hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty như: qui định tối thiểu mức tiêu hao nguyên vật liệu trong quá trình sản xuất cũng như trong quản lý và sử dụng vật liệu, vật tư nhằm giảm chi phí sản xuất, tăng hiệu quả trong sản xuất kinh doanh.

Là doanh nghiệp sản xuất nên chi phí nguyên liệu chiếm tỷ trọng rất lớn trong tổng chi phí sản xuất của Công ty. So với các đơn vị cùng ngành, chi phí sản xuất kinh doanh chiếm tỷ trọng tương đối thấp.

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013		Năm 2014		Năm 2015	
		Số tiền	Tỷ lệ (%) /DT	Số tiền	Tỷ lệ (%) /DT	Số tiền	Tỷ lệ (%) /DT
I	Doanh thu thuần	770.556	100%	915.272	100%	831.384	100%
II	Tổng chi phí	782.359	101,5%	913.689	99,8%	829.891	99,8%
1	Giá vốn hàng bán	657.117	85,3%	794.568	86,8%	733.622	88,2%
2	Chi phí bán hàng	38.553	5,0%	46.863	5,1%	17.916	2,2%
3	Chi phí quản lý doanh nghiệp	21.949	2,8%	21.698	2,4%	26.490	3,2%
4	Chi phí tài chính	64.740	8,4%	50.560	5,5%	51.863	6,2%
	Lợi nhuận hoạt động kinh doanh	-11.803		1.583		1.493	

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015

7.1.3 Chính sách quản lý chi phí

Công tác tài chính tại Công ty luôn được quản lý khá chặt chẽ. Hàng tháng việc kiểm tra, kiểm soát tăng giảm các chi phí được thực hiện trực tiếp bởi Ban Tổng Giám Đốc, Giám đốc bộ phận, Kế toán trưởng và các cấp lãnh đạo khác dựa trên ngân sách chi phí đã được xây dựng, thiết lập hoàn chỉnh và thích hợp nhất để kịp thời phát hiện, tìm ra nguyên nhân và điều chỉnh ngay khi phát sinh các khoản chi phí không hợp lý. Bên cạnh đó, công tác quản trị tài chính thường xuyên phân tích và đánh giá sự ảnh hưởng của các loại chi phí đến kết quả hoạt động kinh doanh cũng góp phần rất lớn trong việc kiểm soát các chi phí. Công tác quản lý chi phí tốt, chặt chẽ đã góp phần tăng cường việc sử dụng nguồn vốn có hiệu quả, nâng cao tính cạnh tranh so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Những tín hiệu khả quan bắt đầu từ năm 2014 và kéo dài đến 2015, khi các chi phí nguyên liệu đầu vào được quản lý chặt chẽ hơn, tỷ trọng GVHB / Doanh thu duy trì ở mức 87%-88%; tỷ trọng chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp trên doanh thu lần lượt là 3,2% và 3,0%.

7.1.4 Trình độ công nghệ

Hiện tại sản phẩm xi măng Hải Vân được sản xuất trên dây chuyền công nghệ hiện đại, tự động, thiết bị do hãng KRUPP POLYSIUS – CHLB Đức chế tạo, lắp đặt và chuyển giao công nghệ. Đây là một trong ba hãng chế tạo thiết bị xi măng nổi tiếng và đứng đầu thế giới hiện nay.

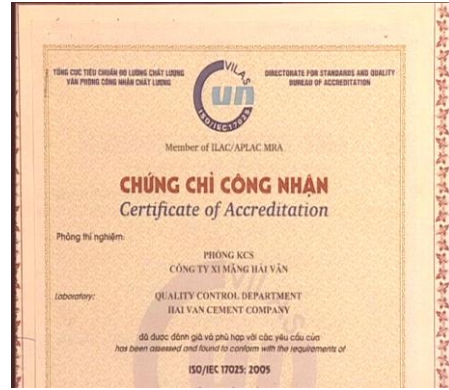
Ưu điểm nổi bật của công nghệ này

- Tỷ lệ các thành phần clinker, thạch cao và phụ gia luôn đồng nhất ổn định;
- Công đoạn nghiền với phân ly hiệu suất cao hoàn toàn tự động hóa, giúp cho chất lượng xi măng luôn ổn định;
- Công đoạn làm nguội xi măng thông qua thiết bị làm nguội độc quyền, đảm bảo các thành phần lý hóa của xi măng không bị biến đổi về chất lượng
- Công đoạn đóng bao với chế độ cài tự động bởi thiết bị đóng bao của hãng Haver-Boecker đảm bảo khối lượng xi măng đạt yêu cầu quy định và có dung sai thấp nhất.
- Toàn bộ hoạt động của dây chuyền được điều khiển tại phòng điều khiển trung tâm nhờ hệ thống điều khiển tự động.

Với các đặc điểm nổi bật nói trên, kết hợp với các hệ thống quản lý tiên tiến của thế giới như: Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001:2008, Hệ thống quản lý môi trường ISO 14001:2004 và phòng thí nghiệm được công nhận theo ISO/IEC 17025:2005. Xi măng Hải Vân vinh dự được đứng vào hàng ngũ các đơn vị sản xuất xi măng có trình độ công nghệ cao hàng đầu Việt Nam, ngang tầm các nước trong khu vực.

Hoạt động sản xuất của Công ty diễn ra tại 02 phân xưởng sản xuất có 02 dây chuyền nghiền xi măng có tính tự động hóa cao, nghiền theo chu trình kín.

7.1.5 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm



Công ty đang áp dụng hệ thống quản lý chất lượng ISO 9001 : 2000.

Phòng Thí Nghiệm - KCS được công nhận là Phòng Thí Nghiệm hợp chuẩn theo tiêu chuẩn ISO/IEC 17025 : 2005 với mã số chứng nhận là VILAS 069.

Với các tiêu chuẩn trên, theo tổ chức ISO thế giới cho biết các sản phẩm khi đưa ra thị trường đảm bảo chất lượng, độ tin cậy của các thí nghiệm và tính chính xác về đáp ứng các tiêu chuẩn về môi trường sức khỏe và sự an toàn của sản phẩm.

Từ chất lượng về hệ thống quản lý, cũng như việc đáp ứng các tiêu chuẩn quốc tế của phòng thí nghiệm, cũng như sự kiện toàn một cách khoa học của các công đoạn sản xuất, mà cơ sở hạ tầng của Công ty ngày càng mở rộng quy mô, nhưng đồng thời vẫn đảm bảo được việc giữ được môi trường xanh sạch đẹp. Công ty đã đạt được các tiêu chuẩn bảo vệ môi trường như sau:

- **QCVN 23 : 2009/BTNMT** “*Khí thải công nghiệp sản xuất xi măng*”
- **QCVN 05 : 2009/BTNMT** “*Chất lượng không khí xung quanh*”
- **TCVN 7365 : 2003** “*Không khí vùng làm việc – giới hạn nồng độ bụi và chất ô nhiễm không khí tại các cơ sở sản xuất xi măng*”

7.3. Hoạt động marketing

Quảng bá thương hiệu xi măng Vicem Hải Vân trên địa bàn Miền trung

Công ty đã hoạt động lâu năm trong ngành và thương hiệu Xi măng Vicem Hải Vân đã được xác lập trên thị trường vật liệu xây dựng Việt Nam. Song Công ty vẫn không ngừng đầu tư cho việc phát triển, quảng bá thương hiệu Xi măng Vicem Hải Vân biểu tượng ” **Hai con công màu xanh**” với khẩu hiệu “**Xi măng Vicem Hải Vân diện mạo mới – sức mạnh mới**”

Chiến lược về thị trường

Từ khi đang là doanh nghiệp nhà nước, sản phẩm của Xi măng Vicem Hải Vân đã quen thuộc với thị trường tại TP Đà Nẵng, Tam kỳ, Quảng Nam với các Công trình dân dụng lớn, các công trình bê tông hóa đường giao thông nông thôn.

Từ khi chính thức hoạt động sang mô hình công ty cổ phần, Công ty đã tiếp tục mở rộng thị trường rộng hơn trong đó bao gồm cả khu vực Tây nguyên với sản phẩm mang tên: Xi măng Hải Vân.

Dịch vụ bán hàng

Công ty đã linh hoạt trong chính sách và dịch vụ bán hàng của mình để làm hài lòng khách hàng. Cụ thể một số chính sách dịch vụ bán hàng chủ yếu sau đây:

- Thời gian cung cấp xi măng cho quý khách hàng là 24/24 giờ trong ngày, kể cả ngày lễ và chủ nhật.
- Nhận sản xuất các loại xi măng đặc chủng theo đơn đặt hàng.
- Có cơ chế thưởng và khuyến mại tiêu thụ xi măng cho khách hàng rất linh hoạt.
- Công ty có mạng lưới tiêu thụ xi măng là các nhà phân phối lớn ở tất cả các tỉnh, rất kinh nghiệm trong lĩnh vực kinh doanh xi măng, đáp ứng đầy đủ yêu cầu của khách hàng mọi lúc và mọi nơi.
- Trường hợp xảy ra sự cố, được giám định là do chất lượng xi măng Hải Vân không đảm bảo, công ty cam kết bồi thường tất cả các chi phí liên quan đến việc xây dựng công trình cho quý khách hàng.

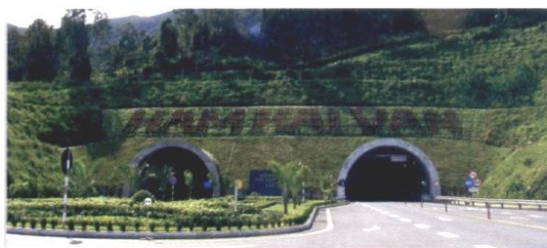
Với hơn 70 % tổng sản lượng sản phẩm do Công ty tổ chức tiêu thụ thông qua Tiêu thụ qua các Đại lý kinh doanh vật liệu xây dựng và trực tiếp các công trình xây dựng cơ bản trong điểm, và các trạm trộn bê tông thương phẩm. Chú trọng đến các biện pháp tổ chức cung ứng sản phẩm tốt nhất cho khách hàng đảm bảo đúng tiến độ và số lượng cũng như chất lượng sản phẩm. Đội ngũ thương vụ thường xuyên nắm bắt các thông tin từ khách hàng tiêu thụ trực tiếp các sản phẩm xi măng Hải Vân để kịp thời giải quyết các vướng mắc xảy ra trên tinh thần phục vụ tốt nhất cho khách hàng.

Trong công tác tổ chức thị trường tiêu thụ sản phẩm, Công ty chủ trương đến việc giữ vững thị trường hiện tại, đồng thời tìm kiếm cơ hội phát triển thị trường mới thông qua việc tìm kiếm các đối tác là các nhà phân phối có đủ nguồn lực, có kinh nghiệm trong việc phân phối và tiêu thụ sản phẩm.

Các biện pháp cụ thể :

- Khảo sát, đánh giá, nghiên cứu, phân tích, củng cố thị trường hiện có, mở rộng thị trường mới.
- Củng cố các mối quan hệ làm ăn với khách hàng, tăng cường việc thu hút các nhà phân phối mới và tìm kiếm cơ hội tăng sản lượng tiêu thụ.
- Chủ động phối hợp, làm việc với các nhà phân phối của các đơn vị gia công xi măng tại Hải Vân thực hiện kế hoạch nhận hàng đảm bảo kế hoạch tiêu thụ trong năm theo hợp đồng.
- Công ty tăng cường các hoạt động hỗ trợ, mở rộng các mạng lưới phân phối, mạng lưới tiêu thụ ở các đại lý. Thực hiện các biện pháp giảm giá thành, giảm mức tiêu hao nguyên vật liệu.
- Củng cố lại công tác bán hàng, tổ chức lại thị trường bằng các giải pháp tập trung các khách hàng có uy tín, làm ăn có hiệu quả, có nền tài chính đủ mạnh. Hoàn thiện công tác tổ chức phòng tiêu thụ để tăng cường vai trò lãnh đạo và nâng cao vai trò hoạt động của các thành viên.
- Xây dựng đội ngũ làm công tác tiêu thụ, cải tiến dịch vụ sau bán hàng, thu thập ý kiến đóng góp của khách hàng về chất lượng và dịch vụ, quan hệ với khách hàng. Hoàn thiện các chức năng để tăng cường các biện pháp giải quyết, chia sẻ kinh nghiệm, kiến thức. Đào tạo bổ sung các vị trí theo các chức năng đã xác lập.
- Tổ chức mạng lưới thu thập, theo dõi và xử lý thông tin. Các thông tin về khách hàng, các vụ khiếu nại của khách hàng, các chỉ số tiêu thụ ở từng đại lý hàng ngày, tháng. Các số liệu đầu ra hàng ngày, tuần, tháng được Phòng KH-CU theo dõi và báo cáo Giám đốc xử lý và đề ra các biện pháp giải quyết.

CÁC CÔNG TRÌNH TIÊU BIỂU SỬ DỤNG XI MĂNG HẢI VÂN



Hầm Đèo Hải Vân

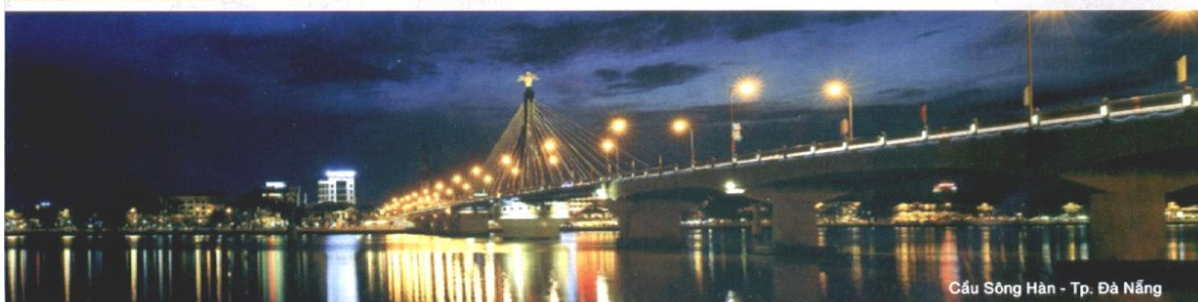
Đường băng sân bay Quốc tế Đà Nẵng



Đại học Đà Nẵng



Trung tâm Công nghệ phần mềm Đà Nẵng



Cầu Sông Hàn - Tp. Đà Nẵng

7.4. Nhãn hiệu thương mại, đăng ký phát minh, sáng chế và bản quyền

Trong các năm về trước nhãn hiệu được Công ty sử dụng cho sản phẩm chính của mình là biểu trưng 2 con công. Trong năm 2009, Công ty đã chính thức thay đổi biểu trưng của sản phẩm theo chủ trương của Vicem. Đến năm năm 2011, thống nhất thương hiệu toàn VICEM.



Logo của Công ty trước sử dụng



Logo hiện nay Công ty đang sử dụng cho việc in bao bì sản phẩm

7.5. Các hợp đồng lớn đang thực hiện

STT	Khách hàng	Hợp đồng	Số lượng (tấn)	Ngày ký hợp đồng	Hiệu lực
1	CTy TNHH Nghệ Giang	1543b/HĐMB-2015	80.000	01/12/2014	2015
2	DNTN Tuyết Sương	010/HĐMB-2015	32.000	01/01/2015	2015
3	Công ty Chấn Hưng	066/HĐMB-2015	20.000	01/01/2015	2015
4	Cty Thịnh Phú Cường	005/HĐMB-2015	52.000	01/01/2015	2015
5	CTy TNHH Duy Thịnh	040/HĐMB-2015	32.000	01/01/2015	2015
6	Cty TNHH MTV Văn Nhơn	051/HĐMB-2015	19.000	01/01/2015	2015
7	DNTN Minh Sâm	031/HĐMB-2015	11.000	01/01/2015	2015
8	Cty TNHH Duyên Hoa	014/HĐMB-2015	26.000	01/01/2015	2015
9	DNTN Minh Chanh	007/HĐMB-2015	28.000	01/01/2015	2015
10	Công ty Lê Văn Sa	006/HĐMB-2015	23.000	01/01/2015	2015
11	DNTN Vương Quốc	004/HĐMB-2015	11.000	01/01/2015	2015
12	Cty Thiên Hiệp Lợi	048/HĐMB-2015	18.000	01/01/2015	2015
13	Công ty CP ĐT XD & thiết bị MEI	1704/HĐMB-2015	13.000	26/12/2014	2015
14	CTy CP XM-VLXD-XL	044/HĐMB-2015	10.000	01/01/2015	2015
15	Cty Lâm Tùng Phương	013/HĐMB-2015	10.000	01/01/2015	2015
16	Thanh Phước Mỹ	028/HĐMB-2015	10.000	01/01/2015	2015
17	Công ty TNHH Nhân	043/HĐMB-2015	11.000	01/01/2015	2015
18	Toàn Khánh Khiêm	018/HĐMB-2015	10.000	01/01/2015	2015
19	Công ty TNHH Thu Hồng	027/HĐMB-2015	10.000	01/01/2015	2015
20	Cty Phạm Thanh Việt	039/HĐMB-2015	10.000	01/01/2015	2015
21	Công ty Ái Cường	034/HĐMB-2015	13.000	01/01/2015	2015
22	DNTN Hồng Châu	011/HĐMB-2015	20.000	01/01/2015	2015
23	Cty TNHH Phú Lộc	056/HĐMB-2015	10.000	01/01/2015	2015

Nguồn: HVX

8. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

8.1. Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong giai đoạn 2013-2015

Đơn vị : Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015	% tăng/giảm của năm 2015 so với 2014
1	Tổng giá trị tài sản	1.088.372	1.081.609	1.059.950	-2,0%
2	Doanh thu thuần	770.557	915.728	831.383	-8,0%
3	Lợi nhuận từ HĐKD	-15.905	2.038	1.492	141,3%
4	Lợi nhuận khác	506	4.984	1.388	-69,6%
5	Lợi nhuận trước thuế	-15.398	7.023	2.880	-8,4%
6	Lợi nhuận sau thuế	-15.398	7.023	2.880	-19,0%
7	EPS (đồng/cổ phần)	832	230	72	-38,3%
8	Tỷ lệ chi trả cổ tức (%)	0%	0%	0%	-

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015

8.2. Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong các năm qua.

Chính thức hoạt động dưới hình thức công ty cổ phần từ tháng 01/04/2008, Công ty cổ phần Xi măng Hải Vân dần đi vào hoạt động ổn định và đã đạt được một số kết quả đáng khích lệ.

- Năm 2013, là năm được đánh dấu cho sự bắt đầu thách thức mới khi HVX đầu tư mua nhà máy Xi Măng Áng Sơn 2 để tạo nguồn cung nguyên liệu clinker ổn định lâu dài cho Công ty. Công ty đã tăng các khoản vay để thực hiện nghiệp vụ mua lại nhà máy xi măng Vạn Ninh từ Công ty TNHH Tập Đoàn Thăng Lợi, đồng thời khi nhà máy mới hoạt động chưa ổn định nên có nhiều chi phí phát sinh làm cho kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty lỗ trong năm 2013.
- Đến năm 2014, tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty có tín hiệu lạc quan khi doanh thu tăng gần 20% và lợi nhuận sau thuế đạt 7 tỷ đồng.
- Các yếu tố chi phí đầu vào khá cao nên đã ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty từ năm 2012 đến nay. Hệ quả này do tác động của một số nhân tố khó khăn và thuận lợi chính như sau:

Thuận lợi

- Công ty đã được quan tâm sâu sát, chỉ đạo kịp thời của lãnh đạo Vicem và sự hỗ trợ của các đơn vị bạn như Hoàng Thạch, Bim Sơn, Hà Tiên 1 nên đã cơ bản ổn định cho sản xuất và kinh doanh, tạo đủ công ăn việc làm cho CB-CNV và có thu nhập ổn định cho người lao động.
- Trên cơ sở Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông và các Nghị quyết của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc đã họp, phân công rõ phạm vi, lĩnh vực phụ trách của Giám đốc và các Phó giám đốc, thường xuyên chăm lo công tác thị trường, chỉ đạo công tác bảo dưỡng thiết bị nên thiết bị hoạt động ổn định, năng suất máy nghiền được duy trì. Ban giám đốc đã chỉ đạo triển khai kế hoạch sản xuất - kinh doanh cho từng tháng cụ thể của từng năm.
- Công ty đã thực hiện nghiêm chỉnh công tác phối hợp thị trường tại địa bàn với các Công ty thành viên cùng với sự giám sát của Tổng Công ty. Hiện nay xi măng Hải Vân đã gần như thâm nhập được hầu hết các cửa hàng VLXD, độ phủ của xi măng Hải Vân tăng cao.
- Hệ thống kênh phân phối của xi măng Hải Vân được trải dài và có uy tín trong trên thị trường xi măng. Đội ngũ thương vụ của Công ty ngày càng hoàn thiện, thể hiện tính chuyên nghiệp, nhiệt tình, năng nổ trong công tác phục vụ khách hàng. Việc thực hiện các dịch vụ sau bán hàng rất tốt luôn luôn thoả mãn các yêu cầu của khách hàng.
- Địa bàn Đà Nẵng và Quảng Nam có cảng biển thuận lợi và là đầu mối của các loại xi măng thâm nhập nên mức độ cạnh tranh diễn ra mạnh. Các loại Xi măng Sông Gianh, Luks, Thăng Long... thâm nhập vào thị trường Đà Nẵng có giá bán rẻ nên thu hút được người tiêu dùng..

Khó Khăn

- Nền kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn ảnh hưởng của khủng hoảng, ngành xây dựng và BĐS vẫn còn nhiều khó khăn điều đó có tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam nói chung cũng như đến hoạt động kinh doanh của HVX nói riêng.
- Giá nguyên, nhiên, vật liệu, phụ tùng, điện, vận chuyển ... thường xuyên biến động theo chiều hướng tăng lên, nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất - kinh doanh.
- Biến đổi khí hậu dẫn đến mưa, lũ lụt nhiều hơn và cường độ tàn phá lớn hơn so với những năm trước đây, đặc biệt mưa nhiều ở Quý 1, bão lũ ở Quý 3 và 4.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

9.1. Thực trạng hoạt động ngành xi măng Việt Nam

Đặc thù của ngành xi măng là luôn gắn liền với sự phát triển của ngành bất động sản, các công trình xây dựng. Tuy nhiên hiện nay thị trường bất động sản trong gian đoạn khó khăn, có nhiều dự án tạm hoãn triển khai hay các công trình đang xây dựng phải tạm dừng trong giai đoạn này. Sự trầm lắng của thị trường bất động sản đã kéo theo hàng loạt các ngành nghề liên quan, trong đó có ngành xi măng. Bên cạnh đó trong thời gian qua để kiểm soát lạm phát, chính phủ cũng đưa ra các chính sách nhằm hạn chế đầu tư công, xây dựng phát triển những công trình Công cộng làm cho ngành vật liệu xây dựng nói chung và ngành xi măng nói riêng ngày càng khó khăn hơn.

Trong năm 2015, ngành xi măng Việt Nam có tổng tiêu thụ cả nước đạt 72 triệu tấn, tăng khoảng 4% so với năm 2014. Trong khi lượng xi măng tiêu thụ nội địa năm nay đạt 55,5 triệu tấn với mức tăng gần 10% so với năm ngoái thì lượng xuất khẩu so với năm ngoái giảm đến 15%, chỉ đạt 16,5 triệu tấn. Theo ý kiến của một số chuyên gia, ngành xi măng trong năm 2016 vẫn chưa thể tăng trưởng đột biến, và mức tiêu thụ được dự báo chỉ tăng trưởng 3,5 – 4,5% so với năm 2015.

Hiện Việt Nam có gần 60 nhà sản xuất xi măng lớn, nhỏ, và những năm gần đây cung đã vượt cầu nên sự cạnh tranh trên thị trường có phần khốc liệt. Cho đến nay, gánh nặng về mất cân đối cung - cầu và tồn kho xi măng vẫn luôn chực chờ. Theo đó, thị trường có nhiều doanh nghiệp nhỏ phải cạnh tranh khốc liệt với nhau, và ngành xi măng cần được “tái cơ cấu” theo khuynh hướng sáp nhập các doanh nghiệp.

9.2. Vị thế của Công ty trong ngành

Công ty cổ phần Xi măng Hải Vân là đơn thành viên thuộc Tổng công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam với chức năng và nhiệm vụ chính của Công ty là sản xuất kinh doanh xi măng của Tổng công ty trên thị trường Miền Trung, là đơn vị chủ lực của Tổng công ty về sản xuất và kinh doanh xi măng tại khu vực Miền Trung, cung cấp đầy đủ, kịp thời đáp ứng nhu cầu tiêu thụ tại mọi thời điểm. Hiện tại, thị phần phân phối tiêu thụ xi măng của Công ty bao trùm tại khu vực Miền trung trong đó chủ yếu tại Thành phố Đà Nẵng, Quảng Nam và các vùng lân cận.

Tại khu vực Miền trung và Miền Nam do việc biến đổi khí hậu dẫn đến mưa, lũ lụt, triều cường nhiều hơn và cường độ tàn phá lớn hơn so với những năm trước đây, dẫn đến nhu cầu xi măng tiêu thụ giảm so với các khu vực khác.

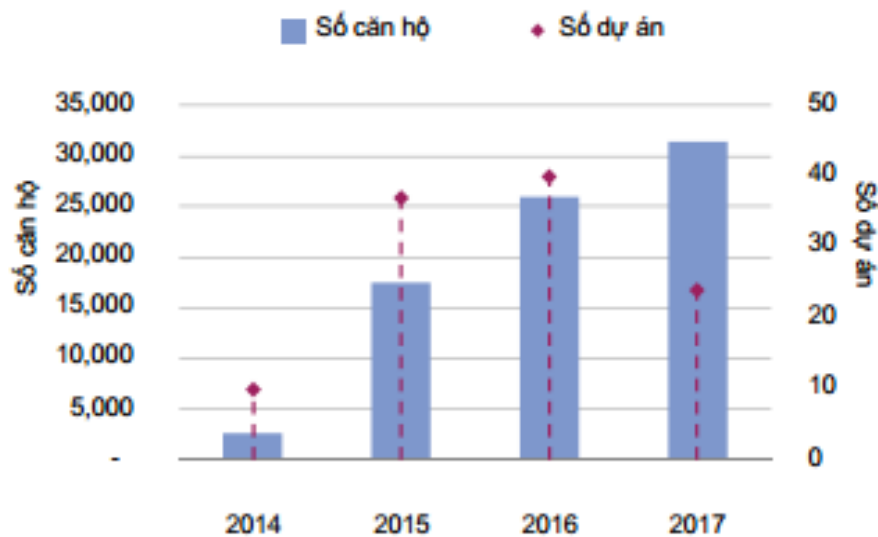
Trong năm 2013 nhu cầu xi măng tại khu vực miền trung tăng lên hơn 4%. Nguyên nhân chủ yếu tại khu vực này không bị lệ thuộc nhiều đến tình hình biến động của ngành bất động sản. Vì vậy với lợi thế vị trí nằm trong khu vực có thị trường tiêu thụ ổn định đã tạo cho HVX có thế mạnh hơn so với các Công ty trong cùng ngành. Đây là điều kiện tốt cho hoạt động sản xuất kinh doanh của HVX.

9.3. Triển vọng phát triển của ngành

Điều kiện phát triển của ngành xi măng phụ thuộc rất lớn vào sự sôi động của thị trường bất động sản, xây dựng cơ sở hạ tầng... Trong thời gian qua Chính Phủ đã có những chính sách hỗ trợ cho người thu nhập thấp có điều kiện có nhà ở, vì vậy các dự án bất động sản hiện nay cũng qua tâm nhiều đến những đối tượng có nhu cầu thực về nhà ở này.

Tuy thị trường bất động sản vẫn còn trong giai đoạn đóng băng nhưng đối với những dự án có mức giá vừa phải, diện tích ở phù hợp vẫn thu hút người quan tâm. Vì thế, các chủ dự án đã nắm bắt được cơ hội này và đã điều chỉnh lại chiến lược kinh doanh tạo ra nhiều căn hộ đáp ứng nhu cầu thực hiện nay nên các dự án vẫn tiếp tục đầu tư xây dựng điều này đã tạo cơ hội cho sự phát triển của các ngành liên quan trong đó có ngành xi măng.

Dự báo số dự án và căn hộ trong các năm tới



Nguồn: Savills

Triển vọng phát triển ngành xi măng trong những năm tới được dự báo là sẽ tăng trưởng trở lại và ổn định khi nền kinh tế thoát khỏi suy thoái và đóng băng bất động sản nhưng những năm vừa qua.

Theo tiến trình hội nhập, mở cửa của thị trường xi măng Việt Nam thì hiện nay clinker và xi măng không còn nằm trong danh mục các mặt hàng cần có giấy phép khi nhập khẩu và mức thuế nhập khẩu clinker chỉ được tính mức tối đa là 5%. Do vậy, khả năng thâm nhập thị trường Việt Nam của các nhà xuất khẩu clinker và xi măng trong khu vực Đông Nam Á là rất lớn.

Tuy nhiên, giá xăng dầu tăng, việc thuê tàu thủy khó khăn, mặt khác, clinker là mặt hàng bụi, nặng nên cước vận chuyển cao. Việc nhập khẩu clinker về Việt Nam sẽ có giá cao, do đó clinker chỉ có thể được nhập khẩu về khi nhu cầu trong nước quá cao mà nguồn cung không thể đáp ứng.

Các doanh nghiệp trong nước một mặt có cơ hội phát triển vì thị trường vẫn còn tiềm năng, mặt khác sẽ phải đối mặt với sự cạnh tranh về chất lượng và giá cả và sẽ không có chính sách bảo hộ đáng kể nào của nhà nước và địa phương. Đây là khó khăn lớn nhất mà nhiều doanh nghiệp sản xuất kinh doanh xi măng trong nước phải vượt qua, nhất là các doanh nghiệp mới đầu tư theo quy hoạch đã được Thủ tướng Chính phủ phê duyệt

Dự báo nhu cầu tiêu thụ xi măng giai đoạn 2015 - 2030

Năm	Nhu cầu xi măng (Triệu tấn)
2015	75 - 76
2020	93 - 95
2030	113 - 115

Nguồn: ximang.vn

Dựa vào chiến lược phát triển như trên ta thấy tiềm năng tăng trưởng của ngành còn rất lớn. Tuy nhiên trên thực tế cũng còn phụ thuộc vào nhiều yếu tố như: sự phát triển của nền kinh tế, thị trường bất động sản, mở rộng đầu tư công của Chính phủ... Các nhân tố này phát triển tốt, bền vững sẽ là cơ hội tốt cho ngành xi măng.

9.4. Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Nhận thấy được triển vọng phát triển của Ngành, Công ty đã ra sức phát huy vị thế của mình để giành một thị phần không nhỏ so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Về mặt quản lý sản xuất, ngoài Hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm theo tiêu chuẩn ISO 9001-

2000 và Hệ thống quản lý môi trường theo tiêu chuẩn ISO 14001 -2004, Công ty đã bắt đầu tư hệ thống ERP (Enterprise Resource Planning), tổ chức phần mềm ứng dụng theo mô hình 3 lớp dùng ngôn ngữ của Oracle, thiết lập mạng LAN và WAN trên toàn bộ hoạt động của công ty. Hệ thống giao dịch và mua bán với các Nhà phân phối chính của công ty trên toàn bộ thị trường Miền trung cũng đã được tích hợp vào hệ thống hoạt động này. Việc đầu tư hệ thống ERP đã góp phần nâng cao chất lượng, hiệu quả quản trị và hiệu quả hoạt động kinh doanh của Công ty. Cùng với đó là việc đào tạo công nhân thành thạo hàng trăm công nhân, kỹ sư lành nghề để đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Có thể thấy rằng việc đầu tư hệ thống quản lý sản xuất và chăm lo chuyên môn và đời sống của cán bộ công nhân viên là phù hợp với định hướng về sự phát triển của Công ty và trong toàn ngành.

10. Chính sách đối với người lao động

10.1. Cơ cấu lao động trong Công ty

Số lượng người lao động trong Công ty tính đến thời điểm 31/12/2015 là 521 người, trong đó cơ cấu lao động có tay nghề theo trình độ được thể hiện trong bảng sau:

Trình độ lao động	Số lượng	Tỷ lệ (%)
Đại học và trên đại học	131	25
Cao đẳng, trung cấp, nghiệp vụ	204	39
Công nhân kỹ thuật	166	32
Công nhân lao động phổ thông	20	4
Tổng cộng	521	100

Nguồn: HVX

10.2. Chính sách đối với người lao động

Chế độ làm việc

Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ chế độ nghỉ Lễ, Tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ... theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Điều kiện làm việc

Đối với lao động gián tiếp, công ty cải tạo trụ sở, các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang, rộng rãi, thoáng mát tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ cá nhân cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, luôn tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động sản xuất.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Trong quá trình phát triển, Công ty cổ phần xi măng Hải Vân luôn coi trọng việc quản lý và sử dụng nguồn nhân lực. Trong đó con người là nhân tố quan trọng quyết định đến hiệu quả SX-KD và sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty là chăm lo đào tạo phát triển con người về mọi mặt, luôn quan tâm đến chính sách đãi ngộ và đào tạo phù hợp, khuyến khích sự phấn đấu, đóng góp của CBCNV vào sự phát triển chung của Công ty. Trong những năm qua chất lượng đội ngũ CBCNV Công ty ngày được nâng cao thông qua việc tuyển dụng lao động mới có kiến thức, năng lực, kinh nghiệm và thông qua đào tạo bồi dưỡng CBCNV hàng năm.

Căn cứ nhu cầu công việc, kế hoạch lao động (định biên lao động) được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, Giám đốc Công ty tiến hành triển khai tuyển dụng lao động trong phạm vi lao động định biên được duyệt. Sau khi hoàn tất quá trình tuyển dụng và ký hợp đồng lao động, Công ty sẽ áp dụng quy trình đào tạo để đào tạo để áp dụng cho đối tượng là cán bộ công nhân viên. Cụ thể

Dự kiến đào tạo của các bộ phận

Để trình độ tay nghề, chuyên môn nghiệp vụ CBCNV đáp ứng yêu cầu công việc đang đảm nhận theo sự đổi mới công nghệ, qui mô phát triển của Công ty. Trong tháng 10 và 11 hàng năm các bộ phận dự kiến nhu cầu đào tạo trong năm tới của đơn vị mình theo mẫu dự kiến đào tạo gửi về phòng TC -LD để làm cơ sở lập kế hoạch đào tạo hàng năm.

Kế hoạch đào tạo và thực hiện

Trong tháng 12 hàng năm, Phòng TC -LD sẽ lập kế hoạch đào tạo năm đến trong nội dung kế hoạch lao động tiền lương và kế hoạch sản xuất kinh doanh của Công ty.

Căn cứ để lập kế hoạch đào tạo:

- Dự kiến đào tạo của các bộ phận trong Công ty
- Định hướng phát triển của công ty
- Sau khi tuyển dụng, luân chuyển cán bộ để đáp ứng nhu cầu công việc

- Yêu cầu từ năng lực của CBCNV.
- Hồ sơ ghi nhận báo cáo không phù hợp về công tác đào tạo, bố trí nhân sự
- Những vấn đề mới phát sinh trong việc cải tiến HTQLCL - Môi trường - Thử nghiệm
- Những thông báo chiêu sinh từ các tổ chức bên ngoài có nội dung liên quan đến nhu cầu đào tạo công ty.
- Các yêu cầu pháp luật và chế định.
- Các yêu cầu khác

Kế hoạch đào tạo hàng năm được Tổng giám đốc Công ty trình Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam phê duyệt. Khi kế hoạch đào tạo năm không được Tổng Giám đốc công ty duyệt thì cần phải điều chỉnh và lập lại.

Sau khi kế hoạch đào tạo của công ty được Tổng công ty phê duyệt, Phòng TC -LD có nhiệm vụ thông báo kế hoạch đào tạo đã được duyệt đến từng đơn vị để các đơn vị biết và có kế hoạch bố trí nhân sự.

Phòng TC -LD tham mưu cho Tổng Giám đốc ra quyết định cử đi học. Riêng đối với những công việc trước khi đảm nhận phải qua đào tạo hướng dẫn thực tế thì thủ trưởng đơn vị khi nhận lao động mới, căn cứ quyết định điều động, Hợp đồng lao động để phân công người kèm cặp hướng dẫn đúng qui trình.

Sau khi khóa đào tạo kết thúc, CBCNV trở về làm việc tại đơn vị. Trưởng đơn vị phân công, giao nhiệm vụ và tổ chức theo dõi, đánh giá, tạo điều kiện thuận lợi để CBCNV hoàn thành nhiệm vụ, phát huy năng lực của mình

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty coi chính sách lương là một động lực đối với người lao động. Thu nhập của người lao động trong Công ty gồm tiền lương và các khoản có tính chất lương, tiền thưởng, ăn ca, độc hại. Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong công ty năm 2014 là: **8.500.000 đồng/người/tháng**. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Chế độ tiền lương: Thực hiện cơ chế tiền lương theo chức danh công việc gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc được giao. Ngoài ra Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Hầu hết CBCNV hiện nay đều có sở hữu cổ phần của Công ty, cho nên việc sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tăng lợi nhuận và cổ tức chính là động cơ thúc đẩy CBCNV làm việc với hiệu quả cao hơn.

Các đoàn thể trong Công ty được tạo điều kiện hoạt động, vì thế người lao động cũng có thêm điểm tựa để gắn bó hết mình với Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh qua các năm.

Như vậy, Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay cả khi trả hết số cổ tức đã quy định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản Nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ cổ tức trả cho Cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

12. Tình hình hoạt động tài chính

12.1. Các chỉ tiêu cơ bản

- Tình hình TSCĐ tại thời điểm 31/12/2015

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	506.950	128.641	378.309	75%
2	Máy móc và thiết bị	631.816	230.420	401.396	64%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	20.530	12.503	8.028	39%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	6.421	5.113	1.309	20%
5	Tài sản cố định vô hình	125	107	18	15%
6	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	10.142	-	10.142	100%

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015

- Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện nghiêm túc nghĩa vụ nộp thuế giá trị gia tăng, thuế thu nhập doanh nghiệp và các khoản phải nộp Nhà nước khác theo đúng quy định hiện hành. Số dư các khoản thuế và phải nộp cho nhà nước (chủ yếu là thuế GTGT) như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
01	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	832	975	627
TỔNG CỘNG		657	975	627

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015

- Trích lập các Quỹ theo luật định

Công ty trích lập và sử dụng các Quỹ theo Quy định áp dụng cho các doanh nghiệp là CTCP và theo Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty. Hàng năm, lợi nhuận của Công ty sau khi nộp thuế cho Nhà nước theo quy định sẽ được dùng để trích lập Quỹ dự phòng tài chính theo quy định của Điều lệ công ty và các Quỹ khác theo quyết định của ĐHĐCĐ. Số dư các Quỹ và lợi nhuận chưa phân phối cuối năm 2013, 2014, và 9 tháng năm 2015 như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Chỉ tiêu	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
02	Quỹ đầu tư phát triển	4.234	4.234	4.234
03	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.702	858	558
04	Lợi nhuận chưa phân phối	111	7.055	13.294
TỔNG CỘNG		6.047	12.147	16.838

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015

▪ **Tình hình công nợ hiện nay**

✓ **Các khoản phải thu**

Đơn vị: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
I.	Các khoản phải thu ngắn hạn	97.654	78.313	89.714
1	Phải thu khách hàng	96.148	66.601	85.959
2	Trả trước cho người bán	296	2.219	1.375
3	Các khoản phải thu khác	5.747	14.069	7.989
4	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-4.537	-4.684	-5.609
II	Các khoản phải thu dài hạn	-	-	206
1	Phải thu dài hạn khác	-	-	206
Tổng cộng		97.654	78.313	89.920

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015

✓ **Các khoản phải trả**

DVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
I.	Nợ ngắn hạn	269.957	233.384	256.611
1	Vay và nợ ngắn hạn	51.006	93.357	131.915
2	Phải trả người bán	70.726	84.452	95.524
3	Người mua trả tiền trước	1.672	2.216	1.551
4	Thuế và các khoản phải nộp NN	657	976	627
5	Phải trả người lao động	18.996	19.171	18.407
6	Chi phí phải trả	24.933	20.693	7.320
7	Các khoản phải trả, phải nộp khác	100.264	11.661	708
8	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.702	858	558

STT	Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
II.	Nợ dài hạn	629.067	437.946	386.207
1	Vay và nợ dài hạn	514.986	437.946	386.207
2	Phải trả dài hạn người bán	114.082	-	-
Tổng cộng		899.024	671.330	642.818

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2014 và 2015

Theo báo cáo kiểm toán tại thời điểm 31/12/2015, Công ty không có bất kỳ khoản nợ quá hạn nào. Các khoản nợ đến hạn phải trả đều được công ty thanh toán đầy đủ, đúng hạn. Đây cũng là một lợi thế của Công ty trong việc tiếp cận các nguồn vốn vay từ các ngân hàng cho dự án của mình một cách dễ dàng.

Khoản phải trả dài hạn người bán hơn 100 tỷ trong năm 2013 là khoản đầu tư mua nhà máy xi măng Áng Sơn 2. Công ty đã ghi nhận tăng tài sản trong Quý 1 năm 2013 và đồng thời ghi tăng khoản phải trả. HVX tiến hành thanh toán theo lộ trình hợp đồng mua bán nhà máy và đến thời điểm hiện tại khoản mục này không còn số dư nợ.

12.2. Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán Nợ ngắn hạn				
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	0,77	1,02	0,87
+ Hệ số thanh toán nhanh				
(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	0,59	0,64	0,45
II. Chỉ tiêu về Cơ cấu Vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	82,6%	62%	60%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	475,6%	163,2%	154%
III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	13,98	11,73	7,56
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	Vòng	0,71	0,85	0,78
IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-1,95%	0,77%	0,34%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-7,94%	1,70%	0,69%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-1,37%	6,49%	0,27%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-2,03%	0,22%	0,18%
+ Thu nhập mỗi cổ phần (EPS)	đồng/cp	-823	230,74	72

Nguồn: Báo cáo kiểm toán năm 2013, năm 2014 và 2015

Trong năm 2013, Công ty thực hiện mua lại nhà máy xi măng Áng Sơn 2 của Công ty TNHH Tập Đoàn Thăng Lợi (hiện nay được đổi tên là Nhà máy xi măng Vạn Ninh của Công ty) nên Công ty đã ghi nhận tăng tài sản đồng thời ghi nhận tăng khoản phải trả ngắn hạn lên gần 800 tỷ đồng đã làm cho các chỉ tiêu về khả năng thanh toán giảm xuống dưới 1. Đồng thời khoản ghi nhận nợ này cũng làm cho chỉ tiêu về cơ cấu vốn thay đổi lớn thể hiện hệ số nợ trên vốn chủ sở hữu tăng lên 475% vào cuối năm 2013.

Thông qua việc huy động thành công 214,6 tỷ đồng thông qua đợt chào bán trong đầu năm 2014 giúp cho công ty giảm tỷ lệ đòn bẩy tài chính, đưa tỷ lệ nợ trên vốn chủ sở hữu về xuống còn 163,2% ở cuối năm 2014.

Hầu hết các chỉ tiêu đều cho thấy những cải thiện đáng kể trong hiệu quả trong năm 2014 và năm 2015 thể hiện sự nỗ lực lớn và hiệu quả hoạt động của Công ty trong điều kiện thị trường không mấy khả quan.

13. Hội đồng quản trị, Ban Tổng Giám Đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng

13.1. Danh sách thành viên Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
1	Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	1962	011699960
2	Bùi Viết Minh	Thành viên	1958	200154871
3	Trần Văn Khôi	Thành viên	1969	201006349
4	Đình Ngọc Châu	Thành viên	1968	201006660
5	Trịnh Tường	Thành viên	1958	200154810

13.1.1 Bà Trần Thị Minh Anh – Chủ tịch Hội đồng quản trị

Họ và tên: **Trần Thị Minh Anh**

CMND số: 011699960 cấp ngày: 22/07/2004 nơi cấp: CA Hà Nội

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 26/10/1962

Quốc tịch hiện nay: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số nhà 12, ngõ 34, Hoàng Cầu, Ô chợ Dừa, Đống Đa, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 10/10

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư địa chất, cử nhân Ngoại thương, Cao cấp lý luận chính trị

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1985 – 1990	Làm việc tại Tổng cục Địa chất, Tổng cục Dầu khí
1990 – 1998	Chuyên viên phòng XNK – Công ty XNK Xi măng
1998 – 2001	Phó phòng XNK – Công ty XNK Xi măng
2001 – 02/2010	Phó giám đốc Công ty XNK Xi măng
02/2010 – nay	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay:

- Chủ tịch hội đồng quản trị, Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải vân

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác:

- Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam
- Chủ tịch Hội đồng quản trị, CTCP Đá Hoà Phát

Số cổ phần nắm giữ: 13.404.960 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: Không
- Đại diện Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam sở hữu: 13.404.960 CP

Số cổ phần của người có liên quan:

Quan hệ	Tên	Địa chỉ	Số cổ phiếu nắm giữ
Công ty	Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, TP. Hà Nội	30.587.760
Tổng cộng			30.587.760

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.2 Ông Bùi Viết Minh – Thành viên HĐQT

Họ và tên khai sinh: **Bùi Viết Minh**

CMND số: 200154871 cấp ngày: 17/4/2010 nơi cấp: CA Đà Nẵng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 01/4/1958

Nơi sinh: Bình Triều, Thăng Bình, Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 47 Nguyễn Hữu Dật, Q.Hải Châu, Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: ĐH Quản trị kinh doanh; Bằng tốt nghiệp Cử nhân, khoa Kinh tế (năm tốt nghiệp: 1995)

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
3/1977-11/1984	Làm việc tại Nhà máy xi măng Đà Nẵng
12/1984-12/1989	Phó quản đốc PX –Nhà máy xi măng Đà Nẵng
01/1990-5/1993	Quản đốc PX –Xí nghiệp LD XM Hoàng Thạch
6/1993-1996	Phó giám đốc Xí nghiệp LDXM Hoàng Thạch
1997-11/2005:	Phó giám đốc Công ty xi măng Hải Vân
12/2005-5/2006	Quyền Giám đốc Công ty xi măng M Hải Vân
6/2006-3/2008	Giám đốc Công ty xi măng Hải Vân
4/2008-nay:	Giám đốc CTCP xi măng Vicem Hải Vân

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên HĐQT, Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải vân

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 209.210 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 209.21 cổ phần
- Đại diện sở hữu: Không

Số cổ phần của người có liên quan:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu nắm giữ
Vợ	Đinh Thị Ngọc Bích	1963		47.200
Em	Bùi Viết Hà	1965	Chi nhánh Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân- Nhà máy XM Vạn Ninh	5.700
	Tổng			52.900

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.3 Ông Trần Văn Khôi – Thành viên HĐQTHọ và tên: **Trần Văn Khôi**

CMND số: 201006349 cấp ngày: 28/9/1995 nơi cấp: CA QNĐN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/12/1969

Nơi sinh: P.Hòa Khánh Bắc, Q. Liên Chiểu, TP. Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: P.Hòa Khê, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
10/1995 - 10/1998	CB kỹ thuật Ban quản lý công trình Nhà máy XM Hải Vân
11/1998 - 12/2000	Trưởng Phòng ĐKTT Phân xưởng 2 - Công ty XM Hải Vân

01/2001 - 4/2002	Trưởng Phòng ĐKTT Nhà máy 2 - Công ty XM Hải Vân
4/2002 - 8/2002	Phó giám đốc Nhà máy 2 - Công ty XM Hải Vân
9/2002 - 11/2002	Phó quản đốc PX2 - Công ty XM Hải Vân
11/2002 - 6/2005	Quản đốc PX2 - Công ty XM Hải Vân
6/2005 - 8/2005	Bí thư chi bộ, QĐ PX2 - Công ty XM Hải Vân
8/2005 - 3/2006	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, QĐ PX2 - Công ty XM Hải Vân
4/2006 - 3/2008	Phó giám đốc Công ty XM Hải Vân
4/2008 – 12/2014	Phó giám đốc Công ty CP XM Hải Vân
01/2015 – nay	Tổng giám đốc CTCP Xi Măng Vicem Hải Vân

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên HĐQT, CTCP Xi Măng Vicem Hải Vân
- Tổng Giám đốc CTCP Xi Măng Vicem Hải Vân

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 12.403.800 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 16.200 CP
- Đại diện Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam sở hữu: 12.387.600 CP

Số cổ phần của người có liên quan:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu nắm giữ
Vợ	Nguyễn Thị Thu Vân	1970	Bác sỹ tại Công ty Sanofi	35.660
Chị	Trần Thị Bích Phượng	1967	Buôn bán	20.000
Tổng cộng				55.660

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.4 Ông Đinh Ngọc Châu – Thành viên HĐQT - Kế toán trưởng Công ty

Họ và tên: **Đinh Ngọc Châu**

CMND số: 201006660

cấp ngày: 19/6/2007

nơi cấp: Đà Nẵng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 12/4/1968

Nơi sinh: Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Số 71, Đặng Dung, P.Hòa Hiệp Bắc, Q. Liên Chiểu, TP.Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Thạc Sĩ Quản trị kinh doanh, Cử nhân Tài chính Ngân hàng, Cử nhân Anh văn.

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
4/1994 - 6/1998	Kế toán viên, Kế toán tổng hợp Công ty xi măng Hải Vân
6/1998 - 9/2006	Phó phòng Kế toán Công ty xi măng Hải Vân;
10/2006 - 9/2007	Phụ trách Kế toán Công ty xi măng Hải Vân;
10/2007 - 3/2008	Kế toán trưởng Công ty xi măng Hải Vân;
4/2008 - nay	Ủy viên Hội đồng Quản trị - Kế toán trưởng - Công ty Cổ phần xi măng Hải Vân

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên HĐQT
- Kế toán trưởng CTCP Xi Măng Hải Vân

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 2.398.900 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 1.300 CP
- Đại diện Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam sở hữu: 2.397.600 CP

Số cổ phần của người có liên quan: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.1.5 Ông Trịnh Tường – Thành viên HĐQTHọ và tên: **Trịnh Tường**

CMND số: 200154810 cấp ngày: 05/11/1996 nơi cấp: CA QNĐN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 06/3/1958

Nơi sinh: Duy Xuyên, Quảng Nam

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Duy An, Duy Xuyên, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: 62 Tổng Phước Phổ, TP. Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1978-1979	Nhân viên Phòng KCS -Nhà máy xi măng Thủy Tú
1979-1984	Trưởng ca sản xuất Phân xưởng -Nhà máy XM Đà Nẵng
1984-1990	Phó quản đốc phân xưởng xi măng - Nhà máy XM Đà Nẵng.
1990-1993	Phó phòng vật tư XN LD XM Hoàng Thạch
1993-1998	Phó quản đốc PX1 Công ty XM Hải Vân
1998-1999	Phó quản đốc PX2 Công ty XM Hải Vân
1999-2006	Trưởng phòng Kinh doanh Công ty XM Hải Vân
2007-3/2008	Trưởng phòng Kinh tế kế hoạch Công ty XM Hải Vân
4/2008-nay	Trưởng phòng Kế hoạch-Cung ứng Công ty CP XM Hải Vân

Chức vụ công tác hiện nay:

– Thành viên HĐQT, Trưởng phòng kế hoạch – cung ứng Công ty CP xi măng Hải Vân

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 12.900 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 12.900 CP
- Đại diện sở hữu: Không

Số cổ phần của người có liên quan: **10.000** cổ phần, chi tiết bảng dưới đây

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu nắm giữ
Vợ	Nguyễn Thị Thái	1959	Nội trợ	10.000
Tổng cộng				10.000

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.2. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
01	Ông Trịnh Ngọc Thắng	Trưởng Ban	1975	012514096
02	Ông Hoàng Xuân Thịnh	Thành viên	1972	201410620

13.2.1 Ông Trịnh Ngọc Thắng – Trưởng Ban kiểm soát

Họ và tên: **Trịnh Ngọc Thắng**

CMND số: 012514096 cấp ngày: 29/04/2002 nơi cấp: CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 04/07/1975

Nơi sinh: Bình Minh, Bình Giang, Hải Dương

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Bình Minh, Bình Giang, Hải Dương

Địa chỉ thường trú: Số 138, Ngõ 162 Khương Trung, Thanh Xuân, Hà Nội

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kế toán tài chính

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1999-2005	Chuyên viên kế toán Công ty xi măng Hoàng Thạch
2005-2006	Chuyên viên phòng kế toán Công ty VTKT xi măng
2007 - nay	Chuyên viên phòng kế toán Tổng công ty xi măng Việt Nam; Trưởng ban kiểm soát Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân

Chức vụ công tác hiện nay:

- Trưởng Ban kiểm soát CTCP Xi Măng Vicem Hải Vân

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác:

- Chuyên viên phòng kế toán Tổng Công ty Công nghiệp Xi măng Việt Nam

Số cổ phần nắm giữ: 2.402.600 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.000 CP
- Đại diện Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam sở hữu: 2.397.600 CP

Số cổ phần của người có liên quan:

Quan hệ	Tên	Địa chỉ	Số cổ phiếu nắm giữ
Công ty	Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Tp. Hà Nội	30.587.760
Tổng cộng			30.587.760

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.2.2 Ông Hoàng Xuân Thịnh – Thành viên Ban kiểm soát

Họ và tên: **Hoàng Xuân Thịnh**

CMND số: 201410620 cấp ngày: 25/08/2007 nơi cấp: CA TP.Đà Nẵng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 09/5/1972

Nơi sinh: Khuê Trung, Quận Cẩm Lệ, TP.Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Phong Điền, Thừa Thiên Huế

Địa chỉ thường trú: Số 73 Cách Mạng Tháng 8, Tp. Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Hóa Silicat

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
2000 - 2004	Kỹ sư Phòng KCS - Công ty XM Hải Vân
2004 - 2006	Phó quản đốc Phân xưởng 1 - Công ty XM Hải Vân
2006 – 1/2013	Quản đốc Phân xưởng 1 - Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân
1/2013 – 01/2014	Phó giám đốc Nhà máy xi măng Vạn ninh thuộc Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân
02/2014 - Nay	Phó phòng Kỹ thuật Công ty - Quản đốc Phân xưởng I Cty CP XM Vicem Hải Vân

Chức vụ công tác hiện nay:

- Thành viên Ban kiểm soát CTCP Xi Măng Hải Vân
- Quản đốc Phân xưởng I Cty CP XM Vicem Hải Vân

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 5.002 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.002 CP
- Đại diện sở hữu: Không

Số cổ phần của người có liên quan: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.3. Thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
1	Trần Văn Khôi	Tổng Giám đốc	1969	201006349
2	Lưu Văn Bồng	Phó Tổng Giám đốc	1964	200574250
3	Hồ Xuân Thu	Phò Tổng Giám đốc	1961	200057393
4	Đặng Ngọc Bảo	Phó Tổng Giám đốc	1970	201079836
5	Nguyễn Duy Diễm	Phó Tổng Giám đốc	1961	201338820
6	Đình Ngọc Châu	Kế toán trưởng	1968	201006660

13.1.1. Trần Văn Khôi - Tổng giám đốc (Vui lòng xem mục 13.1.2)

13.1.2. Lưu Văn Bồng - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **Lưu Văn Bồng**

CMND số: 200574250 ngày cấp: 07/01/2010 nơi cấp: TP. Đà Nẵng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/3/1964

Quốc tịch hiện nay: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: Tổ 39A Phường Hòa An - Quận Cẩm Lệ - TP.Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân Kinh tế - Quản trị kinh doanh

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
11/1981 - 01/1986	Công nhân SX xi măng – chức vụ Tổ trưởng SX-Bí thư chi đoàn Thanh Niên

02/1986 - 10/1987	Trưởng Ka sản xuất , nhà máy xi măng Đà Nẵng
11/1987 - 11/1990	Học tại trường Trung cấp kinh tế XD số 6 Tuy Hòa –Phú Yên
01/1991 - 10/1991	Trưởng Ka sản xuất Nhà máy xi măng Liên doanh Hoàng Thạch cơ sở II
11/1991 - 05/2000	Cán bộ tiêu thụ xi măng- LD Hoàng Thạch-Xi măng Hải Vân
06/2000 - 02/2001	Trưởng phòng Kinh tế- Nhà máy xi măng Hải Vân số 3
03/2001 - 08/2001	Phó phòng KD Nội địa –Công ty xi măng Hải Vân
09/2001 - 10/2002	Trưởng phòng KD XNTT xi măng Hải Vân
11/2002 - 2003	Cán bộ thu hồi công nợ Công ty xi măng Hải Vân
2004 - 06/2008	Chủ Tịch Công đoàn-Công ty CP xi măng Hải Vân (Chuyên trách)
07/2008 - 2010	Chủ Tịch Công đoàn-Kiểm Trưởng phòng Tiêu thụ, Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân
2010 - 08/2013	Trưởng Phòng Tiêu thụ -Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân
09/2013 - 08/2015	Giám đốc Xí nghiệp tiêu thụ - Chi nhánh Công ty CP xi măng Vicem Hải Vân
08/2015 đến nay	Phó tổng Giám đốc kiêm Giám đốc Xí nghiệp tiêu thụ

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải vân

Số cổ phần nắm giữ: 14.632 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 14.632 CP
- Đại diện sở hữu: Không

Số cổ phần của người có liên quan:

Quan hệ	Tên	Địa chỉ	Số cổ phiếu nắm giữ
Em ruột	Lưu Văn Chanh	Tổ 22, P.Hòa Hiệp Bắc, Q.Liên Chiểu, Đà Nẵng	1.600
Tổng cộng			1.600

Hành vi vi phạm pháp luật: Không
Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không
Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.3. Hồ Xuân Thu - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: Hồ Xuân Thu

CMND số: 200057393 ngày cấp: 21/12/1999 nơi cấp: TP. Đà Nẵng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 11/09/1961

Quốc tịch hiện nay: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 148 Lý Tự Trọng, P.Thuận Phước, Q.Hải Châu, – TP.Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư Cơ khí động lực

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
Từ 5/95 – 7/2007	Cán bộ kỹ thuật Ban Quản lý công trình Nhà máy II, rồi cán bộ Phòng Kỹ thuật Công ty (3/97). 5/98 về Phân xưởng II, Trưởng ca sản xuất , phó Phòng ĐKTT, Trưởng P. ĐKTT. 3/2006 : Phó Quản đốc PX. 7/2007 : Phó phòng kỹ thuật;
Từ 7/2007-3/2008	Quyền Trưởng phòng Kỹ thuật
Từ 01/03/2008-01/7/2011	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty
Từ 01/7/2011 -06/8/2012	Trưởng phòng Đầu tư và xây dựng cơ bản Công ty
Từ 07/8/2012– 5/11/2014	Trưởng phòng Tổ chức-Lao động Công ty
Từ 6/11/2014 – 5/2015	Trưởng phòng Kỹ thuật Công ty.

Tháng 5/2015 – 8/2015	Trợ lý Tổng Giám đốc công ty
Tháng 8/2015	Phó Tổng Giám đốc KT-SX công ty

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải vân

Số cổ phần nắm giữ: 17.710 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 17.710 CP
- Đại diện sở hữu: Không

Số cổ phần của người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.4. Đặng Ngọc Bảo - Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **Đặng Ngọc Bảo**

CMND số: 201079836 cấp ngày: 20/09/2001 nơi cấp: CA TP.Đà Nẵng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 15/02/1970

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hòa Tiến – Hòa Vang – Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: 148 – Nguyễn Văn Cừ, TP Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Trung cấp sửa chữa cơ khí

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
-----------	-----------

1990 - 1998	Công nhân cơ điện tại phân xưởng nghiền nhà máy xi măng Đà Nẵng (Nay là Công ty CPXM Vicem Hải Vân)
1998 - 2000	Đội phó đội sửa chữa Phân xưởng 2, Công ty xi măng Hải Vân
2000 - 2002	Trưởng phòng kỹ thuật - Kế hoạch sản xuất nhà máy 3 thuộc Công ty xi măng Hải Vân
2002 - 2004	Làm việc tại phân xưởng 2 Công ty xi măng Hải Vân
2004 - 2005	Làm việc tại phân xưởng cơ điện
2005 - 2010	Đội trưởng cơ điện
2010 - 2011	Phó Quản đốc Phân xưởng 1
2011 - 01/2013	Quản đốc Phân xưởng 2
01/2013 - 03/2013	Trợ lý Tổng giám đốc phụ trách khối kỹ thuật sản xuất.
03/2013 - 02/2014	Phó tổng giám đốc kỹ thuật sản xuất
03/2014 - nay	Phó tổng giám đốc – Giám đốc Nhà máy xi măng Vạn Ninh

Chức vụ công tác hiện nay:

- Phó Tổng Giám Đốc - Giám đốc Nhà máy xi măng Vạn Ninh

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 5.200 cổ phần, trong đó:

- Sở hữu cá nhân: 5.200 CP
- Đại diện sở hữu: Không

Số cổ phần của người có liên quan: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

Các lợi ích liên quan đối với Công ty: Không

13.1.5. Nguyễn Duy Diễn- Phó Tổng giám đốc

Họ và tên: **Nguyễn Duy Diễn**

CMND số: 201338820

ngày cấp: 04/10/2008

nơi cấp: TP. Đà Nẵng

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/01/1961

Quốc tịch hiện nay: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Địa chỉ thường trú: 54/4 Duy Tân, Quận Hải Châu, Tp. Đà Nẵng.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế công nghiệp

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
Từ 1983 - 1985:	Công tác tại Công ty cung ứng vật tư số 2
Từ 1985 - 1995:	Công tác tại phòng kế hoạch thị trường - Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
Từ 1995 - 1998:	Công tác tại Nhà máy gạch An Hoà thuộc Công ty xi măng VLXD xây lắp Đà Nẵng
Từ 1999 - đến 31/5/2015	Công tác tại phòng Kế hoạch thị trường, phó giám đốc, Giám đốc Công ty CP Vicem VLXD Đà Nẵng.
Từ 01/6/2015 - đến nay :	Phó Tổng Giám đốc Công ty CP Xi măng Vicem Hải Vân.

Chức vụ công tác hiện nay:

– Phó Tổng Giám đốc, Công ty Cổ phần xi măng Vicem Hải vân

Số cổ phần nắm giữ: Không

Số cổ phần của người có liên quan: Không

Hành vi vi phạm pháp luật: Không

Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty: Không

Các khoản nợ đối với Công ty: Không

13.1.6. Kế toán trưởng - Đinh Ngọc Châu (Vui lòng xem mục 13.1.3)**14. Tài sản**✓ **Danh mục nhà cửa, vật kiến trúc**

STT	Địa điểm	Diện tích (m ²)	Công trình trên đất	Hình thức sử dụng đất
1	Lô đất 65 Nguyễn Văn Cừ TP Đà Nẵng	26.644	Văn phòng trụ sở chính Công ty, phân xưởng 1	Đất thuê 39 năm theo hợp đồng số 05/2007/HĐ-TLĐ/SDN ngày 01/01/2007 với đơn vị cho thuê là Công ty Cổ phần Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng.
2	Lô đất phía đông trên đường Nguyễn Phước Chu	40.997,7	Phân xưởng 2 và đê kè chắn sóng	Trong đó 36.000 m ² thời hạn 50 năm tính từ thời điểm ngày 01/01/1996 theo QĐ 574/QĐ-TTg ngày 12/10/1994 của Thủ tướng chính phủ và QĐ1207/QĐ-UB ngày 12/8/1995 của UBND tỉnh QNĐN. Diện tích 4.997,7 m ² còn lại bao gồm 2.492,48 m ² đất công trình trên nền đất và 2.505,22 m ² đất công trình trên mặt biển được UBND Tp Đà Nẵng cho thuê theo QĐ 5093/QĐ-UBND ngày 7/7/2006 để công ty sử dụng làm đê kè chắn sóng cho công trình.
3	Lô đất tại đường số 4 – phía sau trụ sở chính Công ty	11.245	Kho chứa nguyên vật liệu	Đất thuê 38 năm theo hợp đồng số 03/2009 HĐ-TLĐ/SDN ngày 10/4/2009 với Công ty CP Đầu tư Sài Gòn – Đà Nẵng
4	Lô đất có nhà Trung tâm 2 .Khối 5, Phường An Xuân , Thành phố tam Kỳ (Quảng nam)	138,8	Nhà cấp 4	Theo quyết định 3730/QĐ-UB ngày 28/9/2001 của UBND tỉnh Quảng nam
5	Lô đất nhà ông Ry. Đường Nguyễn Phước Chu	200	Nhà cấp 4	Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số 897 ngày 08/10/1994 của UBND Phường Hòa Hiệp cấp.

15. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2016-2017

15.1. Kế hoạch doanh thu, lợi nhuận năm 2016-2017

Căn cứ theo mục tiêu và định hướng phát triển chiến lược của HVX đối với các ngành kinh doanh mũi nhọn, lợi thế cạnh tranh của Công ty và tiềm năng phát triển thị trường của các ngành mà Công ty hiện đang kinh doanh và đầu tư, kế hoạch sản lượng dự kiến giai đoạn 2015-2017 như sau:

<i>Đơn vị: tấn</i>	2016	2017
Sản lượng sản xuất		
Clinker	530,000	550,000
Xi măng Hải Vân	800,000	820,000
Đá	150,000	180,000
Sản lượng tiêu thụ		
Clinker	70,000	90,000
Xi măng Hải Vân	800,000	820,000
Đá	150,000	180,000

Nguồn: HVX

Kế hoạch doanh thu lợi nhuận, và cổ tức của Công ty các năm 2016-2017, cụ thể như sau:

Đơn vị: Triệu đồng

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	% tăng, giảm so với TH năm 2015	Giá trị	% tăng, giảm so với năm 2016
Vốn chủ sở hữu	445.000	6,68%	460.000	3,37%
Vốn điều lệ	415.252	3,92%	415.252	-
Doanh thu thuần	800.000	-3,77%	850.000	6,25%
Lợi nhuận sau thuế	20.000	594,44%	22.000	10%
LNST/Doanh thu thuần	2,50%	621,69%	2,58%	-
LNST/Vốn chủ sở hữu	4,49%	550,32%	4,78%	-
EPS (đồng/cổ phần)	481	568,06%	530	1,10

Chỉ tiêu	Năm 2016		Năm 2017	
	Giá trị	% tăng, giảm so với TH năm 2015	Giá trị	% tăng, giảm so với năm 2016
Tỷ lệ cổ tức (%)	2%	100,00%	2%	-

Nguồn: HVX

Trong giai đoạn đầu đưa nhà máy xi măng Vạn Ninh vào hoạt động, Công ty dự báo sẽ gặp một số khó khăn trong quá trình vận hành cũng như trả lãi vay. Vì vậy trong công ty vẫn dự phóng một khoản lỗ từ 2014 đến 2015. Tuy nhiên kế hoạch doanh thu của Công ty tăng ổn định nên khi qua thời kỳ khó khăn ban đầu thì kết quả kinh doanh của Công ty sẽ hiệu quả hơn từ năm 2016.

15.2. Cơ sở đạt được kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Trên cơ sở việc thực hiện các chỉ tiêu ngân sách năm 2015, kết hợp với việc đầu tư thêm về hệ thống quản lý. Công ty đã xây dựng xong các kế hoạch mục tiêu để thực hiện kế hoạch cho các năm. Để thực hiện các kế hoạch sản lượng, doanh thu và lợi nhuận nói trên, Công ty đề ra một số biện pháp cụ thể như sau:

Về thị trường

Trong thời gian tới Công ty đang tập trung thị trường xi măng rời, các trạm trộn bê tông, các công trình xây dựng cơ bản về hạ tầng giao thông nông thôn ở Tỉnh Quảng Nam và Quảng Ngãi nhằm tăng thị phần và nâng cao công suất của máy móc thiết bị.

Tăng cường phối hợp có hiệu quả với các Công ty thành viên trong Vicem về nguồn clinker, về giá cả xi măng trong từng khu vực, chia sẻ thông tin về thị trường, cách quảng bá thương hiệu. Hợp tác, liên kết, liên doanh với các đơn vị thiếu nguồn clinker để bán, gia công lượng clinker dôi dư.

Để đem lại hiệu quả cao hơn trong ngân sách được lập, Công ty xác định cần tập trung tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, phát huy tối đa lợi thế các kênh phân phối trước đây, đồng thời tìm kiếm và phát triển thêm các nhà phân phối mới có tiềm năng về kinh tế và muốn gắn bó lâu dài với Hải Vân.

Về chính sách khuyến mại phải đưa chính sách thưởng 6 tháng và 1 năm vào các điều kiện để ràng buộc nhằm tạo ra một sợi dây cột chặt cho việc thực hiện hợp đồng về sản lượng như đã ký kết. Coi trọng chính sách thưởng vào từng thời điểm, từng khu vực.

Hàng tháng tổ chức giao ban với các nhà sản xuất phân phối lớn trong khu vực (Hải Vân; Thạch Cao; VLXL-ĐN nếu được có thể thêm một vài đại gia về phân phối cho chủng loại xi măng khác) để thống nhất giá bán, chính sách thưởng, ... ít nhất 3 tháng Công ty phải tổ chức gặp mặt các nhà phân phối cho Hải Vân 1 lần.

Bồi dưỡng đào tạo đội ngũ thương vụ đáp ứng được nhu cầu của thị trường, phản ánh đúng, đủ thông tin thị trường để ban lãnh đạo đề ra quyết sách hợp lý cho từng thị trường, từng thời điểm.

Từng bước Công ty thực hiện chế độ khoán lương và chi phí thị trường cho cán bộ thương vụ nhằm gia tăng sản lượng tiêu thụ, tăng thị phần, thương hiệu ...

Về sản xuất:

Cương quyết chỉ đạo theo kế hoạch đã đặt ra về tiến độ sửa chữa lớn, sửa chữa thường xuyên. Đặc biệt chú trọng công tác an toàn về người và thiết bị. Tuyệt đối không để xảy ra tai nạn lao động trong sản xuất. Các quản đốc phân xưởng coi trọng việc chạy máy theo giờ thấp điểm, tính toán việc bảo trì, bảo dưỡng vào những giờ cao điểm nhằm đem lại hiệu quả tối đa.

Coi trọng việc phân tích nhanh nguồn Clinker, để có kết quả cường độ Clinker nền từ đó có đơn phối liệu tối ưu nhất trong việc pha phụ gia. Mức dư mác tối đa cho xi măng luôn ổn định ở mức 10%, phải xác định đây là nguồn hiệu quả trong biện pháp tiết kiệm giá thành mang về hiệu quả cao nhất.

Đảm bảo máy nghiền chạy liên tục nhằm hạ thấp tiêu hao điện năng cho những lần dừng máy nghiền khi khởi động lại.

Mở rộng cầu cảng đưa công suất cho tàu lên từ 7.000 tấn – 10.000 tấn và trang thiết bị bốc dỡ toàn bộ.

Về hoạt động kế toán, tài chính:

Kế toán: Các báo cáo hàng tháng phải tuân thủ các nội dung cụ thể trong Ngân sách ở từng Phòng Ban Phân xưởng để công tác đánh giá, so sánh các chỉ tiêu tài chính sát thực tế hơn. Tiến hành song song việc triển khai và ứng dụng các phần mềm **Oracle** cho công tác Kế toán và quản trị tài chính theo chủ trương của Tổng Công ty.

Tài chính: Trong năm 2013 Công ty đã ký hợp đồng mua lại nhà máy xi măng của Công ty Thắng Lợi bằng nguồn vốn tự có và vốn vay ngân hàng nên việc chi phí lãi vay từ năm 2013 đến 2014 khá lớn ảnh hưởng đến kết quả kinh doanh của Công ty. Tuy nhiên việc mua lại

nhà máy xi măng cũng mang lại lợi thế cho Công ty về việc chủ động nguồn nguyên liệu chủ yếu là clinker để ổn định sản xuất. Tiếp tục tăng cường công tác giám sát giá cả đầu vào để có giá thành thấp nhất đủ sức cạnh tranh và tạo ra giá trị gia tăng cao hơn các năm trước.

Quản trị vật tư, phụ tùng tồn kho:

Để hoạt động sản xuất diễn ra một cách bình thường các vật tư phụ tùng thay thế phải đảm bảo. Công ty cương quyết chuyển các mặt hàng thay thế bình thường như: Vòng bi, que hàn, dây cu-roa, bóng đèn, ... từ kho Công ty về kho các nhà cung ứng ở Đà Nẵng bằng các hợp đồng đã ký kết trên cơ sở các chi tiết các dự trù phụ tùng thay thế đã lập ở ngân sách từ các phân xưởng với thời gian cung ứng đến phân xưởng sản xuất của Công ty là nhanh nhất (không quá 02 giờ) từ khi có yêu cầu kể cả ngày nghỉ). Đây là yếu tố nhằm giảm thiểu lượng vốn lưu động cho quá trình SXKD.

Công tác đấu thầu mua sắm vật tư dịch vụ đầu vào cần phát huy hơn nữa, tìm kiếm thêm các nhà cung cấp để có thể chọn “hàng hoá” cần mua với số lượng lớn: có chất lượng tốt nhất và với giá cả cạnh tranh.

Quản trị công tác kế hoạch:

Ở mọi cấp lãnh đạo công tác ngân sách theo định hướng đã vạch ra, mức độ đạt được, được coi như thước đo năng lực của cán bộ đó từ dưới lên trên.

Công tác hoạch định SXKD phải luôn luôn tuân thủ theo các xu thế diễn biến từng ngày từng giờ về:

- Nhu cầu thị trường: Trong những năm tới tại Đà Nẵng và các tỉnh miền trung có nhiều công trình khởi công xây dựng, cũng như kỳ vọng thị trường bất động sản trong vùng ấm lên là cơ hội cho Công ty phát huy được lợi thế thương hiệu tại miền trung.
- Năng lực sản xuất của Công ty;
- Năng lực quản trị ;

Trên cơ sở đó vạch ra những định hướng đúng, chính xác và có tính khả thi cao. Trong quá trình thực hiện, luôn theo dõi kết quả thực hiện từng giai đoạn (quý, tháng). Theo dõi các diễn biến của thị trường để linh hoạt đưa ra quyết sách đáp ứng từng giai đoạn.

Nhanh chóng đưa công tác quản trị tin học vào hỗ trợ cho việc quản trị nhằm đưa ra phương án xử lý nhanh nhất chớp lấy cơ hội trong kinh doanh cũng như quản trị nguồn nhân lực và hàng hoá.

Tăng cường công tác giám sát thực hiện Ngân sách đã đề ra, nhắc việc các bộ phận trong Công ty để phấn đấu hoàn thành nhiệm vụ Ngân sách đã đề ra.

Phối kết hợp một cách nhuần nhuyễn các bộ phận trong toàn Công ty, nhằm tạo được sức mạnh tổng hợp trong điều hành, chỉ đạo thực hiện *Ngân sách* các năm một cách tối ưu nhất.

16. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Dưới góc độ của nhà tư vấn chuyên nghiệp, Công ty Cổ phần Chứng khoán Bản Việt đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích và đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Vận Xi măng Vicem Hải Vân.

Nếu không có những biến động bất thường ảnh hưởng tới hoạt động của doanh nghiệp thì kế hoạch mà Công ty đã đề ra là khả thi. Kế hoạch không chỉ cổ tức trong các năm tới của Công ty đề ra dựa trên kết quả hoạt động kinh doanh cũng như mục tiêu tái đầu tư phát triển của Công ty.

Chúng tôi xin lưu ý rằng, mọi ý kiến đánh giá trên đây được đưa ra dưới góc độ tư vấn, trên cơ sở nghiên cứu về chứng khoán và thị trường chứng khoán, triển vọng của nền kinh tế, của ngành và Công ty. Những đánh giá trên đây của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức của Công ty chỉ có ý nghĩa tham khảo cho các nhà đầu tư.

17. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có

18. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới Công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cổ phiếu chào bán

Không có

V. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC CÓ CỔ PHIẾU ĐƯỢC HOÁN ĐỔI**1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển**

- Tên Công ty: **CÔNG TY CỔ PHẦN ĐÁ XÂY DỰNG HOÀ PHÁT**
- Tên tiếng Anh: **Hoa Phat Construction Stone Joint stock Company**
- Mã chứng khoán: **HPS**
- Trụ sở:
 - + Địa chỉ cũ: Thôn Phước Lý, xã Hoà Phát, huyện Hoà Vang, TP.Đà Nẵng
 - + Địa chỉ mới: 185 Lê Trọng Tấn - TP.Đà Nẵng
- Điện thoại: (84-511) 683.309 Fax: (84-511) 683.647
- Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh: số 3203000006 do Sở Kế hoạch và Đầu tư thành phố Đà Nẵng cấp ngày 27/07/2000, thay đổi lần 1 ngày 19/06/2006.
- Lĩnh vực sản xuất kinh doanh: sản xuất, kinh doanh các loại đá xây dựng.
- Vốn điều lệ: 15.652.500.000 đồng

Lịch sử hình thành và những thành tựu đạt được

Công ty Cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát tiền thân là Xí nghiệp Đá xây dựng Hoà Phát, được thành lập theo Quyết định số 1181/QĐ-TTg ngày 20 tháng 12 năm 1999 của Thủ tướng Chính phủ về việc chuyển Xí nghiệp Đá xây dựng Hoà Phát trực thuộc Công ty Vật liệu Xây dựng xây lắp Đà Nẵng thành công ty cổ phần. Công ty có trụ sở tại 185 Lê Trọng Tấn - Tp.Đà Nẵng với ngành nghề kinh doanh chính là khai thác và chế biến đá granit phục vụ xây dựng cơ bản thành phố Đà Nẵng, khu vực Hội An và các khu chế xuất...

Vượt qua những khó khăn của thời kỳ bao cấp, Ban lãnh đạo và toàn thể cán bộ công nhân viên Công ty đã nỗ lực, đoàn kết xây dựng và phát triển hình ảnh, thương hiệu của mình trên thị trường vật liệu xây dựng các tỉnh miền trung.

Để đáp ứng nhu cầu sử dụng Đá xây dựng ngày càng cao theo sự tăng trưởng chung của khu vực, góp phần chủ động trong công tác khai thác đá nguyên liệu, HĐQT, Ban TGD công ty đã đầu tư mua sắm thiết bị công nghệ mới có công suất khai thác cao.

- Năm 2001 : Mua máy đào bánh xích CAT 325B của Nhật dung tích gàu 1,3 m³ giá trị 1,8 tỷ, đưa vào sử dụng tháng 06/2001.
- Năm 2002 : Mua máy đào bánh xích Solar 290 của Hàn Quốc dung tích gàu 1,27 giá trị 1,6 tỷ, đưa vào sử dụng tháng 10/2002.

- Năm 2004 : Đầu tư mua búa đá thủy lực
- Năm 2005 : Đầu tư mua 2 xe Kama, máy đào bánh xích KOBELCO 1,4 m³
- Năm 2007 : Chính thức niêm yết trên sàn giao dịch chứng khoán Hà Nội.

Những thành tích Công ty đã nhận được :

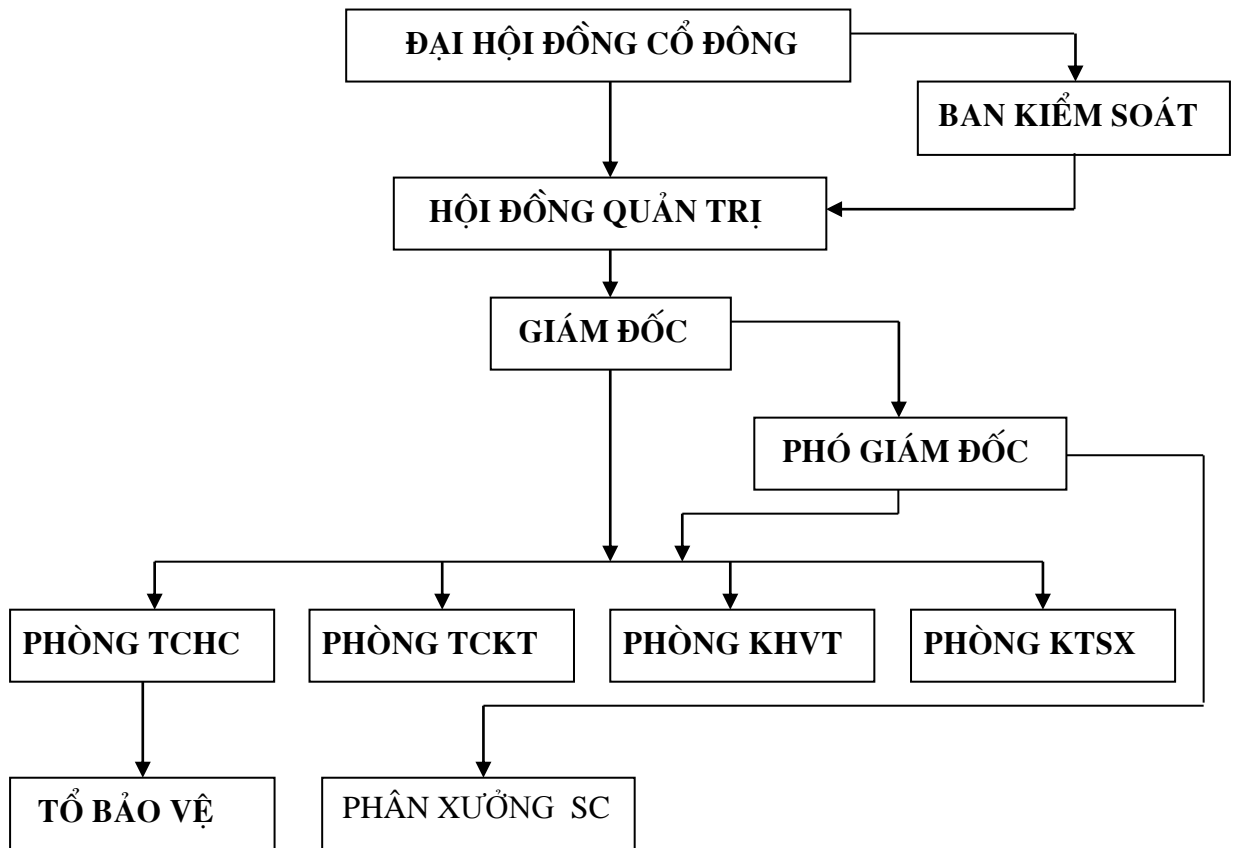
- Bằng khen về công tác ATVSLD-PCCN của Thành phố Đà Nẵng các năm 2001, 2002, 2004, 2005.
- Bằng khen về công tác ATVSLD-PCCN của Bộ Lao động năm 2002.
- Giấy Chứng nhận đơn vị tổ chức tốt điều kiện sống và làm việc năm 2001 của Công đoàn Bộ Xây dựng.
- Bằng khen công tác BHLĐ năm 2002 của Bộ Lao động
- Giấy khen chi bộ trong sạch tiêu biểu năm 2004 của Đảng bộ khối doanh nghiệp thành phố Đà Nẵng.
- Bằng khen về công tác bảo vệ chăm sóc sức khỏe người lao động 2001-2005 của Bộ Y tế.

Loại cổ đông	Số cổ phần năm giữ	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
Phần vốn nhà nước	866.000	8.660.000.000	55,53%
Nhà đầu tư nước ngoài	354.000	3.540.000.000	22,70%
Cổ đông ngoài Công ty	345.250	3.452.500.000	21,77%
Tổng cộng	1.565.250	15.652.500.000	100%

2. Cơ cấu tổ chức Công ty

Bộ máy quản lý của Công ty được xây dựng theo mô hình tập trung kết hợp phân cấp quản lý. Giám đốc chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về toàn bộ hoạt động kinh doanh của Công ty, trực tiếp điều hành hoạt động của bộ phận hành chính, kế toán và công tác kế hoạch hoạt động của Công ty và điều hành hoạt động sản xuất thông qua Phó Giám đốc sản xuất. Phó Giám đốc chịu trách nhiệm trước Giám đốc về việc điều hành hoạt động sản xuất của Công ty. Cơ cấu tổ chức Công ty cụ thể như sau:

Sơ đồ tổ chức bộ máy công ty



Phòng tổ chức hành chính

Chức năng: Thực hiện chức năng đề bạt, đào tạo, tuyển chọn, nâng lương, nâng bậc lao động, tiền lương thi đua khen thưởng, kỷ luật. Thực hiện các chế độ chính sách, an ninh trật tự, bảo vệ tự vệ, hành chính quản trị, y tế, văn thư lưu trữ.

Nhiệm vụ: Với chức năng quản lý nhân sự phòng có trách nhiệm cụ thể hoá nguồn nhân lực, tuyên truyền phổ biến, hướng dẫn thực hiện các quy định, nghị định chính phủ, pháp luật nhà nước, nội quy, quy định công ty. Cụ thể các tiêu chuẩn đào tạo, tuyển chọn, nâng bậc nâng lương, quản lý nguồn nhân lực, xây dựng kế hoạch tiền lương, định mức lao động, bồi dưỡng độc hại, BHXH, BHLĐ, BHYT, hưu trí, thôi việc, TNLĐ, BNN. Tổ chức củng cố lực lượng bảo vệ tự vệ, quản lý nhà đất, trang bị hành chính, chăm sóc sức khoẻ người lao động. Thường trực thi đua khen thưởng, kỷ luật, an toàn lao động, nhật xét thực hiện công việc người lao động.

Phòng tài chính kế toán

Chức năng: Phòng kế toán hành chính thực hiện quản lý tình hình tài chính công ty, quản lý vật tư, hàng hoá sản phẩm, quản lý tiền mặt tiền gửi, chứng từ sổ sách, hạch toán chi tiết,

tổng hợp phân tích lỗ lãi. Hàng tháng, quý, 6 tháng, năm báo cáo tình hình tài chính trước Hội đồng quản trị, Ban giám đốc.

Nhiệm vụ: Thực hiện đầy đủ các quy định pháp luật nhà nước và của Công ty về tài chính kế toán. Lập và thực hiện kế hoạch tài chính, đảm bảo khả năng thanh toán và hiệu quả tài chính của Công ty.

Phòng kế hoạch vật tư

Chức năng: Tham mưu cho giám đốc xây dựng các kế hoạch năm, quý, tháng. Công tác thống kê tổng hợp sản xuất, quản lý hợp đồng kinh tế, thanh quyết toán các hợp đồng kinh tế, công tác đấu thầu. Theo dõi tình hình thực hiện các kế hoạch. Thực hiện chức năng lập kế hoạch mua sắm vật tư, nhiên liệu, thiết bị, công cụ sản xuất.

Nhiệm vụ: Chủ trì lập kế hoạch SXKD của Công ty từng tháng, quý, năm và các kế hoạch khác theo yêu cầu của lãnh đạo Công ty. Thống kê, tổng hợp tình hình thực hiện các công việc SXKD của Công ty. Soạn thảo và quản lý các hợp đồng kinh tế, phối hợp với các phòng liên quan kiểm tra theo dõi việc thực hiện các hợp đồng. Cung ứng vật tư kịp thời, đúng đủ phục vụ sản xuất.

Phòng kỹ thuật sản xuất

Chức năng: Điều độ sản xuất hàng ngày tại mỏ đá và tại các công trình. Lập kế hoạch bảo dưỡng sửa chữa các loại máy móc thiết bị phục vụ cho sản xuất.

Nhiệm vụ: Kiểm tra thực hiện kế hoạch sản xuất, điều độ sản xuất, ký xác nhận điều độ, định mức tiêu hao vật tư nhiên liệu, công cụ sản xuất. Dự toán sửa chữa, hợp đồng sửa chữa đúng tiến độ, quản lý điện, hợp đồng sử dụng điện sản xuất. Quản lý hồ sơ, duy trì khám định kỳ máy móc thiết bị, phương tiện vận tải. Quản lý kỹ thuật an toàn khai thác, báo cáo sử dụng nhiên liệu ngày, tuần, tháng... đúng hạn định cho phép. Thanh toán, cấp phát vật tư nhiên liệu theo đúng quy định công ty.

3. Cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty

Hoạt động theo mô hình công ty cổ phần từ ngày 27/07/2000, cơ cấu bộ máy quản lý của Công ty gồm:

Đại hội đồng cổ đông:

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan quyết định cao nhất của công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần và trong thời hạn theo quy định của pháp luật. Đại hội đồng cổ đông quyết định các vấn đề sau:

- Quyết định sửa đổi, bổ sung Điều lệ công ty;

- Quyết định tổ chức lại và giải thể công ty;
- Quyết định loại cổ phần và tổng số cổ phần được quyền chào bán của từng loại;
- Quyết định mức cổ tức hàng năm của từng loại cổ phần;
- Bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát;
- Quyết định mức thù lao và các quyền lợi khác của thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát và Thư ký công ty;
- Thông qua báo cáo tài chính hàng năm của công ty; báo cáo của Ban kiểm soát;
- Quyết định phương hướng, nhiệm vụ, kế hoạch sản xuất, kinh doanh và đầu tư của năm tài chính mới.

Hội đồng quản trị:

Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý công ty gồm có năm (05) thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu hoặc miễn nhiệm. Hội đồng quản trị là cơ quan quản lý cao nhất của Công ty, quản trị Công ty giữa hai kỳ Đại hội đồng cổ đông. Hội đồng quản trị đại diện cho các cổ đông, có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty, trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của Đại hội đồng cổ đông.

Ban Kiểm soát:

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc Đại hội đồng cổ đông, do Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Ban kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong điều hành hoạt động kinh doanh, báo cáo tài chính của Công ty. Ban kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc.

Ban Giám đốc:

Ban Giám đốc Công ty gồm Giám đốc và 01 Phó Giám đốc. Giám đốc là người đại diện theo pháp luật của Công ty, điều hành mọi hoạt động hàng ngày của công ty và chịu trách nhiệm trước Hội đồng quản trị về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Giám đốc có chức năng xử lý những vấn đề thuộc thẩm quyền, giúp Giám đốc công ty điều hành tốt hơn hoạt động sản xuất kinh doanh.

4. Danh sách cổ đông

4.1 Danh sách cổ đông nắm giữ từ 5% trở lên vốn cổ phần của Công ty và những người có liên quan

STT	Tổ chức	Địa chỉ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)
1	Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, TP. Hà Nội	868.000	55,45%
Tổng cộng			868.000	55,45%

4.2 Cơ cấu cổ đông tại ngày 22/05/2015:

Cơ cấu cổ đông tại ngày chốt gần nhất trên mức vốn thực góp hiện tại: Theo danh sách tổng hợp người sở hữu chứng khoán do Trung tâm lưu ký chứng khoán Việt Nam lập ngày 22/05/2015 có cơ cấu như sau:

Cổ Đông	Số Lượng Cổ Phần	Giá Trị Sở Hữu (Triệu đồng)	Tỷ Lệ Sở Hữu (%)
Tổ chức	882.920	8.829.200.000	56,41%
Trong nước	868.120	8.681.200.000	55,46%
Ngoài nước	14.800	148.000.000	0,95%
Cá nhân	682.330	6.823.300.000	43,59
Trong nước	385.830	3.853.000.000	24,62%
Ngoài nước	296.500	2.965.000.000	18,94%
Tổng Cộng	1.565.250	15.652.500.000	100%

Nguồn: Danh sách cổ đông HPS tại ngày 22/05/2015 do VSD cung cấp

5. Danh sách Công ty mẹ và các Công ty con của tổ chức phát hành, những Công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những Công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

Danh sách các Công ty nắm giữ quyền kiểm soát và cổ phần chi phối HPS

STT	Tổ chức	Địa chỉ	Số lượng, tỷ lệ sở hữu	
			Số lượng	Tỷ lệ
01	Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam	228 Lê Duẩn, Tp. Hà Nội	868.000	55,45%

Danh sách các Công ty mà HPS đang nắm giữ quyền kiểm soát và chi phối.

Không có.

6. Quá trình tăng vốn của Công ty

Công ty không tăng vốn từ năm 2012 đến nay. Vốn điều lệ của công ty tại ngày 30/09/2014 là 15.652.500.000 đồng.

7. Hoạt động kinh doanh

Công ty cổ phần đá xây dựng Hoà Phát thuộc Tổng công ty xi măng Việt Nam đã có 30 năm hoạt động cung cấp các loại đá xây dựng được khách hàng tin nhiệm về chất lượng, sản phẩm đa dạng, phục vụ tận tình chu đáo.

Sản phẩm được chế biến từ đá Granit có độ cứng từ (1200-1400)kg/cm³. Với độ bền cỡ hạt cao được nghiền từ các máy nghiền hiện đại của Nga và Mỹ với công suất mỏ từ (150.000 đến 200.000) m³ đá/năm.

Sản phẩm của Công ty đã góp phần xây dựng nên những toà nhà cao tầng, những công trình thể kỷ đó là: Khách sạn Quốc tế Bắc Mỹ An, Lãnh sự quán Nga, Đài tưởng niệm trên đường 2/9 TP Đà Nẵng, đường Nguyễn Văn Linh và gần đây là cầu Sông Hàn, Cầu Cẩm Lệ...

Sản phẩm cung cấp của Công ty được chia thành hai nhóm đó là: đá nguyên liệu và đá dăm các loại.

Đá nguyên liệu: Ngay sau khi khai thác tại mỏ, một phần bán thành phẩm của Công ty được xuất bán dưới dạng đá nguyên liệu cho các cơ sở sản xuất đá xây dựng trên địa bàn. Hiện nay, do năng lực sản xuất còn hạn chế, do nguồn nguyên liệu khai thác được là khá lớn nên sản lượng tiêu thụ đá nguyên liệu thường chiếm khoảng trên 50% sản lượng đá khai thác của công ty.

Đá dăm các loại: Đá nguyên liệu qua công đoạn nghiền sàng để sản xuất sản phẩm đá dăm các loại. Các sản phẩm đá dăm của Công ty bao gồm: đá 1x2, đá 2x4, đá 4x6, đá cấp phối và sản phẩm bột đá, các sản phẩm đá dăm của Công ty được cung cấp trực tiếp đến phần lớn các công trình xây dựng tại thành phố Đà Nẵng và một phần các công trình tại các tỉnh từ Thừa Thiên Huế đến Quảng Nam.

7.1. Sản lượng sản phẩm tiêu thụ qua các năm:

Với 30 năm kinh nghiệm trong hoạt động khai thác và cung cấp đá xây dựng các loại, các sản phẩm đá xây dựng của Công ty được đánh giá cao về chất lượng sản phẩm và tinh thần phục vụ tận tình chu đáo.

Sản phẩm của Công ty được chế biến từ đá Granit có độ cứng từ 1.200-1.400 kg/cm³ với độ đồng đều cỡ hạt cao được nghiền từ các máy nghiền hiện đại của Nga và Mỹ với công suất mỏ từ 150.000-200.000 m³ đá/ năm, cho đến nay sản phẩm của Công ty đã được sử dụng trong các công trình nhà cao tầng và các công trình lớn của thành phố Đà Nẵng như Khách sạn Quốc tế Bắc Mỹ An, Lãnh sự quán Nga, Đài tưởng niệm trên đường 2/9, đường Nguyễn Văn Linh và gần đây là cầu sông Hàn, cầu Cẩm Lệ, Bể tắm... Cụ thể sản lượng đá qua các năm của Công ty như sau:

Chỉ tiêu	ĐVT	2012	2013	2014	2015
Sản lượng khai thác	m ³	95.810	47.440	160.763	183.909

Nguồn: HPS

Nguyên vật liệu

a. Nguồn nguyên vật liệu:

Thế mạnh nổi bật của Công ty là có nguồn nguyên liệu dồi dào, có trữ lượng lớn với chất lượng tốt và ổn định. Hiện nay các mỏ đá Công ty được phép khai thác là các mỏ đá tại xã Hoà Phát, huyện Hoà Vang, Đà Nẵng các mỏ đá ở đây nổi tiếng với về chất lượng.

Ngoài nguyên liệu chính được Công ty trực tiếp khai thác thì các nguyên liệu đầu vào khác để sản xuất bao gồm vật liệu tiêu hao, xăng dầu, chất đốt và chất nổ phục vụ cho quá trình khai thác và sản xuất của Công ty. Đối với các nguyên liệu đầu vào như xăng dầu, chất đốt, chất nổ.... được cung cấp rất đa dạng bởi các tổ chức, cá nhân trên địa bàn thành phố. Đối với các vật liệu tiêu hao là phụ tùng thay thế trong quá trình sản xuất đá thành phẩm mặc dù đã được sản xuất trong nước nhưng do chất lượng không ổn định nên hiện nay đối với các phụ tùng thay thế này Công ty vẫn sử dụng các sản phẩm được nhập khẩu. Danh sách một số các nhà cung cấp nguyên vật liệu chính cho Công ty như sau:

STT	Tên nhà cung cấp	Mặt hàng cung cấp
1	Công ty CP Thương mại và Vật tư Petrolimex	Dầu DIESEL
2	Công ty Vật tư Công nghiệp Quốc Phòng	Thuốc nổ các loại

b. Sự ổn định của các nguồn cung ứng nguyên vật liệu:

Như đã đề cập ở trên, nguồn nguyên liệu chính của Công ty có trữ lượng lớn, chất lượng cao, đảm bảo nhu cầu sản xuất ổn định và chiến lược phát triển lâu dài của Công ty.

Các nguyên liệu đầu vào còn lại nhìn chung khả năng cung cấp trên thị trường là rất tốt, Công ty hoàn toàn có thể chủ động cho quá trình sản xuất của mình.

c. Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu đến doanh thu và lợi nhuận:

Trong cơ cấu giá thành sản phẩm, chi phí nguyên vật liệu chiếm tỷ trọng chủ yếu và là nhân tố quyết định tới doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Những biến động về giá nguyên vật liệu sẽ có ảnh hưởng nhất định tới giá thành sản phẩm cũng như kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Như đã đề cập ở trên, nguyên liệu đầu vào chủ yếu của Công ty là tự khai thác. Ngoài ra các nguyên liệu khác bao gồm dầu DIESEL và chất nổ phục vụ cho quá trình khai thác và sản xuất. Những biến động của giá cả các nguyên liệu đầu vào là có ảnh hưởng đến kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty.

d. Chi phí sản xuất

Công ty thực hiện kiểm soát các chi phí bằng việc xây dựng hệ thống định mức sản xuất sản phẩm cho toàn Công ty như: quy định về tiêu hao nguyên vật liệu, quy định về sử dụng và trang bị phương tiện phòng hộ .v.v... Công ty cũng liên tục thực hiện các biện pháp cải tiến trong quản lý và sử dụng vật tư, vật liệu hợp lý để giảm chi phí và tăng hiệu quả trong kinh doanh.

7.2. Tình hình đầu tư:

Năm 2014, Công ty đầu tư máy khoan PMK5, giá trị 136.336.498 đồng.
 Trong năm 2015, Công ty có không có hoạt động đầu tư nào đáng kể.

7.3 Hoạt động Marketing:

Do công ty hoạt động trong ngành nghề đặc thù, toàn bộ sản lượng khai thác được bán cho một khách hàng là Công ty cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân, nên công ty không có các hoạt động marketing.

7.4 Nhân hiệu thương mại, đăng ký phát minh sáng chế và bản quyền: Không có

7.5 Các hợp đồng đang thực hiện hoặc đã được ký kết

Từ năm 2013 đến nay, Công ty chỉ có một hợp đồng bán đá cho CTCP Xi măng vicem Hải Vân HVX: số HĐ: 1647/HV-HP 26112013, với các thông tin chủ yếu như sau:

- Giá trị hợp đồng: theo thực tế sản lượng tiêu thụ;
- Đơn giá trung bình: 122.241 đồng/m³;
- Sản lượng hợp đồng: theo thực tế tiêu thụ hàng tháng;
- Thời hạn: đến khi hoàn tất việc sáp nhập hai doanh nghiệp.

8. Báo cáo kết quả hoạt động SXKD trong 3 năm gần nhất :

8.1 Tóm tắt một số chỉ tiêu về hoạt động SXKD trong 3 năm gần nhất

ĐVT: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
Tổng giá trị tài sản	11.665.522.677	11.819.417.231	10.006.813.845
Doanh thu thuần	6.129.161.740	20.243.150.276	22.519.730.604
Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	-7.391.360.063	130.778.596	43.234.591
Lợi nhuận khác	-273.999.027	-76.828.811	45.381.943
Lợi nhuận trước thuế	-7.665.359.090	53.949.785	88.616.534
Lợi nhuận sau thuế	-7.665.359.090	53.949.785	88.616.534
Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức	0	0	0
Lãi cơ bản trên cổ phiếu	-4.897	34	57

Nguồn: BCTC đã kiểm toán năm 2014 và 2015 của HPS

8.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động SXKD của Công ty trong năm báo cáo:

Nền kinh tế thế giới mặc dù có dấu hiệu phục hồi nhưng vẫn còn ảnh hưởng của khủng hoảng, ngành xây dựng và BĐS vẫn còn nhiều khó khăn điều đó có tác động không nhỏ đến kinh tế Việt Nam nói chung cũng như đến hoạt động kinh doanh của HPS nói riêng.

Giá nguyên, nhiên, vật liệu, phụ tùng, điện, vận chuyển ... thường xuyên biến động theo chiều hướng tăng lên, nên đã ảnh hưởng đến hiệu quả sản xuất - kinh doanh.

9. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác

9.1 Vị thế trong ngành

Xét về mặt công nghệ và chất lượng sản phẩm, thương hiệu, HPS đang giữ vị thế đầu ngành. Các công trình trọng điểm của thành phố và khu vực được sử dụng sản phẩm đá HP bao gồm: Cầu sông Hàn, Cầu Tiên Sơn, Cầu rồng, LSQ Nga tại Đà Nẵng, Trung tâm hành chính Đà Nẵng, sân bay Đà Nẵng...

Tại Khu vực Đà Nẵng, có khoảng 40 nhà mỏ đá với công suất giao động từ 100.000 đến 150.000 m³/năm so với công suất của HPS là 180.000 m³/năm.

Các mỏ đá lớn khu vực Đà Nẵng bao gồm:

- Mỏ đá XNVL Giao thông: 100.000 m³
- Mỏ đá Vạn Tường: 150.000 m³
- Mỏ đá Nho Chiên: 100.000-120.000m³

9.2 Triển vọng phát triển ngành

Theo đánh giá của BGD Công ty, thị trường bất động sản đang trong quá trình hồi phục tốt, tạo tiền đề tăng trưởng doanh thu cho công ty.

Giá dầu thế giới đang giảm mạnh, góp phần giảm chi phí vận chuyển và các chi phí nhiên liệu liên quan, là cơ sở ban đầu để công ty có mức tăng trưởng lợi nhuận trong thời gian tới.

9.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước

Nhận thấy được triển vọng phát triển của ngành, Công ty đã ra sức phát huy vị thế của mình để giành một thị phần không nhỏ so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành. Ngoài ra, kể từ năm 2014, Công ty bắt đầu, sau nhiều năm, đầu tư mua sắm máy móc thiết bị phục vụ sản xuất kinh doanh. Cùng với đó là việc đào tạo công nhân thành thạo để đáp ứng được nhu cầu sản xuất kinh doanh của Công ty. Có thể thấy rằng việc đầu tư nâng cao năng lực sản xuất và chăm lo chuyên môn cũng như đời sống của cán bộ công nhân viên là phù hợp với định hướng về sự phát triển của Công ty và trong toàn ngành.

10. Chính sách đối với người lao động:

Số lượng và cơ cấu (theo trình độ) người lao động trong Công ty: 58 người

- + Ban giám đốc: 02 người (01 Giám đốc, 01 Phó Giám đốc)
- + Phòng Kế toán: 03 người
- + Phòng KHVT: 03 người
- + Phòng KTSX: 02 người

+ Phân xưởng SX: 48 người

Phân theo trình độ:

+ Đại học trở lên: 10 người

+ Cao đẳng, trung cấp: 08 người

+ Công nhân kỹ thuật: 37 người

+ Lao động khác: 03 người

Chế độ làm việc

Người lao động làm việc trong Công ty đều được Công ty ký kết hợp đồng lao động và được tham gia đầy đủ các chế độ bảo hiểm xã hội và bảo hiểm y tế, bảo hiểm thất nghiệp. Công ty thực hiện chế độ làm việc, chế độ nghỉ ngơi đối với người lao động như chế độ làm thêm giờ chế độ nghỉ Lễ, Tết, phép, chế độ thai sản, chăm sóc con nhỏ... theo đúng quy định của pháp luật lao động.

Điều kiện làm việc

Đối với lao động gián tiếp, công ty cải tạo trụ sở, các phòng làm việc một cách khoa học, khang trang, rộng rãi, thoáng mát tạo cảnh quan môi trường sạch đẹp; đối với lao động trực tiếp, Công ty trang bị đầy đủ dụng cụ và phương tiện bảo hộ cá nhân cho người lao động, không ngừng cải thiện điều kiện lao động, luôn tuân thủ các qui chuẩn, yêu cầu an toàn trong quá trình lao động sản xuất.

Chính sách tuyển dụng, đào tạo

Trong quá trình phát triển, Công ty luôn coi trọng việc quản lý và sử dụng nguồn nhân lực. Trong đó con người là nhân tố quan trọng quyết định đến hiệu quả SX-KD và sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy chiến lược phát triển nguồn nhân lực của Công ty là chăm lo đào tạo phát triển con người về mọi mặt, luôn quan tâm đến chính sách đãi ngộ và đào tạo phù hợp, khuyến khích sự phấn đấu, đóng góp của CBCNV vào sự phát triển chung của Công ty. Trong những năm qua chất lượng đội ngũ CBCNV Công ty ngày được nâng cao thông qua việc tuyển dụng lao động mới có kiến thức, năng lực, kinh nghiệm và thông qua đào tạo bồi dưỡng CBCNV hàng năm.

Căn cứ nhu cầu công việc, kế hoạch lao động (định biên lao động) được Hội đồng quản trị Công ty phê duyệt, Giám đốc Công ty tiến hành triển khai tuyển dụng lao động trong phạm vi lao động định biên được duyệt. Sau khi hoàn tất quá trình tuyển dụng và ký hợp đồng lao động, Công ty sẽ áp dụng quy trình đào tạo để đào tạo để áp dụng cho đối tượng là cán bộ công nhân viên. Cụ thể

Chính sách lương, thưởng, phúc lợi

Công ty coi chính sách lương là một động lực đối với người lao động. Thu nhập của người lao động trong Công ty gồm tiền lương và các khoản có tính chất lương, tiền thưởng, ăn ca, độc hại. Mức lương bình quân hàng tháng của người lao động trong công ty năm 2015 là: **4.500.000 đồng/người/tháng**. Đây là mức thu nhập trung bình so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Chế độ tiền lương: Thực hiện cơ chế tiền lương theo chức danh công việc gắn với năng suất lao động và hiệu quả công việc được giao. Ngoài ra Công ty có chính sách khen thưởng xứng đáng với các cá nhân, tập thể có thành tích xuất sắc, sáng kiến cải tiến kỹ thuật trong sản xuất mang lại hiệu quả kinh doanh cho Công ty.

Hầu hết CBCNV hiện nay đều có sở hữu cổ phần của Công ty, cho nên việc sản xuất kinh doanh có hiệu quả, tăng lợi nhuận và cổ tức chính là động cơ thúc đẩy CBCNV làm việc với hiệu quả cao hơn.

Các đoàn thể trong Công ty được tạo điều kiện hoạt động, vì thế người lao động cũng có thêm điểm tựa để gắn bó hết mình với Công ty.

11. Chính sách cổ tức

Trong các năm vừa qua, công ty không có lợi nhuận nên không chia cổ tức.

Tuy nhiên, căn cứ vào quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi Công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo Quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh qua các năm.

Như vậy, Công ty tiến hành trả cổ tức cho cổ đông khi kinh doanh có lãi, đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật. Ngay cả khi trả hết số cổ tức đã quy định, Công ty vẫn đảm bảo thanh toán đầy đủ các khoản Nợ và các nghĩa vụ tài sản khác đến hạn phải trả. Đại hội đồng cổ đông thường niên sẽ quyết định tỷ lệ

cổ tức trả cho Cổ đông dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, kết quả kinh doanh của năm hoạt động và phương hướng hoạt động kinh doanh của từng năm.

12. Tình hình tài chính

12.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Báo cáo vốn điều lệ:

Nguồn vốn của Công ty tại thời điểm cuối năm giai đoạn 2013-2015 như sau:

ĐVT: đồng

Nguồn vốn	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Vốn điều lệ	15.652.500.000	15.652.500.000	15.652.500.000
Vốn chủ sở hữu	7.068.219.716	7.122.169.501	7.210.786.035
Tổng nguồn vốn kinh doanh	11.665.522.677	11.819.417.231	10.006.813.845

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014-2015 của HPS

Vốn điều lệ và vốn kinh doanh đã được Công ty triệt để sử dụng một cách hợp lý cho các hoạt động kinh doanh và hoạt động đầu tư mới các dự án.

Trích khấu hao TSCĐ

TSCĐ hữu hình được trình bày theo nguyên giá trừ giá trị hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí khác liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính, cụ thể như sau:

Nhóm tài sản	Thời gian khấu hao (năm)
Nhà cửa và vật kiến trúc	25
Máy móc thiết bị	15
Phương tiện vận tải	5-10
Thiết bị văn phòng	3-7

Mức thu nhập bình quân

Mức thu nhập bình quân hiện tại đối với cán bộ nhân viên của Công ty như sau:

Chỉ tiêu thu nhập	Năm 2012	Năm 2013	Năm 2014
Mức thu nhập bình quân (đồng/người/tháng)	3.900.000	2.100.000	4.500.000

So với các đơn vị cùng ngành, mức thu nhập của cán bộ công nhân viên của Công ty là hợp lý.

Thanh toán các khoản nợ đến hạn:

Công ty không có nợ vay.

Các khoản nộp theo luật định:

Công ty Thực hiện đầy đủ các nghĩa vụ phải nộp trong năm 2014.

Trích lập các quỹ theo luật định:

Không có trích lập.

Tổng dư nợ vay:

Công ty không có nợ vay.

Tình hình công nợ:

Khoản mục	31/12/2013	31/12/2014	31/12/2015
Nợ tiền thuê đất	640.999.719	-	-
Nợ tiền thuế tài nguyên	235.893.136	128.476.580	158.590.077
Nợ phí môi trường	154.659.900	409.556.850	89.475.064

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014-2015 của HPS

12.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu:

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
I. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán Nợ ngắn hạn				
Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn	Lần	3,8	1,5	2,68
+ Hệ số thanh toán nhanh				
(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn	Lần	1,4	1,3	1,81
II. Chỉ tiêu về Cơ cấu Vốn				
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản	%	15%	43%	27,9%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	%	17%	75%	38,8%
III. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho				
Giá vốn hàng bán/Hàng tồn kho bình quân	Vòng	1,43	15,6	13,44
+ Doanh thu thuần/Tổng tài sản	vòng	0,39	1,35	2,25
IV. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	-	-	0,4%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu	%	-	-	1,2%

Chỉ tiêu	ĐVT	Năm 2013	Năm 2014	Năm 2015
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản	%	-	-	0,9%
+ Hệ số Lợi nhuận từ HĐKD/Doanh thu thuần	%	-	-	0,2%
+ Thu nhập mỗi cổ phần (EPS)	đồng/cp	-	-	57

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2014-2015 của HPS

13. Hội đồng quản trị, Ban giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

13.1 Hội đồng quản trị

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
01	Bà Trần Thị Minh Anh	Chủ tịch	1962	011699960
02	Ông Trần Văn Khôi	Thành viên	1969	201006349
03	Ông Trương Văn Tuấn	Thành viên	1972	201273871
04	Ông Liu Chien Lin	Thành viên	1974	12103421

Bà Trần Thị Minh Anh - Chủ tịch HĐQT

Họ và tên: **Trần Thị Minh Anh**

CMND số: 116999960 cấp ngày: 22/4/2007 nơi cấp: CA Hà Nội

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 26/10/1962

Nơi sinh: Hà Nội

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Quảng Ngãi.

Địa chỉ thường trú: Số 12 ngõ 34 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội.

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kinh tế ngoại thương

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1985 - 1990	Làm việc tại Tổng cục Địa chất, Tổng cục Dầu khí
1990 - 1998	Chuyên viên phòng XNK – Công ty XNK Xi măng
1998 - 2001	Phó phòng XNK – Công ty XNK Xi măng

2001 – 02/2010	Phó giám đốc Công ty XNK Xi măng
02/2010 -nay	Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công nghiệp xi măng Việt Nam

Chức vụ công tác hiện nay: Chủ tịch HĐQT Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát.

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Phó Tổng giám đốc Tổng Công ty Công Nghiệp Xi Măng Việt Nam

Số cổ phần được ủy quyền đại diện: 313.000 cổ phần

Trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 0 Cổ phần
- + Đại diện sở hữu: 313.000 Cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan: Không

Ông Trần Văn Khôi – thành viên HĐQT

Họ và tên: Trần Văn Khôi

CMND: 201006349 cấp ngày: 28/9/1995 nơi cấp: CA QNĐN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/12/1969

Nơi sinh: P.Hòa Khánh Bắc, Q.Liên Chiểu, TP Đà Nẵng

Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Đại Đồng, Đại Lộc, Quảng Nam

Địa chỉ thường trú: P.Hòa Khê, Q.Thanh Khê, TP Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí chế tạo máy

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
10/1995-10/1998	CB kỹ thuật Ban quản lý công trình Nhà máy XM Hải Vân
11/1998-12/2000	Trưởng Phòng ĐKTT Phân xưởng 2 -Công ty XM Hải Vân
01/2001-4/2002	Trưởng Phòng ĐKTT Nhà máy 2 -Công ty XM Hải Vân
4/2002-8/2002	Phó giám đốc Nhà máy 2 -Công ty XM Hải Vân
9/2002-11/2002	Phó quản đốc PX2 -Công ty XM Hải Vân
11/2002-6/2005	Quản đốc PX2 -Công ty XM Hải Vân

6/2005-8/2005	Bí thư chi bộ, QĐ PX2 -Công ty XM Hải Vân
8/2005-3/2006	Đảng ủy viên, Bí thư chi bộ, QĐ PX2 -Công ty XM Hải Vân
4/2006-3/2008	Phó giám đốc Công ty XM Hải Vân
4/2008- 2014:	Phó giám đốc Công ty CP XM Hải Vân
2015-nay	Giám đốc Công ty CP XM Hải Vân

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên Hội đồng quản trị, Giám đốc Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát.

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Giám đốc Công ty CP XM Hải Vân

Số cổ phần nắm giữ: 224.000 cổ phần, trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: Không
- + Đại diện sở hữu: 224.000 Cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan: không

Ông Trương Văn Tuấn – thành viên HĐQT

Họ và tên: Trương Văn Tuấn

CMND số: 201273871 cấp ngày: 10/01/2008 nơi cấp: CA QNĐN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 02/01/1972

Nơi sinh: Thạch Thanh, Hải Châu, TP Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: 09 Lê Độ, TP Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1998 - 2013	Công tác tại Công ty cổ phần xi măng Vicem Hải Vân
2014 đến nay	Công tác tại Công ty cổ phần đá xây dựng Hoà Phát

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng phòng tài chính kế toán Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát.

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần được ủy quyền đại diện: 78.500 cổ phần, trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: Không
- + Đại diện sở hữu: 78.500 Cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu nắm giữ
Vợ	Phan Ngọc Thuỳ Linh	1979	Nội trợ	

Ông Liu Chien Lin – Thành viên HĐQT

Họ và tên: **Liu Chien Lin**

CMND/Hộ chiếu số: 12103421 cấp ngày 21/8/2002 : nơi cấp CA Hà Nội

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 1974

Nơi sinh: Đà Loan

Quốc tịch : Đà Loan

Dân tộc:

Nguyên quán:

Địa chỉ thường trú: Công ty cổ phần chi nhánh Tung kuang Hải Dương

Trình độ văn hoá:

Trình độ chuyên môn:

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1998 đến nay	Công ty CP công nghiệp Tung Kuang

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên HĐQT Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát.

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 3.600 cổ phần, trong đó:

- + Sở hữu cá nhân: 3.600 cổ phần
- + Đại diện sở hữu: Không

Số cổ phần của người có liên quan:

Quan hệ	Họ và tên	Năm sinh	Nơi công tác	Số cổ phiếu nắm giữ
Vợ	Ngô Thị Ngọc Quyên	1972	Công ty cổ phần chi nhánh Trung Kuang	111.000
Anh	Liu Chien Hung	1973	Công ty cổ phần chi nhánh Tung kuang	126.400

13.2. Ban giám đốc

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
01	Ông Trần Văn Khôi	Giám đốc	1969	201006349
02	Ông Ngô Văn Phong	Phó giám đốc	1958	201006349
03	Ông Trương Văn Tuấn	Thành viên	1972	201273871

Ông Trần Văn Khôi – Giám đốc (Vui lòng xem 14.1)

Ngô Văn Phong – Phó giám đốc Công ty

Họ và tên: **Ngô Văn Phong**

CMND/Hộ chiếu số: 201006349 cấp ngày 28/9/1995: nơi cấp CA QNĐN

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 10/10/1958

Nơi sinh: Đà Nẵng

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Đà Nẵng

Địa chỉ thường trú: Tổ 29 phường Hoà Phát, TP Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí động lực

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1997 đến nay	Công tác tại Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát

Chức vụ công tác hiện nay: Phó giám đốc Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát.

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: 79.000 cổ phần, trong đó:

+ Sở hữu cá nhân: 500 cổ phần

+ Đại diện sở hữu: 78.500 cổ phần

Số cổ phần của người có liên quan: không có

Ông Trương Văn Tuấn – Trưởng phòng tài chính kế toán (Vui lòng xem 14.1)

13.3. Ban kiểm soát

STT	Họ và tên	Chức vụ	Năm sinh	CMND
01	Nguyễn Thị Thanh Thủy	Trưởng ban	1961	201338817
02	Phạm Phúc Dự	Thành viên	1972	141488262

Bà Nguyễn Thị Thanh Thủy - Trưởng ban kiểm soát

Họ và tên: Nguyễn Thị Thanh Thủy

CMND/Hộ chiếu số: 201338817 cấp ngày 11/05/2010 : nơi cấp CA Đà Nẵng

Giới tính: Nữ

Ngày tháng năm sinh: 15/07/1961

Nơi sinh: Hà Tĩnh

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hà Tĩnh

Địa chỉ thường trú: 12 Châu Thượng Văn , Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Cử Nhân kinh tế

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1984 đến nay	Công tác tại Công ty cổ phần xi măng VLXD Đà Nẵng

Chức vụ công tác hiện nay: Trưởng ban kiểm soát Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát.

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

Phạm Phúc Dự - Thành viên ban kiểm soát

Họ và tên: Phạm Phúc Dự

CMND/Hộ chiếu số: 141488262 cấp ngày 13/5/1987 : nơi cấp CA Hưng Yên

Giới tính: Nam

Ngày tháng năm sinh: 05/01/1972

Nơi sinh: Hưng Yên

Quốc tịch : Việt Nam

Dân tộc: Kinh

Nguyên quán: Hưng Yên

Địa chỉ thường trú: 12 Châu Thượng Văn , Đà Nẵng

Trình độ văn hoá: 12/12

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện mỏ

Quá trình công tác

Thời gian	Công việc
1995 đến nay	Công tác tại Công ty cổ phần đá xây dựng Hoà Phát

Chức vụ công tác hiện nay: Thành viên ban kiểm soát Công ty cổ phần Đá xây dựng Hoà Phát.

Chức vụ hiện tại nắm giữ tại tổ chức khác: Không

Số cổ phần nắm giữ: Không

13.4. Kế toán trưởng

Ông Trương Văn Tuấn – Trưởng phòng tài chính kế toán (Vui lòng xem 14.1)

14. Tài sản

Tài sản của Công ty theo Báo cáo tài chính tại thời điểm 31/12/2015:

ĐVT: Triệu đồng

STT	Khoản mục	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại	Tỷ lệ giá trị còn lại
1	Nhà cửa, vật kiến trúc	4.472	4.299	173	4%
2	Máy móc và thiết bị	30.919	28.585	2.334	8%
3	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	2.561	2.561	-	0%
4	Thiết bị, dụng cụ quản lý	-	-	-	
5	Tài sản cố định vô hình	-	-	-	
6	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	-	-	-	

Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2015 của HPS

15. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành.

Không có

16. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phiếu chào bán.

Không có

VI. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN

1. Loại cổ phiếu

Cổ phiếu phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phiếu dự kiến chào bán

Tổng số cổ phiếu phát hành là 1.565.250 cổ phiếu

4. Tỷ lệ chuyển đổi

- HVX sẽ phát hành thêm một lượng cổ phiếu để đổi lấy 100% số lượng cổ phiếu đang lưu hành của HPS theo tỷ lệ chuyển đổi được tính toán dựa trên giá trị của 02 công ty.
- Tỷ lệ chuyển đổi được xác định như sau:

$$\text{Tỷ lệ chuyển đổi} = \frac{\text{Giá cổ phiếu HPS} \times (1 + \text{Thặng dư})}{\text{Giá cổ phiếu HVX}}$$

- Thặng dư được xác định căn cứ theo các thương vụ M&A và chào mua công khai gần đây ở Việt Nam trong khoảng từ 5% đến 25%, tuy nhiên căn cứ theo kết quả định giá định hướng trong những năm tới thì HVX có nhiều lợi thế phát triển và mang lại lợi nhuận cho Công ty.
- Vì vậy phần thặng dư để xác định tỷ lệ chuyển đổi được đề nghị là 25%.

Phương pháp	HVX	HPS	Premium	Tỷ lệ
Giá trị cổ phần	6.549	4.540	25%	0,87
Lịch sử giao dịch	4.600	3.800	25%	1,03
Trung bình				0,95

- Từ số liệu tính toán trên, tỷ lệ chuyển đổi được đề nghị là 1:1 (1 cổ phiếu HPS đổi được 1 cổ phiếu HVX). Tỷ lệ chuyển đổi này đã được ĐHĐCĐ của hai công ty thông qua tại Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên năm 2014 và 2015.
- Số lượng cổ phần HVX cần phát hành thêm để hoán đổi 100% cổ phần của HPS là 1.565.250 cổ phần

Tổng số cổ phiếu 1.565.250 được tính chi tiết như sau:

1	Vốn điều lệ HPS đến thời điểm ngày 31/12/2015	15.652.500.000	VNĐ
2	Số cổ phiếu chuyển đổi theo tỷ lệ 1:1	1.565.250	cổ phiếu
Tổng số cổ phiếu cần phải chuyển đổi		1.565.250	cổ phiếu

5. Đối tượng chuyển đổi:

HVX sẽ phát hành 1.565.250 cổ phần để đổi lấy 1.565.250 cổ phần HPS sở hữu bởi các cổ đông HPS.

6. Thời gian dự kiến chào bán:

STT	Công việc	Thời gian (ngày)
1	HVX nhận giấy chứng nhận chào bán cổ phiếu ra công chúng từ UBCKNN	T
2	HVX thông báo việc phát hành thêm	T+01
3	HVX thông báo về việc chốt danh sách cổ đông HPS để thực hiện sáp nhập,	T+01 đến T+10
4	HVX tổng hợp danh sách cổ đông HPS thực hiện chuyển đổi sang HVX	T+15
5	Tổng hợp và báo cáo kết quả phát hành cho UBCKNN	T+16 đến T+18
6	Hoàn tất thủ tục đăng ký niêm yết bổ sung	T+22
7	TTLK và SGDCK chấp thuận niêm yết bổ sung cổ phiếu phát hành,	T+23 đến T+28
8	Cổ đông mới của HVX thực hiện lưu ký chứng khoán	T+29 đến T+34
9	Cổ phiếu phát hành thêm chính thức giao dịch	T+35

7. Phương thức phân phối

Phát hành theo hình thức chuyển đổi cổ phiếu HVX cho các cổ đông hiện hữu của HPS

Tỷ lệ chuyển đổi là 1 : 1

Nghĩa là 1 cổ phiếu của HPS sẽ được chuyển đổi thành 1 cổ phiếu của HVX phát hành thêm.

Xử lý cổ phiếu lẻ: Do tỷ lệ chuyển đổi là 1:1 nên việc chuyển đổi không phát sinh cổ phiếu lẻ.

8. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Điều lệ Tổ chức và hoạt động của Công ty Cổ phần Xi Măng Vicem Hải Vân không quy định cụ thể giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với nhà đầu tư nước ngoài. Do là doanh nghiệp đã niêm yết cổ phiếu trên Sở Giao dịch Chứng khoán TP.Hồ Chí Minh (HOSE) nên tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu HVX của nhà đầu tư nước ngoài phải tuân thủ theo quy định tại Khoản 2 Điều 1 Nghị định số 60/2015/NĐ-CP ngày 26/06/2015 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 58/2012/NĐ-CP và Thông tư số 123/2015/TT-BTC ngày 18/8/2015 Hướng dẫn hoạt động đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam.

9. Các loại thuế có liên quan

Trong hoạt động, Công ty cần thực hiện các nghĩa vụ tài chính đối với nhà nước như thuế thu nhập doanh nghiệp, thuế giá trị gia tăng... phụ thuộc các lĩnh vực kinh doanh, đầu tư của Công ty và tuân thủ theo chính sách của Nhà nước trong từng thời kỳ. Cụ thể như sau:

➤ Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty đang thực hiện áp dụng mức thuế suất thuế Thu nhập Doanh nghiệp là 20% tính trên lợi nhuận chịu thuế.

Công ty không ghi nhận tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả vì không có chênh lệch tạm thời đáng kể giữa giá trị ghi sổ và cơ sở tính thuế thu nhập của các khoản mục tài sản và nợ phải trả trên Báo cáo tài chính.

➤ Thuế giá trị gia tăng

Theo quy định của Luật thuế GTGT số 13/2008/QH12 ngày 03/06/2008 và có hiệu lực từ ngày 01/01/2009, Công ty đang áp dụng thuế suất không chịu thuế đối với hoạt động vận tải biển quốc tế và thuế suất 5% đối với hoạt động vận tải nội địa.

➤ Thuế thu nhập cá nhân

Luật Thuế thu nhập cá nhân số 04/2007/QH-12 được Quốc hội thông qua ngày 21/11/2007 và có hiệu lực kể từ ngày 01/01/2009 và các văn bản hướng dẫn thi hành luật Thuế Thu nhập cá nhân có quy định:

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập cổ tức:*

Theo quy định trong Thông tư số 84/2008/TT-BTC “Hướng dẫn thi hành một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân và hướng dẫn thi hành Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Thuế thu nhập cá nhân”, ban hành ngày 30/09/2008 và Thông tư số 62/2009/TT-BTC “Hướng dẫn sửa đổi bổ sung Thông tư số 84/2008/TT-BTC” ban hành ngày 27/03/2009, nhà đầu tư sẽ phải đóng thuế thu nhập cá nhân đối với khoản thu nhập từ cổ tức. Khoản thu nhập này được xác định là thu nhập từ đầu tư vốn.

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Cổ tức nhận được x Thuế suất 5%

- *Thuế thu nhập cá nhân đối với thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán:*

Cũng theo Thông tư số 84/2008/TT-BTC, thu nhập từ chuyển nhượng chứng khoán bao gồm thu nhập từ việc chuyển nhượng cổ phiếu, trái phiếu, chứng chỉ quỹ và các loại khác theo quy định của Luật Chứng khoán thuộc diện thu nhập chịu thuế thu nhập cá nhân. Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất là 20%. Cách tính thuế thu nhập cá nhân phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Thu nhập tính thuế x Thuế suất 20%

Trường hợp cá nhân chuyển nhượng chứng khoán không đăng ký nộp thuế theo biểu thuế toàn phần với thuế suất 20% thì áp dụng thuế suất 0,1% trên giá chuyển nhượng chứng khoán từng lần. Cách tính thuế phải nộp như sau:

Thuế thu nhập cá nhân phải nộp = Giá chuyển nhượng x Thuế suất 0,1%

Mọi trường hợp chuyển nhượng chứng khoán không phân biệt nộp thuế theo thuế suất 0,1% hay 20% đều phải khấu trừ thuế trước khi thanh toán cho người chuyển nhượng. Căn cứ để xác định số thuế khấu trừ là giá chuyển nhượng chưa trừ các khoản chi phí nhân với thuế suất 0,1%.

- *Các loại thuế khác*

Thuế tài nguyên, thuế đất, tiền thuê đất, thuế môn bài, phí, lệ phí,... của Công ty thực hiện kê khai và nộp cho cơ quan thuế địa phương theo quy định của Nhà nước.

VII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT PHÁT HÀNH

1. TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT

Trụ sở chính: Tháp tài chính Bitexco, Lầu 15, 2 Hải Triều, Quận 1, TP HCM

Điện thoại: (08) 3914 3588 Fax: (08) 3914 3209

Chi nhánh Hà Nội: 109 Trần Hưng Đạo, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội

Điện thoại: (04) 6262 6999 Fax: (04) 6278 2688

2. TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

CÔNG TY TNHH ENRST & YOUNG VIỆT NAM

Trụ sở chính: Tầng 8, Tòa nhà Corner Stone, 16 Phan Chu Trinh,
Quận Hoàn Kiếm – Hà Nội

Điện thoại: 04. 3831. 5100 Fax: 04. 3831. 5090

VIII. PHỤ LỤC

- PHỤ LỤC I: Bản sao hợp lệ Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp của tổ chức phát hành và tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi.
- PHỤ LỤC II: Bản sao hợp lệ Điều lệ Công ty Cổ phần Xi măng Vicem Hải Vân.
- PHỤ LỤC III: BCTC kiểm toán năm 2014 và 2015 của tổ chức phát hành và tổ chức có cổ phiếu được hoán đổi.
- PHỤ LỤC IV: Các tài liệu khác.

Thành phố Đà Nẵng, ngày 14 tháng 04 năm 2016

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC CHÀO BÁN

CÔNG TY CỔ PHẦN XI MĂNG VICEM HẢI VÂN

CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ



[Handwritten signature in blue ink]

TỔNG GIÁM ĐỐC

[Handwritten signature in blue ink]

TRẦN THỊ MINH ANH

TRẦN VĂN KHÔI

KẾ TOÁN TRƯỞNG

TRƯỞNG BAN KIỂM SOÁT

[Handwritten signature in blue ink]

[Handwritten signature in blue ink]

ĐINH NGỌC CHÂU

TRỊNH NGỌC THẮNG

ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN BẢN VIỆT



TÔ HẢI